

PHẠM THỊ HOÀI

TỪ MAN NƯƠNG ĐẾN AK
và những tiểu luận



 HOP LƯU

TỪ MAN NƯƠNG ĐẾN AK VÀ NHỮNG TIỂU LUẬN

Tuyển tập truyện ngắn và tiểu luận

Phạm Thị Hoài



Paris * 05.2025

Bìa : *Khánh Trường*
Phụ bản : Đình Cường
Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*

TỪ MAN NƯƠNG ĐẾN AK VÀ NHỮNG TIỂU LUẬN

PHẠM THỊ HOÀI

HỢP LƯU & DIETMAR ERDMANN
USA * 1993

NỘI DUNG

I. Man nương và em	9
1. Man nương	10
2. Kiêm ái	35
II. Làng Đình	66
3. Cuộc đến thăm của ngài thanh tra chính phủ	67
4. Nền cộng hòa của các nhà thơ	99
III. Một anh hùng và những anh hùng khác	128
5. Một anh hùng	129

6. Những con búp bê của bà cụ	167
----------------------------------	-----

IV. Thầy A.K. cùng đồng nghiệp	190
---------------------------------------	------------

7. Thuế biển	191
--------------	-----

8. Truyện thầy A.K., kẻ sĩ Hà Thành	222
--	-----

V. Tiểu luận	332
---------------------	------------

9. Viết như một phép ứng xử	333
--------------------------------	-----

10. Một trò chơi vô tâm tích	347
---------------------------------	-----

11. Văn học và xã hội Việt Nam	361
-----------------------------------	-----

I. MAN NƯƠNG VÀ EM

1. MAN NƯỞNG

Man nường, tôi gọi em như vậy những buổi chiều bốn mét nhân bốn mét rưỡi nhân hai mét tám màu xanh lơ trong căn phòng trống rỗng tầng ba có hai nhánh xanh một thứ cây nào đó tôi không bao giờ biết tên.

Man nường, em không rón rén nhưng cũng không thật đàng hoàng bằng qua một hành lang dài bếp dầu hôi chậu và guốc dép vãi như kẹo trước mỗi cửa phòng phòng nào cũng bốn mét nhân

bốn mét rưỡi nhân hai mét tám màu xanh lơ.

Trước cửa phòng tôi chỉ có một đôi dép nhựa tái sinh nâu thô kệch cỡ bốn mươi sáu là ít nhất. Động tác đầu tiên của em là cúi nhón đôi giày trần trề nữ tính vừa trút ngoài cửa vào theo, đặt chính xác ở góc càng mở cửa càng là tàng hình. Rồi mới úp mặt vào ngực tôi mở sẵn, rồi hai bàn chân trần tìm trèo lên hai chân tôi cũng đã mở sẵn em có thêm năm centimét bệ đỡ để nhích úp mặt vào cổ tôi, rồi hai cánh tay tìm ghì lên vai tôi để em đu úp mặt vào mặt tôi, thế là tới đích.

Man nương, những buổi chiều từ hai giờ đến bốn giờ tôi gọi em như vậy, từ hai giờ đến bốn giờ nắng quái ác tôi chỉ có một chiếc quạt ba mươi năm đồng cực kỳ tế nhị muốn đặt kiểu gì nó cũng tự xoay vào mặt tường, hơn nữa từ hai

giờ đến bốn giờ thành phố chưa có điện. Tôi đóng tất cả cửa sổ, mong ánh sáng cũng được tế nhị như

cái quạt. Vì sao? Man nương, em và tôi chúng ta không phải nhân vật chính trong tiểu thuyết bán chạy nhất. Điều đó đã rõ ràng. Tôi là một người đàn ông chỉ có chiều cao là chiều cao cỡ không lại được gì. Khẳng khiu, nhan nhân xương, đốt nọ đốt kia, nhiều tới mức chính tôi cũng chẳng buồn xem chúng có được một hài hòa trật tự nào đó chẳng. Chúng không có. Em đã nhìn thấy. Em còn nhìn thấy chỗ khuỷu tay tôi chỗ bẹn chỗ hai tay chảy xuống toàn là nhăn nhó. Còn chỗ ấy là một cục xám nâu thâm hại không đáng một cái liếc mắt của trường phái nạ dòng âm thầm từng trải. Ngực thì mỏng tanh. Móng tay móng chân không cắt theo đường lối. Quần áo tầm

thường. Người đàn ông này cũng không tỏa hương thơm khát ở môi ở các ngón tay dù ngón run run rờ trên em. Run run thật. Vì làm sao tôi tin được đây là không gian ái tình. Tôi cũng đã nhìn thấy em không phải một trang mỹ nữ

với đùi dài thẳng tắp với ngực vênh vênh và tóc xõa xõa. Man nương, em chẳng có gì giống thế. Đã bao lần em đứng trước gương không biết nên trách khuôn mặt hay trách mái tóc hai thứ nhất định không cùng ê-kíp. Rồi cả hai lại hoàn toàn độc lập với những gì còn lại. Đã bao lần em gắng thu xếp một tư thế lý tưởng nào đó lúc thì giấu giếm ngực lúc xua đuổi hai cái xương chậu và chủ yếu là thủ tiêu những đường cong ngược, ôi Man nương!

Em úp mặt vào mặt tôi. Chúng mình không biết hôn một cách chuyên nghiệp.

Tôi nghe người ta nói dùng lưỡi tách hai hàm răng. Em hẳn cũng nghe nói người ta xoay nghiêng một góc bốn mươi lăm độ.

Nghe nói phải từ từ gỡ hai khuy áo trên. Phải sững sờ vài giây trước điều kỳ diệu thấp thoáng rồi có hai cách, hoặc vừa dịu dàng cúi xuống đặt môi vừa khe khẽ ngấm

như thể đẩy làm bằng pha lê bằng sứ Tàu bằng ngọc lan bằng hai giọt sương khổng lồ, hoặc tay phải bao giờ cũng là tay phải có một nhà văn đã nói về nỗi bất hạnh của những kẻ thuận tay trái cuống cuống mơn nắn vò xé từ bên này qua bên kia từ bên kia qua bên này như thể chẳng kịp như thể nó sắp đột ngột vượt lên thách thức như một dải Hoàng Liên Sơn hay sắp biến mất sau trận động đất, cách hai là cách như đại cách một là cách

như ngây. Còn em, em phải cong người ra phía sau cong mãi cong mãi con tôm của tôi chiếc lạt của tôi. Tôi mãi muốn làm mái vòm linh động rủ theo em. Che cái nắng quái ác cái nắng thiếu hẳn đức tế nhị.

Nhưng nghe nói phải diễn biến tiếp.

Bây giờ cũng có hai cách.

Cách một tôi vẫn áo quần nguyên nhè nhẹ trải em ra gấm của tôi vóc của tôi tôi có hai con mắt và một ngón tay. Em thì mắt khép đuôi khép còn lại lồ lộ run từng cơn thụ động. Cho đến khi em phải lật mình sang nghiêng, e lệ dốc thềm muốn xuống một bên lườn, một nửa số xương sườn thấp thỏm. Tôi mới liếm phơn phớt hai vành tai làm bằng nhung the và hai nhũ đầu có mùi táo Tàu. Đừng anh làm gì, em phải nói với khăn trải giường như

thế câu ấy là bắt buộc. Nếu không chúng ta là phường đồi trụy.

một câu nói có sứ mệnh tổng vệ sinh tích cực thân thể xú uế của chúng ta. Rồi chúng ta lại bốc mùi đã khử trùng của hành lang bệnh viện.

Cách hai nghe nói phải oanh liệt hơn. Như thể hai dòng sông đã sốt ruột chảy và chảy qua bao nhiêu phong cảnh qua những bè gỗ thả những áo quần giặt đùm đụp đùm đụp những đập thủy điện xây vội những vó bè tần ngần, để bây giờ đổ ập vào nhau. Không có tôi trước hay em trước. Không có sĩ diện và những chùm tiết hạnh khả phong treo hoài phòng khách. Tôi phải ồn ào giải phóng em khỏi lớp trong lớp ngoài lớp lịch sự lớp văn minh giải phóng em khỏi lòng tự trọng quá sâu sắc. Tất cả sẽ rơi

lả tả hoặc cuộn thành mả thành đụn vô chủ như trên mặt trăng. Rất gợi cảm. Rồi tôi cũng hùng hổ lộn vèo qua đầu chiếc sơ-mi trong khi một tay lần này tay phải vẫn giữ em. Dòng sông của tôi dừng chảy một mình ra biển. Rồi chúng ta phải găm gù. Ở cách hai này găm gù là bắt buộc. Lẽ ra tôi dùng thêm từ rên rỉ. Nhưng trong tai tôi từ ấy xấu xí như chiếc cà vạt phải đeo đúng cách vào các dịp nào đó. Em không có cơ hội nói một câu gì vì tôi bịt kín miệng em tôi lấp hết các cửa ngõ ngay từ đầu ào ào đánh phá bằng nhiều tốc độ vừa đánh vừa kìm. Cứ như ý tôi thì thành lũy này cho phép trợn vện hại tiếng đồng hồ từ hai giờ đến bốn giờ. Cho đến khi mỗi đứa đều băng qua điểm ích kỷ tuyệt vời chỉ còn đủ sức thán phục nhau bằng cách thiếp đi năm phút trong khi tay nắm tay nhau.

Nếu không chúng ta là phường bạc bẽo.

Vẫn hoặc là như đại hoặc là như ngày.

Nhưng đã xác định tôi và em chúng ta không ở trong tiểu thuyết bán chạy nhất. Nghe nói thì thế đấy. Nghe nói thì người ta yêu nhau cứ như thể một sự kiện. Cứ như thể tiệc tùng. Cứ như thể Niết Bàn. Tôi không có ý chống lại các superlatives như hồi vị thành niên, nhưng đã từng lên khỏi một vài tiệc lớn nơi quý ông quý bà mỗi người một chiếc ly trong tay loay hoay trình bày một phong độ. Tôi đã quẳng chiếc ly của mình vào một lùm cây gần nhất rồi chuẩn. Và cũng từng chuẩn khỏi một vài Niết Bàn nơi các quý vị náu sống lờm nguýt nhau vì xôi oản và chứng chỉ phong di tích lịch sử. Đã được xếp hạng.

Nghĩa là tôi rất yên tâm vì những buổi chiều màu xanh lơ ấy không giống như nghe nói.

Giống làm sao được. Tôi cứ nhìn kỹ vào cuộc sống của mình, soi đi soi lại, như tự nghiệm, như rắp tâm viết hồi ký, thì thấy rõ. Không có sự kiện đáng hàng tit lớn nào xảy ra với tôi. Hồi nhỏ chắc tôi cũng đã lên sởi, đã mấy lần gãy tay và mắc chứng táo bón chứng bỏ học chứng lười đánh răng. Tất cả những chuyện đó thật đáng yêu nhưng chúng chẳng cho phép tôi thành một chú bé khác thường. Tôi cũng là cái giá áo cho những trang phục hiếu chiến nhất suốt một tuổi vị thành niên. Hồi ấy mỗi ngày tôi búng ngón tay và nhổ nước miếng mấy trăm lần. Từng cái lông chân của thiên hạ đều khiến tôi giận dữ và kinh tởm. Sau khi thấy thế chỉ tổ cho bà con khu phố được

giải trí không mất tiền, tôi chuyển qua trầm ngâm. Ngay từ hồi ấy tôi đã hiểu thấu đáo ý nghĩa của việc lặng ngời nhăm nháp một tách trà ở ngã tư Hòa Mã, nơi cứ hai tuần tàu điện lại chệt chệt một ai đó. Ngay từ hồi ấy tôi đã tập được những ý nghĩ bao quát về số phận. Tôi nghĩ ngợi về sự cầu thả không thể tin được của con người trong cái cách của họ im ỉm đóng cửa cãi lộn hoặc an ủi nhau tất cả thường diễn ra quanh mâm cơm người này gấp thêm một miếng cho người kia người khác thì hất nước mắt ra chiếu, trong cái cách họ lê dế đi ra đường hoặc dính chặt vào yên xe đạp, trong cái cách họ chào nhau bằng những câu xoi mói, họ vén quần đái giữa phố một cách rất khêu dâm, họ ngồi chồm hổm ở khắp mọi nơi như những con khỉ vui sống, họ tỏ tình không ý nhị gì cho lắm, họ sục nức mùi cá biển cắt ô toàn thành phố trong

cùng một ngày. Tôi nghĩ ngợi rất nhiều về tương lai. Tương lai khi ấy đối với tôi vẫn còn là một ngôi sao treo khuất ở đâu đó. Tôi cũng bỏ công lên đường tìm kiếm những kẻ giống mình, nghĩa là những kẻ trầm tư chĩa mắt vào cuộc đời mà họ chưa từng sống. Nhưng đây là nhận định bây giờ. Thuở ấy tất nhiên tôi lang thang đi tìm tri âm như một kẻ đã sống quá đủ kể cả đời sống tình ái. Có một cô tên Lan hơn tôi mấy tuổi chịu trách nhiệm về điều đó. Chúng tôi ngồi ở công viên Pasteur rồi chạy tuốt lên đường Lê Phụng Hiếu trốn một công an và hai dân vệ. Cuối cùng ở con dốc gần lò mổ tôi mới biết cô nàng là nạn nhân của bệnh đậu mùa và hơi rình ở miệng ở nách còn những chỗ khác tôi hoàn toàn lú lẫn. Thế là quá đủ. Tôi cặp kè sống chết với Vũ và Lâm. Vũ là một đứa loẻo khoẻo thích đội mũ phớt biết kéo vĩ cầm xuất thân

giáo sư cả bố lẫn mẹ. Trên thế gian này không có ai đáng cho nó nói chuyện dù chỉ là câu thể nào khỏe chứ. Vì thế sự trầm ngâm của tôi là hợp cách. Lâm lại là hình ảnh của rất muốn dùng bạo lực. Vì lý do tổng quát. Nó bị ám ảnh bởi ý nghĩ rằng chỉ riêng sự có mặt của nó trên đường phố đã đủ là lời tuyên án trực tiếp nhất nếu không muốn nói là sự khủng bố đầy hân hoan với tất cả những gì còn lại, nó với bộ râu quai nón tương lai với cặp mắt chứa chan tình cảm và đôi môi cố mím để khỏi mếu mếu cười cười. Rút cục chúng tôi cũng chỉ là bộ ba phổ biến bao giờ người ta cũng ưa chuộng con số ba. Làm như nhân ba thì phần chẵn hơn nhân bốn. Tất cả những chuyện ấy cũng thật đáng yêu thật đáng nhớ lại kể lại với gia thêm một chút bột canh Việt Trì. Nhưng sòng phẳng mà nói những sóng gió tuổi choai choai ấy đến một lúc nào

đó bỗng nhiên đi đâu hết. Tôi chẳng biết bây giờ Vũ đã đội chiếc mũ phớt thứ bao nhiêu trong cuộc đời.

Lâm đã lầm bầm nguyên rủa bao nhiêu lưỡi dao cạo. Một ngày nào đó gần đây tôi chợt nhìn thấy Vũ dắt chiếc một linh ba mặt mũi đây tự trọng kiểu trí thức thuộc địa và theo sau một quãng nghi binh là một nàng đeo kính cổ tách khỏi môi trường. Tóc nàng để rất dụng ý. Khóc miệng thì chán chường căng thẳng. Những phụ nữ hạng siêu việt này chỉ có một mục đích trong cuộc đời là săn tìm một người đàn ông có thể hiểu được mình. Họ quả là không đơn giản chút nào. Tôi mừng cho Vũ từ đằng sau. Thế là nó đã tìm được ai đó đáng cho nó nói chuyện. Thế là nó đã trưởng thành, đã có một đời sống xã hội thật rồi cứ nhìn cách nó chọn xe pháo thì biết. Còn

Lâm đôi ba lần lướt qua ngay sát mũi tôi nhưng tôi chẳng kịp đánh hơi xem nó là ai. Mà tôi chắc cũng không dậy mùi VIP khiến nó phải miễn cưỡng ngoảnh lại. Nó đã quệt vớ cái đèn xi-nhan bên trái của tôi để lách chui qua chiếc chắn tàu ở đầu đường Khâm Thiên, nó tỏ ra biết quý thời gian ở tình huống chắn tàu như phần lớn người Hà Nội hiện đại và cũng giống như phần lớn người Hà Nội hiện đại nó không xin lỗi. Thế cũng là một trưởng thành.

Man nương, chẳng bao giờ em cật vấn tôi tôi cật vấn em xem chúng ta có đáng một hàng tit lớn nào không. Cứ thử nghĩ xem khi người người ta đẹp khi người ta cường tráng người ta nổi tiếng và giàu có mà lại còn yêu nhau và yêu nhau hợp đạo lý thì có gì mà nói nữa. Hoặc khi người ta bị xô vào nhau như

Chí Phèo Thị Nở thì cũng chỉ cần nói một lần trong sách vở là đủ. Chúng ta chẳng có gì giống thế.

Tôi rất mừng thấy em không phải hạng phụ nữ siêu việt như trên vì tôi không thích là mục đích của đời em. Nếu như thế tôi sẽ bứt rứt sẽ gồng lên và một lúc nào đó cái không gian ái tình màu xanh lơ nóng hầm hập tro bụi của chúng mình dứt khoát sẽ biến thành vũ đài. Tôi sẽ vung vẩy hò hét ở đó trên cơ sở cặp mắt sáng rực của em. Không, vì tôi biết tới gần giây phút sung sướng có thật nhất có một màn mây mỏng dùng đục kéo qua mắt em, trông em đau đớn thất thần như trong cơn vượt cạn, rồi ở cái điểm ích kỷ tuyệt vời ấy em lơ đãng nhắm mắt, khẽ trào ra một hai giọt lệ, còn tôi thì khụt khịt như bị ngạt mũi. Theo thẩm

mỹ riêng của tôi như thế đáng cảm động hơn vũ đài.

Tôi cũng rất mừng thấy em không phải hạng phụ nữ nổi loạn muộn mằn. Em không có một quá khứ đại đột nào để bây giờ phải cân bằng. Em cũng không hăm nhừ chúng mình trong nhiệt độ cao của những tâm hồn bây giờ mới biết bốc cháy. Em lại càng không xoa dịu lương tâm bằng cái cách phổ biến là vò xé nó. Không phức tạp, không riết róng, không ồn ào. Nếu cần nói về em, tôi luôn chỉ biết em không như thế nào. Cứ trừ dần trừ dần đi, có thể còn lại là em, ôi Man nương!

Tôi thường hết lòng ngắm em vào lúc hai giờ năm phút và bốn giờ kém năm phút. Hai giờ năm phút em gỡ tóc ra và chải. Bốn giờ năm phút em chải và

búi tóc lên. Bao giờ cũng chùng ấy động tác xoắn xoắn vuốt vuốt chùng ấy sợi tóc rụng mơ hồ. Bao giờ cũng là cái lược ấy, cũng nhựa tái sinh, cũng màu xanh lơ, bán rất nhiều ở các tiệm hàng xén ngoài chợ. Tôi không thể hình dung em với một cái lược khác. Đến nổi buổi chiều cuối cùng tôi đã hỏi xin em cái lược ấy. Em nhẹ nhàng hỏi như thế có xúc phạm vợ anh không. Tôi cười trừ và bỏ ngay ý định. Tôi không cho phép ai cho phép cái gì xúc phạm vợ tôi ngoài chính tôi. Nàng cũng biết thế và nàng không đau đớn quá mức cần thiết.

Ở khoảng giữa hai lần chải đầu, tất cả diễn ra đều đều trật tự. Tôi đã nói rồi, không có sự kiện. Đầu tiên em lơ đãng liếc qua một hai mẫu báo rơi chệnh mảng trên sàn tôi thường mua bánh mì kẹp trong giấy báo. Trong khi đó, tôi

kiểm tra một lần nữa các cửa sổ rồi rót nước lọc cho em vào cái nắp phích. Tôi tới ngồi bệt trên sàn cạnh em, quạt quạt bằng bìa tờ phụ san thể thao văn hóa. Có Madonna và Maradona. Chẳng bao giờ tôi đưa ra một nhận xét tích cực về áo quần và mùi hương của em vì với em tôi không nở nịnh. Em trang phục theo lối tổng thể không thay đổi nên mọi nhận xét về biến cách của chi tiết một cái cổ áo dầm ba cái cúc mấy đường chít chít lượn lượn đều vô ích. Chỉ có một lần em giặt thêm hoa ngọc lan trong nịt vú. Đây không còn là biến cách mà là một phá cách đàng hoàng. Nhưng chỉ một lần em không lặp lại chẳng hiểu vì sao tôi cũng không hỏi.

Rồi lượng chừng mẩu báo đã dẫn luận xong, tôi đỡ em nằm xuống vẫn ngay trên sàn nhà chỉ thêm hai chiếc gối

chứ chẳng giường chiếu khăn khiếc trải gì hết. Hai chiếc gối bọc cùng loại vải kẻ ô cùng một đường may như đôi quần đùi của tôi. Em sẽ không nói gì với khăn trải giường, phải rồi, đấy là một tất yếu. Trong cái ánh sáng khó tả đã được tôi dàn xếp trước, trên nền gạch vàng nhờ nhờ và từ góc nhìn chênh chếch xuống trông em thật tươi. Mi mắt sẫm hơn, vành môi rõ ràng hơn, gò má thanh thoát hơn. Tôi ôm em một lúc vừa ôm vừa quạt vẫn phẩy đi là Madonna phẩy về là Maradona. Được khoảng trăm cái tôi mới tay em cũng tự động nhích ra. Đến lượt những câu chuyện băng quơ. Có gì mới không em, có gì mới không anh, hai câu hỏi và hai cái lắc đầu thế là đã hết năm phút. Đấy là tốc độ sống bình thường, tôi biết có những người còn chậm hơn. Chúng ta đào đâu ra từ bốn giờ chiều hôm trước đến hai giờ chiều hôm sau những thông

tin túi bụi, tôi với em chúng ta thuộc loại chưa từng gọi đi đâu một bức điện khẩn. May mắn mỗi người trong chúng ta có được một hai quyết định tạm gọi là quan trọng trong cuộc đời. Trong cả cuộc đời, tôi muốn nhấn mạnh. Hai mươi hai tiếng đồng hồ chỉ vừa xoắn cho ta tự nhiên già đi một chút không nhận thấy, tự nhiên quên đi một cái gì không rõ, tự nhiên ra ra vào vào thêm mấy lượt ở ngay cửa nhà ta mà thôi. Nghe thì chán nhưng thật ra tất cả những chuyện ấy cũng thật đáng yêu. Vì thế tôi vẫn đầy hứng khởi theo sát những chuyện không mới của em. Hôm nay con bé nhà em lại nhất định không chịu đi nhà trẻ. Hôm nay em gặp chị ấy chị ấy ở đầu chợ Hôm lâu lắm không gặp trông có vẻ béo ra. Lý tưởng thẩm mỹ của em là béo tôi có thể hiểu được. Hôm nay hôm nay hôm nay. Tôi không có khả năng miêu tả cuộc đời mình giản dị sinh

động như thế, nên lòng dần tràn âu yếm. Và bắt đầu run run rờ trên em. Làm sao tôi tin được đây là không gian ái tình.

Em nhồm dậy xoay lưng cởi áo tôi cũng nhồm dậy xoay lưng. Bên nào ra bên ấy không có cảnh ngổn ngang vô chủ. Trung thành với truyền thống mảnh trong vẫn ở trong mảnh ngoài vẫn ở ngoài ngăn nắp trên sàn. Em không hề biết trên đời có cái gọi là hiệu ứng đồ lót. Còn tôi cũng không hề biết cách nâng niu những thiên thể bé nhỏ ấy tôi sợ chúng tuột qua kẽ ngón tay. Rồi chúng ta cùng quay nhanh lại cùng trườn vội vào lòng nhau cùng nhìn sâu vào mắt nhau thế là mắt khỏi chạm vào những chỗ khác. Tay cũng thế môi cũng thế nói chung cái nào cái ấy rồi tất cả cùng trật tự đi tới đích, hoặc thỉnh thoảng cũng không đi tới đích. Tình thần chung là không sáng

tạo. Có thể tôi luôn tỏ ra sung sướng hơn tình cảnh thực một chút. Có thể tôi tìm cách giấu giếm một vài cố gắng. Và có thể em một đôi lần cũng nhẩn nại nằm đó cho cái tình yêu thật kém điêu luyện này có chỗ mà đậu vào. Có thể như vậy. Đây không là những động tác giả. Đây chỉ là để thay thế những xin lỗi cảm ơn tương kính như trong hội nghị mà chúng ta chẳng thể du dương cất lên.

Sau đó đến lượt em quạt, quạt mãi quạt mãi, vài chục nghìn chiếc tôi đếm không chính xác vì lần nào cũng thế đúng lúc ấy hai nhánh xanh một thứ cây nào đó tôi không bao giờ biết tên đột ngột lách qua một khe cửa sổ nhòm vào. Như một nụ cười hiền. Nhân chứng duy nhất đấy, kẻ khích lệ duy nhất đấy. Tôi quên bằng những đốt xương nhan nhản của mình, quên sự trầm tư, quên rằng

bên cạnh tôi em đã thu xếp được một tư thế lý tưởng từ lâu; tôi nháy mắt và đánh lưởi với một con thạch sùng treo lẳng phắc trên trần; tôi ư hử trong cổ họng: Man nương ới Man nương. Không bao giờ em biết tôi gọi em như thế.

Buổi chiều cuối cùng đợi em búi tóc xong tôi đã bẻ một trong hai nhánh xanh ấy trao cho em. Em chớp chớp mắt ngạc nhiên rồi bỏ nó vào chiếc túi cán thường đeo kéo phéc-mơ-tuya thật chặt. Một nửa nụ cười hiền nhàu nát theo em vượt qua lại một hành lang dài bếp dầu hôi xô chậu và guốc dép vãi như kẹo...

Tôi định bụng đem theo nốt nhánh xanh còn lại sớm hôm sau khi già từ Hà Nội. Nhưng việc ra đi bận rộn khiến tôi quên đi mất. Căn phòng của tôi đã bán.

4.1992.

2. KIÊM ÁI

*tặng tác giả của những
nhân vật xưng em*

Có hai mẹ con trong căn buồng như một ga tàu treo mào hiểm trên tầng năm. Hành khách toàn đàn ông. Họ là những người quen ra vào nơi công cộng. Cứ thử quan sát họ, dù ở một nhà vệ sinh thu tiền, hay bu quanh một góc tiểu tiện khoan khoái ấm cúng giữa phố, bao giờ họ cũng khác khi ở gia đình riêng. Nghĩa là giấu chỗ bí tất thủng dưới lòng bàn chân, cân nhắc tùy mức độ các động tác và lời nói, và hay chột dạ. Xung

quanh có ba hàng xóm. Ông số 7 của mẹ, làm nghề thu tiền điện, bảo, đến nhà nào cũng thấy một con đực, và kè kè bên nó một con cái, không rõ có phải của nhau hay không, nhưng xem ra cố định. Nhà nào cũng thế, khiến ông ta ghen ngào. Em đã thử sang xin muối của cả ba hàng xóm. Quả có thể thật. Riêng nhà em một kiểu. Mẹ thường bảo, mẹ con mình sống kiểu thời chiến. Không có ông nào đào ngũ, về ở hẳn với mẹ.

Trong căn buồng - ga tàu treo của hai mẹ con, cái gì cũng chuẩn bị nhỏ neo, không ở yên một chỗ, cái gì cũng phấp phới bay, nhất là bức bình phong vải phin hoa nội địa ngăn giữa nơi tiếp khách của mẹ và góc học tập của em, cái gì cũng mang tinh thần không rõ ngày mai trôi giạt phương nào, trừ những cuống vé của đám hành khách đàn ông. Chúng là

kỷ niệm, nên có quyền chất lù lù thành núi, không ai can thiệp được. Kỷ niệm mang hình đầu lọc thuốc lá còn hằn rõ vết răng, vừa cắn vừa ngậm kiểu đàn ông, bẹp gí, nông nông. Rồi những bức thư, cả xấp chưa trả lời, cả xấp nguyên không bóc, cả xấp bị xé vụn, rồi những mảnh vụn lại được giấu dưới một đáy hộp nào đó. Đủ kiểu giấy: ông này xé sổ tay, ông kia rình kiếm loại xa xỉ ngoại quốc, ông nữa dùng loại kẻ ô ly, chắc có con đang học lớp dưới. Rồi những lọ nước hoa được sản xuất từ những nơi có truyền thống yêu đàn bà, đã dùng cạn vẫn xếp hàng góp mặt trên giá. Album ảnh thì đầy những khoảng trống lem nhem như bộ nhớ của thời gian, với dòng chữ và con số chứa toàn bộ điều bí mật đã dập xóa công phu bên dưới. Kỷ niệm còn là những vết thủng trên tường bê-tông..., một đồ đạc treo nặng nghĩa tình nào đó

đã sơ tán... Mẹ con em sống kiểu thời chiến, kỷ niệm cũng nguy trang, vội vội vàng vàng. Có iúc, em muốn châm lửa đốt sạch, giải tán luôn cái nhà ga này, hay tế nhị hơn: dùng chiếc quạt tai voi già nua xua tời tả đồng kỷ niệm không chịu tự động hành quân ấy ra ngoài cửa sổ, cho chúng đậu xuống mái nhà tầng dưới -dưới ấy và dưới ấy nữa, sâu xuống lòng đất, chắc chắn chỗ nào cũng là một con đực và một con cái cố định bên nhau - thành rác rưởi ở đó, công khai băng hoại ở đó và thối hoảng lên, để mỗi lần nhìn ra cửa sổ, mẹ, người nhạy cảm với hương thơm và cái đẹp, phải rùng mình. Nhưng không. Mẹ, hoặc mở toang cửa sổ, mắt phơn phớt một chút xanh, môi phơn phớt một chút hồng, miệng không ngậm được vì cứ phải cười một mình và hát một mình, còn tâm hồn thì bay trước xuống tận chân cầu thang tầng một, bắt

chấp phân chó của cả năm tần g, rạo rục hồ, hoặc đóng sập cửa sổ, quật lên những chiếc gối trắng tinh các bức màu nước đầy ấn tượng xanh hồng và đen sì chì kẻ mắt made in Japan, rồi vò nhàu chúng, phẫn nộ, tức tưởi như họa sĩ không hài lòng với tác phẩm, vò nhàu tóc tai người ngợm và nữ tính bất diệt của mình, và, hai tiếng đồng hồ sau, bài thơ “Bầm ơi” em chưa kịp thuộc lòng câu kết, mẹ lại mở toang cửa sổ: quá khứ đã được thanh toán đảng hoàng bằng nước mắt ba màu. Thế thôi, chứ mẹ không rùng mình. Núi kỷ niệm còn đó. Mẹ chẳng sống với nó, nên em thành người cai quản. Trong căn buồng - ga tàu treo của hai mẹ con, em là người kiểm vé.

Diễn biến cái mối tình của mẹ, tổng kết một cách khoa học, luôn giống nhau: bao nhiêu sung sướng, bấy nhiêu

đau đớn, cho cho nhận nhận, cao trào, thoái trào, cộng trừ xong tóm lại là bằng không, trừ trường hợp người đàn ông mới toanh hiện nay của mẹ, và của em, và dĩ nhiên trừ những khoản thư giãn dễ chịu. Nhưng mẹ, người không hề rùng mình trước triển lãm ký ức mà em có thể tổ chức tế nhị ngoài cửa sổ, trên mái nhà tầng dưới, lại rùng mình trước lý lẽ mớ xẻ và khái quát của em. Những nẻo đường của tình cảm, con gái ơi, bất ngờ pháp phỏm lắm. Đừng soi mói chúng. Chúng biến hóa vô cùng. Hãy để chúng tự dắt con đi, đừng cố gắng kiểm soát, đừng dùng lý trí làm nỗ lực cưỡng lại. Mẹ nói thế, vì mẹ mang trái tim thiếu nữ mù lòa của em. Với em thì đã muộn.

Em, vì còn ai nữa đâu trong căn buồng thời chiến, nhận trái tim thiếu phụ mệt mỏi và cạn kiệt cảm xúc của mẹ.

Vậy là, đầu tiên mẹ tò mò, khởi điểm của sung sướng. Ông số 7 chẳng hạn, gây ấn tượng đáng kể bởi những ngón tay dài màu vàng nâu luôn lơ đãng. Ông ta là một người đàn ông trung niên có đủ thứ mặc cảm. Thông thường, ông ta trốn khỏi mở mặc cảm đó, bằng cách theo đuổi những ý nghĩ xa xăm. Người trước đó, em nhớ, có bàn tay ngắn mập mập, hiếu động, hiện thân của sự vui vẻ. Hẳn no đủ và hơi quá vui tính, em nhớ, em đã phàn nàn như vậy. Ông số 7 lơ đãng và phiến muộn. Mẹ đã ngồi ngây ra khi ông ta đốt thuốc lá như thắp hương. Điều thuốc cứ tự cháy tàn trong lòng chiếc đĩa con đựng chén trà hầu như không được đụng tới, hết điều này đến điều khác, những điều thuốc lá đất tiền của mẹ, trong khi ông ta lơ đãng hướng nội. Nếu có hút vào, ông ta cũng sẽ ho sặc sụa. Nhưng cứ châm thuốc, để đó, hướng nội cái đã.

Ông hướng nội, ông hướng ngoại, mẹ chạy vòng quanh, cũng là một thế giới lạc quan.

Ông số 7 là một trong những tai họa lớn nhất của mẹ. Sau ông ta rất lâu, thỉnh thoảng mẹ vẫn đỏ mặt khi bị em bắt quả tang đang dăm dăm nhìn điều thuốc mẹ tự tay đốt trong lòng đĩa, với lời cầu nguyện bí ẩn trên môi. Một tôn giáo mới ra đời. Em đưa cho mẹ một trong chín cái gạt tàn chính quy nằm rải rác khắp nơi, để bất cứ ở tọa độ nào cũng tiện cầm tay với. Rồi em xoay lưng lại, cho mẹ áp hết tất cả các đốt xương sống lạc quan của mẹ lên em, tựa vững chắc vào em, vì còn ai nữa đâu trong căn buồng thời chiến. Mẹ quả là phi thường. Mẹ luôn biết cách biến các tai họa thành điều may mắn. Sau ông số 7, mẹ đã may mắn rút kinh nghiệm là nên tò mò vào những

điều thiết thực hơn. Thế là mẹ gặp một ông luôn đứng ra tổ chức rất thành công các hội thảo và hội nghị khoa học cho người khác phờ phạc ngồi nghe, còn ông ta, thấu hiểu rằng sự thật nằm trong cốc bia của những chiến hữu thân thiết, nên chỉ xuất hiện để khai mạc và tổng kết. Sau đó, mẹ quan tâm tới một ông bác sĩ phẫu thuật thẩm mỹ đang chiêu khách cho phòng khám tư nhân. Ông này hùng hồn nêu cao nhu cầu đặt lại, chẳng hạn, một ngón chân cho ngay ngắn, dù con người ta phần nhiều xuất hiện dưới mắt nhau trong giày và bí tất.

Khi ông ta về, mẹ lập tức ra mắt trong bộ đồ tắm hai mảnh mà mỗi mùa nghỉ mát mẹ đều thẩm nghĩ nó đã hết mốt. Em cùng chiếc đèn bàn Liên Xô cổ ngồng gật gù đi vòng quanh mẹ nhiều lần. Phải khách quan, con gái ạ, đừng mẹ

hát con khen hay, như thế không tiến bộ được, mẹ yêu cầu khe khẽ. Không, mẹ ơi, cơ thể ba mươi sáu tuổi của mẹ thật tuyệt vời, ông bác sĩ miệng cá ngạo đó đừng hòng hy vọng, em quả quyết thế. Ông ta hãy về mà cắt dán móng má và xếp lại các ngón chân cho chính vợ ông ta í. Bà í rất cần. Mẹ cảm ơn em. Em cùng chiếc đèn cổ ngỗng trở về xem xét lần cuối những chỗ lõm lồi trên bản đồ Việt Nam cho cuộc biểu diễn vẽ theo trí nhớ trong giờ địa lý sáng hôm sau. Câu chuyện bên kia bức bình phong của ông bác sĩ khiến em không thể vượt qua đoạn sùi ở bờ biển vĩ độ mười hai mười ba. Sau lưng em, mẹ đang hỏi ý kiến tấm gương Pháp, tài sản duy nhất mẹ yêu cầu và được quyền sử dụng sau ly hôn. “Chính con mới là tài sản duy nhất của mẹ, con gái ạ”, mẹ thường nói thế, nhưng lòng tin cậy gửi gắm của mẹ vẫn tiếp tục

chao đảo giữa em và tấm gương. Ánh mắt mẹ sáng ngời khi chạy trên đường viền khuôn mặt thanh tú và đường cong hoàn hảo của bờ vai, bộ ngực, nhưng tối dần, tần ngần dừng lại và cũng không vượt qua nổi khu vực tương ứng như trên tấm bản đồ của em.

Sáng hôm sau, bài kiểm tra địa lý của em là nguyên vẹn mẹ, trong bộ đồ tắm hai mảnh đầy lo âu, hình chữ S. Em đã vẽ đoạn phình ra, sẵn sùì, ở vĩ độ mười hai mười ba thật đáng hoàng, thật âu yếm, để mẹ không cần mặc cảm gì hết, để mẹ đừng tin những tấm gương, dù là gương phẩm chất đã được thử thách của thời xa xưa để lại. Chính vì em, và cho em, chỗ ấy mới sẵn sùì thế. Nên với em, nó tuyệt đẹp, nó cảm động hơn tất cả những cái bụng mỡ miều của các hoa hậu. Hơn nữa, khi người ta mang một trái tim thiếu

nữ luôn đập loạn xạ, thì cái túi thịt bên ngoài nào có ý nghĩa gì. Và nhìn chung, tại sao phải bận rộn đến thế vì riêng cái tấm thân? Rאי sao phải quan tâm nhiều đến nó thế, dành cho nó lắm phát minh thế, phụ thuộc cuộc đời vào nó thế?

Mẹ suốt đời mang trái tim thiếu nữ của em.

Ngay chiều hôm đó có cuộc gặp mặt trực tiếp giữa nhà trường và phụ huynh phía bên kia bức bình phong phấp phới. “Bây giờ, tôi thật không còn ngạc nhiên về điều gì nữa”, thầy giáo dạy địa lý vò nát bức chân dung mẹ, phác họa bởi thiên tài của em, với dòng ghi chú “Mẹ Việt Nam”, rồi lại vội vàng mở ra, vuốt phẳng, nhét vào cặp, để còn trình ban giám hiệu, và ba chân bốn cẳng chạy thực mạng khỏi căn buồng - ga tàu treo. Thỉnh thoảng cũng có một hành khách

nhằm ga như thế. Chẳng qua, thầy chỉ là một người đàn ông nhỏ thó, luôn kinh hoàng trước sự lễ phép giấu cột của đám học trò phỏng phao. Rồi sự thân ái của đồng nghiệp cũng giấu cột. Tôn ti trật tự trong gia đình cũng giấu cột nốt... Mẹ áp lên má em một giọt nước mắt và không bao giờ nhắc tới ông bác sĩ nữa. Mỗi lần mẹ khóc, bộ ngực mẹ như muốn bật tung ra, rơi vào tay bất cứ ai đang ở gần. Bên kia bức bình phong, đã bao nhiêu ông khách phải làm phúc giữ hộ bộ ngực không chịu ở yên một chỗ ấy. Em đã nói, trong căn buồng này chẳng có gì cố định.

Sau tò mò, mẹ chuyển sang khám phục, hoặc xúc động, hoặc cả hai thứ một lúc. Mẹ đã khám phục đủ thứ. Một ông luôn nói những lời mơ hồ mà mẹ chẳng hiểu gì hết, nhưng mê mết linh cảm đằng sau đó những điều thiêng liêng

to tát. Một ông đi đâu cũng được thiên hạ mời mọc hỏi han, khiến mẹ vô cùng hãnh diện. Rồi những ông luôn đứng hện, ôi con người mới đáng tin đáng quý làm sao, những ông nhạy cảm lạ lùng, những ông nho nhã, những ông khéo tay, những ông cương cường dũng mãnh, những ông rất đổi dịu dàng, những ông mực thước thâm thúy, những ông phóng khoáng bao dung, những ông uyên bác thông minh, những ông vô cùng bí hiểm, những ông mộng mơ, những ông quần áo chả có gì mà trông lúc nào cũng thích mắt, những ông giản dị khiêm nhường, những ông cực kỳ lịch duyệt, những ông trẻ thơ, những ông là đá hoa cương, những ông là người thuyền trưởng, những ông giàu óc thực tiễn, những ông yêu súc vật, những ông luôn biết điều, những ông chói lọi tài năng, những ông quên mình cho lý tưởng, những ông

chẳng làm ai buồn, những ông không hắt xì hơi trước mặt phụ nữ và trẻ em, những ông là cả một thế giới độc lập ngang tàng, những ông vui vẻ xách làn cho vợ... Các ông ấy, ông nào cũng hơn hẳn những ông còn lại, hơn hẳn và hơn tất cả, ông nào cũng “Tôi thế này”, “Phải tay tôi thì”, “Tôi nghĩ”, “Tôi muốn”, ông nào cũng trình bày mình như một cơ hội lớn trong cuộc đời đến là nẫu ruột này. Như thế, hỏi mẹ nhẹ dạ của em làm sao không run lên? Và khi mẹ đã thán phục, thì xin tạo hóa đừng tự ái, đừng khuyển nhủ, đấy bao giờ cũng là người đàn ông duy nhất và cuối cùng trên mặt đất. Mẹ mở lòng ra, khâm phục thậm chí những ông “chẳng có gì đặc biệt, nhưng con gái ạ, đấy mới là điều dễ chịu nhất. Rồi sẽ đến lúc con biết đánh giá đúng mức sự dễ chịu”. Em không còn cơ hội để đánh giá điều gì nữa. Em đã sống trước tương

lai đàn bà của em trong mẹ, đã gửi cả vào mẹ trái tim mười sáu tuổi cường tráng của em, và nhận chân canh giữ ký ức quá tải ái tình của mẹ. Ở nước ngoài, em có thể là một bồi phòn g tốt, được trả lương cao, em có thể là một bồi phòng cam.

Vâng, em mười sáu, em định nghĩa tốt chúng lãnh cảm.

Mẹ, đã thành chu kỳ, cứ sau ba cuộc thăng trầm lại lớn tiếng ca ngợi sự dễ chịu thuần túy. Đó là những khoảng thư giãn ngay trong tình yêu, vì tình yêu trong cuộc đời mẹ không ngày nào được nghỉ. Thỉnh thoảng, mẹ nghỉ ngơi trên mặt hồ, trong một nhà hàng ẩm cúng mới phát hiện, hay trong một buồng khách sạn ven đô, với slip mặc lần đầu, đồ hộp, và một người đàn ông không thuộc về mẹ một khoảnh khắc nào, cũng như mẹ tuyệt đối không thuộc về ông ta. Ông ta là cả một

khối dễ chịu đồ sộ, với bàn tay nóng ấm mơn man lịch sự, không cuống cuống, không thúc bách, bàn tay biết nghe lời và biết yêu thương đặc biệt những khu vực giàu mặc cảm của mẹ, vĩ độ mười hai mười ba, để mẹ nhắm mắt quên đi, quên đi cái quá khứ nông nổi lỗi lầm, quên đi đứa con gái vị thành niên mắc chứng lãnh cảm, quên đi, hay đừng sống trước những gì chờ đợi, vì em ơi, những nẻo đường của định mệnh làm sao kiểm soát nổi. Em ngốc lắm, em ngu nữa, ông ta bảo mẹ thế, hãy để yên, anh thấy dễ chịu. Mẹ và ông ta, họ không tương tư nhau. Họ biết ơn nhau. Thế, đối với cuộc đời bị thóa mạ thường trực của mẹ đã là quá nhiều an ủi.

Khả năng xúc động của mẹ còn khổng lồ hơn khả năng khâm phục. Mẹ cứ rối rít lên như cần ăng-ten, bắt đủ thứ

sóng ngắn dài. Những làn sóng lượn qua nhau, đè lên nhau, nổ lục đục trong lòng em. Lòng em là cái loa hồng từ lâu. Ông số 7 chẳng hạn đã đánh gục mẹ bằng sự bất hạnh triền miên của ông ta, một sự bất hạnh không cần đèo thêm nội dung nào cụ thể, một sự bất hạnh có tính nguyên tắc. Ông ta bất hạnh khi ngồi trước mặt mẹ, bên kia bức bình phong, cả hai cùng im lặng thật hồi hộp về màu sắc, để tránh cho thế giới học trò của em nguy cơ ô nhiễm. Ông ta tiếp tục bất hạnh, khi em trang trọng kiểm có xuống nhà đổ rác, nhân tiện mua ô mai. Và tất nhiên khi ông ta chào mẹ để về thuê thằng con trai chín tuổi đi học, cứ điểm mười năm trăm, điểm chín bốn trăm, điểm ba tám trăm, từ bảy trở xuống không tính, khi ông ta chào mẹ ở chót vót trên tầng năm để về thực thi nền giáo dục và nghĩa phụ tử kiểu ấy, rồi gặp em mọc rễ bên cái xô

bắn ở đầu đó bên dưới, miệng tê dại vì đắng và chua không mở ra chào ông ta được, thì nỗi bất hạnh của ông ta nhuộm toàn bộ không gian xung quanh khu cầu thang trong một vầng hào quang đen ma ám. Sự bất hạnh là cái gì mà quyến rũ thế, em hỏi. Mẹ giật cái xô rác trong tay em, ném choang xuống cầu thang: “Nói như thế là sỉ nhục người khác, con không biết à!” Cái xô trống rỗng thoát đầu lao vun vút xuống, ba bậc một, ngập ngừng dừng ở khoảng chiều nghỉ chật hẹp hà tiện, rồi quả quyết tự chỉnh hướng, quay lại, khổ sở leo lên từng bậc thang và nhẫn nhục đứng trước mẹ, như thầm nói: “Thưa bà, tôi không có sĩ diện”. Mẹ gật. Sau này, ông số 7 cũng nói, đại ý, ông ta không có sĩ diện. Ông ta là công dân của một đất nước ở vào thời buổi không có gì đáng sĩ diện hết.

Mẹ vẫn mở lòng ra, xúc động trước tất cả: những ông khát vọng không chịu già đều cùng tuổi tác, những ông lạc lõng giữa các bầy nhóm và tập đoàn, những ông chỉ sống để trả thù các thành công không xứng đáng của kẻ khác, những ông cao dưới một mét sáu mươi, những ông dang dở mọi nhẽ, những ông phải tiết kiệm hai trăm gửi xe, những ông lên gân cho các cuộc giao du quý phái, những ông không làm cách nào ly hôn được với vợ, những ông đắm đầu vào bệnh lậu trong tinh thần ngơ ngác, những ông vất vả ngược xuôi thu phát các tư tưởng độc đáo, những ông tuyệt vọng chống trả bị kịch bị lãng quên..., và ưu tiên số một là những ông công dân bất hạnh. Hai khả năng của mẹ, khâm phục và xúc động, là hai cánh tay khổng lồ vươn ra ôm trọn thế giới đàn ông, không cho ông nào thoát. Thế, nên khách nhà em thường bắt tay

nhau sống sờ. Người đáng kính ngồi kể kẻ đáng thương. Ông thành đạt chia tay cho ông chưa thành đạt và ông không bao giờ thành đạt. Họ khinh trọng nhau ở đâu, chứ ở nhà em, tất cả đều bình đẳng trong vòng ôm khổng lồ, trong gọng kềm của mẹ. Giấc mơ đại đồng của nhân loại được thực hiện phân nửa bởi một phụ nữ nhẹ dạ, lầm lỗi như thế.

Cũng không ông nào thoát cơn say đắm của mẹ. Mẹ luôn phải say đắm một người đàn ông nào đó. Mỗi lần mẹ say đắm, em còn lại một mình, hai đầu gối kẹp chặt trái tim. Nhiều lần như vậy, nó đông cứng lại trong một hình số 8 vẹo vọ.

“Mẹ sẽ mua một con chó Nhật nhé, xinh lắm”, mẹ nói thế vào một buổi sáng sớm, khi mẹ rón rén trở về và bắt gặp em ngủ ngời đằng sau cánh cửa trông ra cầu

thang. Mẹ rón rén trở về, guốc cầm trên tay, con hươu ba mươi sáu tuổi, cười bối rối bằng màu môi thật, trông cảm động hơn tất cả những cặp môi rục rờ của các hoa hậu. Đó là ngoài môi, còn sâu trong cổ họng là những âm thanh bị nén lại theo phép ứng xử. Cũng một kiểu thực thi nghĩa phụ tử. Đáng lẽ chúng phải được tự do xổ tung ra, kêu lên, gào lên, rằng mẹ đang hạnh phúc. Nhân loại đại đồng và hạnh phúc. Vâng, mẹ rất dễ hạnh phúc. Mẹ có thể tự nguyện hạnh phúc trong phạm vi đường kính một mét vuông, quây tròn bởi những mảnh bọt và ni-lông chắp nối trong khu vườn nhỏ lạo xào sỏi và tiếng thầm thì rên rĩ của hầu hết các quán cà phê Hà Nội. Chủ quán ắt phải là một người đàn bà còn giữ nguyên vẻ lam lũ đức hạnh của một đời làm cán bộ nhà nước hưu non. Bà ta sẽ sốt sắng, gần như xun xoe tuần các đĩa hướng dương,

thuốc lá điếu lẻ và kẹo cao su vào từng lỗ ái tình bập bùng kín mít, trong đó có mẹ. Mẹ cũng sẵn sàng hạnh phúc khi người đàn Ông đi cạnh chỉ đi cạnh, chứ không dắt tay mẹ dung dăng, để mẹ được tỏ cho phố phường náo nhiệt vô danh biết mẹ là người đàn bà được che chở. Mẹ hạnh phúc bất chấp cả ba nhà hàng xóm, thỉnh thoảng nghe tiếng chân ngoài cầu thang lại hé cửa, cho một ví dụ về đạo đức. Em thề, hỏi các người, từ nay ta sẽ không sang xin muối nữa! Thậm chí câu hỏi băng quơ nhiều lần của viên cảnh sát khu vực: “Thực ra, chị làm nghề gì nhỉ?” cũng không thể ngăn cản mẹ hạnh phúc. Mẹ có hai bằng đại học, bốn ngoại ngữ, ngoài ra còn làm thơ. Mẹ là trí thức hạng nặng.

Con chó Nhật không kịp đến, ông số 7 đã ra đi. Ông ta không có điều kiện

hành động giống cái xô rác hôm nào, vì các cuộc chia tay của mẹ bao giờ cũng mang tinh thần chiến tranh: người ta phải dũng cảm và quyết liệt bằng mọi giá. Rồi mẹ sẽ có một say đắm số 8, hy vọng rằng không vẹo vọ như số 8 kẹp chặt giữa hai đầu gối của em, tất nhiên. Nếu cần, mẹ sẽ rút ngắn các giai đoạn tiền say đắm để nhanh chóng đạt đến cao trào sung sướng hơn. Đó thuần túy là vấn đề kỹ thuật. Nhưng kỷ nguyên sau ông số 7 bỗng mang một dấu hiệu nguy hiểm: mẹ cũng bắt đầu lơ đãng hướng nội. Mỗi lần mẹ hướng nội, em lại còn trở một mình, nhưng không có thời gian quan sát trái tim lập dị của em, vì còn bận canh chừng ấm điện, tàu ngầm, máy sấy tóc, bếp đun, bàn là, vòi nước, những vật tể cho nội tâm cuối thế kỷ hai mươi của mẹ. Bất cứ lúc nào, căn buồng - ga tàu treo mào hiểm của hai mẹ con cũng có

thể bùng cháy hay thâm đả chìm.

Rồi một chiều, mẹ ra mắt em và tấm gương Pháp dưới dạng một cuộc cách mạng: mái tóc từng làm khu cầu thang sực mùi phân chó phải xao xuyến bây giờ là một mớ xoăn tít, cụt lủn, màu móng chân móng tay thì nhức nhối với màu môi màu mắt, và triệt để hơn cả là bộ quần áo lóng lánh nhùn nhũn, toàn bộ giống như một con ngỗng đang hoang mang giữa một trường giả và một hí-pi. Thế là mẹ trở thành một phạm trù. Càng ngày càng nhiều những phạm trù tương tự xuất hiện trên đường em đi học. Các mợ sực tỉnh cơn thèm sống. Các mợ khuỳnh. Các mợ vút vỏ kẹo cao su và cưỡi Honda nát đường em đi học. Em và tấm gương Pháp lần đầu tiên ngấm đưa mắt cho nhau: hãy im lặng, không nhất thiết phải tán đồng, nhưng cuộc cách mạng

này đáng tôn trọng vì tính chất tuyệt vọng của nó. Mẹ đang phồng lên dữ dội, đang lấn chiếm không gian, đang quyết tâm khẳng định một điều gì đó ghê gớm lắm. Như thể ông số 7 và nỗi bất hạnh công dân của ông ta chưa từng chiếm một chỗ đứng không ra nữa trong lòng mẹ. Như thể mẹ, trí thức hạng nặng, yên tâm lắm trong cuộc yêu khổng lồ nhưng mãi mãi đơn độc và bị thóa mạ thường trực của mình. Như thể em không nên một tấm gương về sự lãnh đạm, ít nhất cũng với phân nửa nhân loại. Mẹ phồng lên trên sự suy nhược của em mà thôi.

Mẹ kéo về một ông nói liên tục, như sợ ngày mai đột tử không kịp nói nữa. “Ê, này cô bé”, ông ta thò đầu qua bức bình phong, nói với em, “Uống một chút chú! Đừng có làm bộ mặt khó dễ như bà hiệu trưởng thế. Hừm, các người tưởng các

người đang ở đâu hả? Anh Cát Lợi chắc? Uống đi cháu, bác xin lỗi. Thôi được. Thôi được. Thôi được. Tôi phải đi khỏi đây chắc? Các người mơ màng quá. Cuộc sống của tôi cũng nhiều ý nghĩa lắm đấy. Em này, cái công ty của anh đang quét vôi lại. Đá rửa nữa. Ra phết. Này cô bé, cô vào lớp chuyên tin đi, chú đảm bảo việc làm. Nhưng dù sao thịt quay ở chợ này cũng khá. Anh đã tưởng phải đi xa hơn. Thịt quay là vấn đề không đơn giản. Em này...”. Ông ta ngoáy liên tục vào bát nước chấm, ra nhà vệ sinh vài ba lần và dội nước ồ ồ, chắc cũng sợ ngày mai không kịp. Bên kia bức bình phong, ông ta lột tất ở chân mình, tuyên bố rằng trên đời đáng ghét nhất là sự ồm ờ. Với ông ta, mọi chuyện đều phải rõ ràng, ngay tức khắc. Hơn nữa, người ta hơn kém nhau chỉ ở tốc độ sống. Mẹ may mắn đi đôi tất chỉ lên tới đầu gối. Mẹ thỏa hiệp

một chân, chân kia vẫn thủ tiết. Mẹ khe khẽ đề nghị tới một quán cà phê nào đó. Ông ta gạt đi: “Vẽ chuyện, con bé nhà em vô cảm”. Mẹ đứng phắt dậy, mái đầu xoắn tít ném một đồng dấu chấm hỏi rực lửa lên trần nhà. Bên trên là một bầu trời bình thường. Ông ta chờ đợi hồi lâu. Khi không thấy lời đáp nào từ trên ấy, ông ta cũng đứng phắt dậy: “Các người tưởng các người đang ở đâu hả? Anh Cát Lợi chắc?” Vì sao ông ta chỉ hăm mộ mỗi nước Anh? Em bước ra, nói: “Mẹ, con đi tìm ông số 7”. Trời, ai dạy con gái đánh số, mẹ ôm mặt lão đảo.

Rồi lần đầu tiên trong căn buồng - ga tàu treo của hai mẹ con xuất hiện khách đàn bà. Họ gồm ba người, đến vào các chiều thứ năm như trong thế giới quý tộc. Đúng năm giờ, ngày đang bước vào thời điểm đục cái bắt đầu quần lấy nhau,

thời điểm ông số 7 ghen ngào đi thu tiền điện, những cơn đau nho nhỏ cứ dấy lên trong ông ta khi ngửi mùi dưa xào chảo lớn, đúng giờ ấy, họ tập trung ở nhà em, mít tinh ca ngợi tự do. Họ thi nhau thơm nức. Họ mở bia và nước ngọt lộp bộp. Một lát sau, họ sẽ lần lượt khóa thân. Toàn những con ngựa không có người cưỡi, xác thịt chảy buồn bã như suối. Một mợ vượt quá mọi kích thước, trừ đôi cẳng chân bắt đầu teo lại. Một mợ đẹp như tạc, đẹp phi lý và lạnh buốt. Một mợ lép kẹp, má lại phính. Cái xê-ri này cũng đáng tôn trọng vì nhu cầu phản kháng của nó. Nhưng em đã kiệt quệ, già nua vì ký ức quá tải ái tình của mẹ. Thêm những xác thịt gào thét của các mợ, em ắt phải gục xuống. Mợ to béo với cẳng chân teo đến véo vào đùi em. Các mợ khác vừa cười hi hí khinh khí ch vừa sờ nắn khắp người em: “Xem này, không khéo con bé

xơ cứng mất!” Họ bảo nhau đem lại cho em mùa xuân. Họ, hội từ thiện không tự bố thí nổi cho mình. Có người nào trong số các mợ ấy không từng bị một ông tàn nhẫn bảo rằng, các mợ có phồng lên như chiếc chăn bông cũ bật lại cũng hoàn toàn vô ích? Cả mẹ nữa, có bao giờ mẹ giật mình bắt gặp những người đàn ông của mẹ trộm nhìn em?

Những người bạn gái phóng túng của mẹ gửi cho em mười tám mùa xuân, bằng đúng nửa số năm tháng sung sướng và đau đớn của mẹ. Anh chàng mười tám tuổi đứng giữa mẹ và em, người đàn ông mới toanh hiện nay của mẹ, và của em. Sự lạnh lẽo của em đẩy anh ta sang phía mẹ. Nỗi hoảng sợ của mẹ lại trả anh ta về em. Thời chiến hết rồi. Bây giờ người ta thanh toán các hậu quả. Chẳng còn cách nào khác, mẹ phải chữa bệnh cho con

gái mẹ. Liều thuốc là mối tình xót xa bất đắc dĩ này.

12-1990

II. LÀNG ĐÌNH

3. CUỘC ĐẾN THĂM CỦA NGÀI THANH TRA CHÍNH PHỦ

Chúng tôi không phải hạng người mơ tưởng những biến cố làm xáo động đời thường. Tâm hồn chúng tôi bình dị, và tập quán sinh sống của hầu hết mọi người dân quê tôi rất lành mạnh, đơn giản. Tôi nói “hầu hết”, vì cũng có ngoại lệ. Nhưng có thể đảm bảo rằng những ngoại lệ cực đoan nhất của chúng tôi cũng chỉ đáng ghi nhận trong phạm vi nội bộ, nghĩa là trong địa phận đánh dấu bằng bốn chiếc cổng chào tre, với hơn hai trăm hộ, gần một ngàn nhân

khẩu, chứ không dám đem so với những kỳ tích về sự rắc rối của con người ta ở những nơi khác. Nhân tiện giải thích về bốn chiếc cổng chào hướng về bốn phương trời: dân quê tôi tiết kiệm và ít chuộng hình thức, thực ra tấm lòng mới là chính, chứ chào mời ăn thua gì, nhưng nhân dịp lần đầu tiên ngài thanh tra chính phủ qua làng, chúng tôi đã quyết định bày tỏ thái độ hoan nghênh và kính trọng của toàn thể dân làng tới chính phủ một cách ít phô trương nhất. Ngặt nỗi không rõ chính phủ nằm ở đâu, hướng nào dưới gầm trời mệnh mông này, nên chu đáo hơn cả là dựng lên đủ bốn chiếc cổng chào nam bắc đông tây, cho không phía nào bị bỏ sót.

Dân làng tôi sống hòa hợp với thiên nhiên, chứ tuyệt không tò mò về nó. Chắc chắn không một người nào trong

chúng tôi, dù hồn xước đến mấy, dám đặt mình ngang tầm vũ trụ, để chĩa vào đó những ống kính quan sát khác hẳn mắt người thường, rồi phanh phui mổ xẻ phân tích kết luận và rút cục là tấn công vào thiên nhiên và vũ trụ ấy. Đây là lỗi làm việc của các nhà bác học. Vậy là chúng tôi không có các nhà bác học. Chúng tôi cùng lắm chỉ phanh phui mổ xẻ và tấn công những con chó hay gà vịt ngan ngỗng, khi đói kém thì thêm cả châu chấu, cóc nhái và chuột. Việc này là để thuần túy dinh dưỡng chứ không nhằm kết luận điều gì.

Chúng tôi cũng không có các nhà thơ. Để có cái gọi là nhà thơ ấy, chúng tôi lại hoàn toàn thiếu khả năng bịa đặt và gán ghép cho thiên nhiên những phẩm chất vốn chỉ có ở con người. Sự chân thật của tâm hồn người dân quê tôi không

cho phép chúng tôi đánh giá cao những câu réo rắt, còn nội dung thì thua xa, nói đúng ra là không hề có nội dung, vì muốn sao chẳng nữa, không thể coi cái thông báo, chẳng hạn, về việc bầu trời chỉ xanh trong mắt một người đàn bà, là một nội dung ra hồn; bầu trời quê tôi xanh hay không, điều đó phụ thuộc vào thời tiết và được phản ánh trung thực trong mắt tất cả gần một ngàn nhân khẩu, hơn hai trăm hộ, trừ những kẻ suốt đời găm mặt xuống, chứ đâu phải độc quyền miêu tả của riêng ai.

Xưa nay, truyền thống yêu thương đùm bọc lẫn nhau của chúng tôi không tha thứ kẻ nào tự tách mình ra hưởng thụ mỹ thuật riêng như vậy.

Hơn thế nữa, chúng tôi không quen đem những cảm xúc cá nhân của mình ra tâm sự công khai. Qua một vài nơi mà

tôi may mắn có dịp thăm thú, tôi có thể khẳng định rằng, người quê tôi hầu như là giống người hay đỏ mặt duy nhất còn sót lại trên thế giới, và khi viết những dòng này tôi thấy mình cũng đang đỏ mặt. Chúng tôi chất phác và cả thẹn. Vợ chồng đầu gối tay ấp, biết bao gần gũi thân thiết, vậy mà cũng chẳng bao giờ trao đổi về chuyện thầm kín. Cứ lảng lạng nhắm mắt, nhắm mắt ngay cả trong bóng tối, thế thôi. Chúng tôi cất giữ sung sướng, khoái cảm, hay sầu muộn riêng trong một góc thiêng liêng cho mình. Đồng ý rằng tâm sự công khai các cảm xúc có thể là phương tiện hành nghề chính đáng của nhà thơ, nhưng việc ấy lại khiến người dạn dĩ nhất trong chúng tôi phải chín nhừ vì xấu hổ. Vậy là chúng tôi không có các nhà thơ.

Và cũng tương tự, tôi có thể xác định

ngay ra đây, rằng chúng tôi không có các tay phiêu lưu thám hiểm, bọn rong chơi, các siêu cầu thủ và siêu minh tinh, các nhà cải cách xã hội, các chàng Don Juan, các chú hề và nhà ảo thuật, các thương gia liên lục địa, bọn mafia, các ông thánh tuần nạn, các cô nàng đom đàng sùng sục gợi tình... Tóm lại, chúng tôi không có những nhân vật được ngưỡng mộ và có khả năng vận động hay kích động ghê gớm đối với đám đông, thậm chí với cả lịch sử nhân loại - trong chừng mực chúng tôi được nghe nói nhiều hơn là nhìn tận mắt cái lịch sử đó. Nhưng xét cho cùng, đám nhân vật này bao giờ cũng gây rắc rối, ảnh hưởng đến cả cuộc sống bình dị của những con người không liên quan gì đến sự phát triển của lịch sử như chúng tôi. Chúng tôi không ham hố, không mơ mộng, không hiếu kỳ, và dĩ nhiên không thích tai bay vạ gió. Sự thiếu mặt của

những nhân vật kể trên trong cộng đồng êm đẹp của chúng tôi, vì thế, có thể coi là may mắn lớn. Dĩ nhiên, chúng tôi vẫn không ngừng cảnh giác, vì một tâm hồn bình dị dễ bị phức tạp lên hơn là một tâm hồn phức tạp có thể trở về bình dị.

Tôi đã cố tình không đề cập đến triết học và triết gia trong phần liệt kê trên. Chẳng phải tôi không biết chính các triết gia mới là bọn người đáng sợ nhất. Những nhân vật kể trên vận động đám đông, còn các triết gia lại vận động những nhân vật này. Sự vận động có thể tức thì, giữa những người cùng thời, song cũng có thể lan tỏa tới tận những thời đại xa xôi, khi các triết gia liên quan đã yên phận đâu đó ở thế giới bên kia, nơi mà tôi chắc họ vẫn tiếp tục già mồm triết lý. Vậy là, nhìn thoáng qua họ có vẻ vô can và vô danh, nhất là trong quan niệm của

đám đông. Nhưng thực tế, họ chính là những kẻ đầu têu nguy hiểm nhất. Đám nhân vật kể trên chỉ chịu tác động nhiều khi rất mơ hồ của họ, chỉ môi giới họ với đám đông, mà đã gây ra nhiều biến động phiền phức lắm rồi. Cứ thế suy ra, quê tôi không thể có triết học và chúng tôi không nên có triết gia nào trong cộng đồng mới phải. Và thực tế, xét theo cách của các nhà làm từ điển, cũng đúng như vậy.

Nhưng đã bàn đến một vấn đề tầm cỡ như triết học, có lẽ ta nên tính thêm vài ba thực tế khác, phòng trường hợp lý trí sáng suốt của chúng ta bị một thực tế duy nhất đánh lừa.

Có một thực tế rất đáng khích lệ khác, là thật ra mọi người dân quê tôi, mỗi nhân khẩu đều là một triết gia theo ý nghĩa rộng nhất của từ này, và ở đây

chúng ta dứt khoát phải bám vào ý nghĩa rộng của từ ngữ. Triết học quê tôi nằm chính trong sự tôn trọng tự nhiên và hòa hợp với nó, tôn thờ đời sống mộc mạc như tự nó, và vĩnh viễn hài lòng với tất cả những gì có trong tầm tay. Nói vắn tắt, cái gì không tồn tại trong phạm vi bốn chiếc cổng chào thì ắt không tồn tại. Đó là một triết học tôn thờ hạnh phúc tự thân và tự tại. Có thể nó không cống hiến nhiều việc nghiên cứu còn rất dở dang trên thế giới về ý thức và siêu ý thức như tôi từng nghe nói ở đâu đó, nhưng rõ ràng nó là một tiếng nói độc đáo về vấn đề tồn tại. Nó trả lời ngắn gọn, không mập mờ tí nào câu hỏi hóc hiểm của Hăm-lét. Nó biểu hiện một chủ nghĩa hiện sinh nguyên thủy mà căn cứ vào đó có thể dễ dàng cảm thông với các khuynh hướng hiện sinh chủ nghĩa rất bị chê trách của các khu vực văn minh khác. Và cuối cùng, tôi

muốn nói thêm rằng triết học quê tôi vô hình chung mang một sắc thái tôn giáo bàng bạc nào đó. Điểm ưu việt tuyệt đối của nó là đem lại sự an lạc cho con người mà không cần phí tổn tốn kém. Chúng tôi không phải chăm nuôi những tổ chức hành đạo công kênh phức tạp. Các nghi lễ tôn giáo quá ư phiền toái cũng chưa bao giờ thực sự chinh phục tâm hồn chất phác ưa thanh bạch của người dân quê tôi. Chỉ cần một câu chuyện, kể lần thứ bao nhiêu không quan trọng, vì bao giờ cũng có những cái tai mới ra đời, của người già bên bếp lửa, là lòng chúng tôi lại tràn ngập niềm tin yêu cuộc sống, hài lòng với công việc thường ngày, không mơ ước người đàn bà nào khác ngoài vợ mình, và chẳng muốn chết ở đâu ngoài phạm vi bốn chiếc cổng chào yêu quý.

Thử hỏi, một triết học như thế có

đáng kể không, và việc tôi cố tình tách riêng phần này để bàn luận cho thấu đáo có hợp lý không?

Xuất phát điểm của tôi khi nói về triết gia và triết học là bọn đó rất nguy hiểm. Điều này còn nguyên giá trị khi áp dụng vào trường hợp triết học quê tôi. Một ngày nào đó, bây giờ thì chưa, nhưng một ngày nào đó, rất có thể không xa nếu căn cứ vào sự khốn cùng của tình trạng chung sống của con người hiện nay, một ngày nào đó triết học của đời sống bình dị sẽ trở thành mối nguy hiểm lớn nhất cho toàn bộ sự rắc rối được gây dựng bởi những triết học khác; tình trạng hỗn loạn không ngừng trong mọi lĩnh vực đời sống con người sẽ thấy trong nếp sống ổn định hài hòa của người dân quê tôi địch thủ đáng gờm nhất. Cảm giác hài lòng với tất cả của chúng tôi sẽ

thách thức tâm trạng bất mãn tràn lan khắp năm châu. Và cuộc đời thanh bạch an nhiên của chúng tôi sẽ làm chủ nghĩa cơ hội, căn bệnh khả ố nhất của thế kỷ chúng ta, phải hổ thẹn bẽ bàng.

Nhưng trước khi cái ngày vĩ đại ấy đến gõ cửa, chúng tôi phải đón tiếp một vị khách khác: ngài thanh tra chính phủ.

Như đầu tiên tôi đã nói, chúng tôi không phải hạng người mơ tưởng những biến cố làm xáo trộn đời thường. Nhưng cuộc đến thăm của ngài thanh tra chính phủ là sự kiện mà một đời người dân quê tôi chỉ chứng kiến một lần, nó còn hiếm hơn động đất. Ngài vào làng bằng lối cổng chào nào, thông thường chúng tôi không được biết. Rồi ngài đi, để bao giờ trở lại, chúng tôi cũng không đặt câu hỏi. Thọc mạch vào việc của người khác, trong quan niệm của chúng tôi,

là rất thiếu lễ độ. Chỉ biết, ngài sẽ tháp tùng chúng tôi nhiều năm sau cuộc đến thăm. Tôi nói “tháp tùng”, vì không còn từ ngữ nào chính xác hơn, mặc dù ngài là bề trên, chúng tôi phận dưới. Thanh tra chính phủ chỉ có một, trong khi chúng tôi gần một ngàn nhân khẩu, hơn hai trăm hộ, như thế đủ rõ giá trị khác thường của ngài. Nhưng quả thật, ngài đi theo chúng tôi nhiều năm sau cuộc đến thăm. Tất nhiên, “đi theo” với một nghĩa văn vẻ. Khi chúng tôi, những tâm hồn cả thẹn và chất phác, đã phải dùng đến nghĩa văn vẻ, thì đó phải là một việc rất hệ trọng và khó cắt nghĩa. Ngài đi theo chúng tôi, cho đến khi trí nhớ đáng trách của chúng tôi để tuột luôn cả nửa tiếng đồng hồ trọng đại, không bao giờ lặp lại suốt một kiếp người, nửa tiếng đồng hồ, trong đó ngài hỏi han việc đồng ruộng, nhắc nhở việc sưu thuế, xoa đầu trẻ em,

bắt tay người già, và diễn thuyết.

Cần phải nói thêm rằng chúng tôi không phải hạng người có trí nhớ dai. Ngài thanh tra chính phủ tất nhiên là một sự kiện cực lớn, chúng tôi đón tiếp ngài bằng tất cả lòng mến khách sẵn có, cùng với sự phục tùng của công dân đối với chính phủ, mặc dù chẳng biết chính phủ nằm ở đâu, hướng nào dưới gầm trời mệnh mông này. Nhưng cứ dai dẳng bám mãi vào một sự kiện, dù là sự kiện hạng nhất chẳng nữa, làm gì? Ký ức, rồi những tình cảm vô bổ phát sinh từ đó như luyến tiếc, hy vọng, chờ đợi... Không làm tổ nổi trong tấm lòng hỗn nhiên, toàn tâm toàn ý với cuộc đời hiện tại của người dân quê tôi. Chúng tôi dễ dàng thanh toán quá khứ như vậy đấy.

Nhưng mặt khác, chúng tôi cũng có quan điểm vững chắc của mình về

những điều đã từng xảy ra. Chúng tôi tôn trọng truyền thống. Những lời sâu sắc cổ nhân đã nói rồi thì không nên nói khác làm gì. Những luật lệ đã hình thành từ xa xưa nữa, cũng không nên đảo lộn. Vì vậy, điều kỳ diệu nhất là mỗi lần gặp lại ngài thanh tra chính phủ, chúng tôi đều thấy ngài hầu như không hề già đi là bao, tuy đáng vẻ đôi lần có phần không hoàn toàn phù hợp với đáng vẻ cũ. Thực ra nói như thế cũng là hơi hồ đồ, vì trong số những người được hân hạnh nghe ngài diễn thuyết năm mươi năm trước, có ai còn sống để nghi vấn về những điều rất phụ như tuổi tác và hình dáng đâu.

Quan trọng là bài diễn văn đúng như xưa.

Cả làng chúng tôi thường nín thở hồi hộp khi ngài hắng giọng một cái, cùng lắm là hai cái, và bao giờ chúng tôi cũng

thở phào nhẹ nhõm thấy ngài mở đầu bằng “Thưa bà con đồng bào”. Đúng bài diễn văn ấy! Đúng ngài rồi! Không còn chệch đi đâu! Chúng tôi hả hê gật đầu nhìn nhau, miệng mấp máy đọc theo những điều mà chúng tôi đã thuộc lòng. Nhưng đôi khi cũng có vài trục trặc nhỏ. Hoặc là bọn trẻ nóng ruột muốn khoe ta đây hiểu biết cứ đọc quá lên trước nửa câu. Chúng chưa đủ tuổi hiểu đó cũng là sự khiếm lễ đối với chính phủ. Hoặc có khi ngài thanh tra bỏ qua phần cuối của câu này mà đi thẳng ngay vào phần cuối của câu tiếp theo. Nhưng dường như đoán ra nỗi băn khoăn của chúng tôi, ngài bèn nối phần đầu của câu tiếp theo với phần cuối của câu trước vừa bị bỏ rơi. Thế là mọi sự lại đầu vào đấy.

Tuy nhiên, có một việc rất khó chịu là ngài hay nhầm lẫn tên của chính phủ.

Đối với chúng tôi, chính phủ quả là xa hơn cả thiên đường. Những chuyện thường được truyền tụng về chính phủ, nào đảo chính hành lang, nào dinh thự nguy nga tráng lệ, nào duyệt binh, nào tổng kiểm kê kho làm, nào các vị cố vấn di chuyển trong những chiếc xe bọc kín, nào các phu nhân giấu nụ cười sau chiếc quạt thơm... Tất cả những chuyện ấy chúng tôi thường chỉ nghe thế thôi chứ không để bụng. Nhưng chúng tôi tự hào là công dân của chính phủ, và một khi đã biết tên chính phủ là chúng tôi ghi tạc trong lòng, đấy đâu phải tên con cái mình mà gọi nhầm! Thông thường, lần nào ngài thanh tra cũng kết thúc bài diễn văn bằng câu: “Vây, nay thay mặt chính phủ...”. Nhưng thay vì cái tên mà chúng tôi đã ghi tạc trong lòng, ngài lại điểm nhiên công bố một cái tên khác. Vài lần như vậy, rồi cái tên cũ lại được công bố.

Ngài định đùa với chúng tôi chẳng? Hay ngài muốn thử thách độ trung thành của dân làng? Cái tên tiết lộ con người. Đây là việc không coi thường được. Nhưng nó chỉ chứng tỏ những nguy cơ dồi dào ở ngoài địa phận làng Đình chúng tôi, ngoài bốn chiếc cổng chào khép kín...

Chúng tôi có ý kiến khác nhau về vấn đề đó. Một số ít cho đây là sáng kiến nhằm tăng độ phong phú cho bài diễn văn, vì chắc kinh nghiệm diễn thuyết ở một số nơi khác đã cho ngài biết tâm lý ưa thay đổi của con người. Tiếc rằng kinh nghiệm ấy không thể áp dụng ở quê tôi. Chúng tôi không muốn thay đổi những chi tiết không cần thiết như vậy. Ngài muốn làm chúng tôi vui lòng bằng những biến tấu nho nhỏ ấy ư? Thiện chí, chúng tôi sẵn sàng ghi nhận. Nhưng có lẽ, là người nhạy cảm, ngài nhận ra ngay

sự thất vọng của chúng tôi, nên lần sau, ngài lại tế nhị quay trở về cái tên cũ. Còn phần lớn dân làng tôi giải thích việc này giản dị hơn. Chúng tôi cho rằng con đường quá dài từ chỗ chính phủ đến quê tôi có thể làm một thanh tra tài giỏi nhất quên sạch cả bài diễn văn như không. Nhưng ngài đã đến, và chỉ lầm lẫn một cái tên, ở cuối bài, không ảnh hưởng gì đến toàn bộ, như thế thật ra rất đáng cảm thông, thậm chí đáng khâm phục. Vậy là áng chừng mỗi lần đến chỗ ngài phải lầm lẫn, chúng tôi lại ngấm đũa mắt nhìn nhau, ái ngại, cảm thông, và khâm phục. Chúng tôi không bao giờ đưa việc lầm lẫn này ra, mặc dù trước khi nhảy lên chiếc xe đạp trung thành, tạm biệt chúng tôi, ngài luôn hỏi chúng tôi còn điều gì đè nặng con tim, xin cứ việc thổ lộ, chính phủ sẵn sàng lắng nghe ý kiến. Nhưng chúng tôi luôn im lặng,

không muốn chính phủ phải bận tâm vì một điều quá nhỏ nhặt như vậy. Nếu có gì đáng thắc mắc hơn, thì đấy chính là câu hỏi, vì sao ngài thanh tra chính phủ không chịu khó rút ngắn thời hạn giữa hai lần đến thăm của ngài ở làng tôi? Vì sao thời hạn ấy luôn phải dài bằng đúng một kiếp người? Nếu muốn được nghe ngài diễn thuyết không phải nửa thế kỷ một lần nửa tiếng đồng hồ như tình trạng hiện nay, mà một phần tư thế kỷ một lần chẳng hạn, thì chúng tôi phải tự động giảm tuổi thọ của mình xuống một nửa chẳng? Nhưng rồi chúng tôi cũng không thắc mắc, vì chúng tôi biết, đất nước thì rộng và dài, còn biết bao làng xóm khác cần được hỏi han về đồng ruộng, nhắc nhở việc sưu thuế, và nghe ngài diễn thuyết. Thế là chúng tôi thường lảng lảng tiễn ngài ra khỏi một trong bốn chiếc cổng chào. Điều này cũng không định

trước, vì hành trình tiếp theo của ngài là việc của chính phủ, chúng tôi không tự tiện can thiệp.

Nhưng lần này, ngài thanh tra chính phủ đến làng tôi với cung cách khác hẳn mọi lần. Chúng tôi không phải hạng người mấp mé những ý nghĩ tội lỗi như nghi ngờ chính phủ, nhưng ngài thanh tra lần này và ngài thanh tra từng đến thăm làng tôi trong suốt quá trình lịch sử dài lâu hình như không thể là một. Ngài cũng đến bằng xe đạp, đã qua không định trước một trong bốn chiếc cổng chào, cũng hỏi han việc đồng ruộng, nhắc nhở việc sưu thuế, cũng xoa đầu trẻ em, nhưng ngài kinh hãi nhận ra đầu chúng tôi đầy chấy rận. Và khi bắt tay người già, ngài hỏi thăm tuổi tác rồi ngạc nhiên cho biết, đấy không phải tuổi dưỡng lão, đấy là tuổi cho mọi khát vọng

sống cuộn lên mãnh liệt hơn bao giờ hết, tuổi cho phụ nữ mặc loại vải mềm, mỏng và trong suốt nhất, tuổi cho đàn ông vươn tới danh tiếng và địa vị.

Chúng tôi lo lắng đưa mắt nhìn nhau. Chuyện gì đã xảy ra với chính phủ vậy? Không ai có thể trả lời câu hỏi đó ngoài chính ngài thanh tra, nên chúng tôi nén lòng chờ đợi. Bài diễn văn của ngài sẽ quyết định tất cả. Chắc những chi tiết nêu trên chỉ là chuyện phụ. Rồi sau cái hăng giọng quen thuộc, những từ ngữ thân thiết sẽ vang lên, và chúng tôi sẽ mỉm cười thở phào khoan khoái. Sẽ tự trách mình hồ đồ. Sẽ ái ngại, cảm thông và khâm phục ngài về quãng đường quá dài mà ngài đã vượt qua với tinh thần trách nhiệm chỉ có thể có được ở thanh tra chính phủ.

Nhưng sự việc không hề diễn ra như vậy.

Lần này, ngài không thừa bà con đồng bào để mở đầu, và nói chung, trong suốt bài diễn văn ngài chẳng thừa gửi gì hết. Như đã nói, chúng tôi không phải hạ người lú lẫn vì các nghi thức, nhưng việc gì chính phủ phải bày tỏ thái độ một cách thiếu lịch sự như thế! Cứ cho là làng tôi đã làm một điều gì đó đại đột khiến chính phủ méch lòng chẳng nữa, thì thiếu gì cách giải quyết vừa êm ái vừa hiệu quả hơn. Đây là chưa kể, chúng tôi thực ra chẳng làm gì khác ngoài việc không tham gia vào sự phát triển của lịch sử.

Nhưng ngài thanh tra không thay mặt chính phủ nổi giận về việc ấy. Ngài nổi giận liên tục ba mươi phút đồng hồ,

nổi giận một cách vô lý, như thể cơn giận trong ngài và bản thân ngài là hai thứ không ăn nhập nhau, như thể đây là một cơn sốt do lịch sử muốn thế, chứ ngài chẳng muốn. Chúng tôi lại ái ngại ngầm đưa mắt cho nhau. Lịch sử muốn gì nào? Các nền triết học khác muốn gì nào? Đúng, một ngày nào đó, không xa, nếu căn cứ..., chỗ này tôi nói rồi..., và xin hỏi thêm, thái độ bất ngờ của ngài thanh tra chính là dấu hiệu rõ ràng nhất cho cái ngày sẽ đến ấy. Vâng, một ngày nào đó, tất cả sẽ đảo lộn. Nhưng chúng tôi không ưa cưỡng bức sự phát triển, chỉ những kẻ không đủ đức tin vào sự ưu việt của chính mình mới luôn tìm cách cưỡng bức sự phát triển. Phải chăng ngài thanh tra chính phủ muốn chúng tôi buộc phải hành động khi bối cảnh chưa chín muồi? Nếu vậy thì ngài đã lầm. Kinh nghiệm về

những cơn sốt tập thể của ngài tiếc thay không thể ở đem áp dụng ở chỗ chúng tôi.

Bây giờ thì ngài đang phun nước bọt phì phì để quở trách tình trạng mà ngài cho rằng “mông muội, u mê, lạc hậu ngoài mọi sức tưởng tượng” ở làng tôi. Ô kìa! Chúng tôi tự véo tím tái đùi mình để biết đây không phải một giấc mơ. Chao ôi, chưa bao giờ, chưa bao giờ chúng tôi cảm thấy bị lừa dối, bị phản bội bất ngờ đến thế, đau đớn đến thế. Suốt một quá trình lịch sử, bao nhiêu kiếp người, ngài và chúng tôi từng hòa thuận, vui vẻ, yêu mến nhau biết chừng nào. Thậm chí từng bỏ qua cho nhau những nhầm lẫn. Hình ảnh ngài trong chúng tôi có thể ví như một người tình, nửa thế kỷ mới có lần gặp gỡ, và ngược lại, có thể phỏng đoán, hình ảnh chúng tôi trong ngài chắc cũng

không thể là hình ảnh tồi tệ nhất. Vậy mà bỗng nhiên thay lòng đổi dạ. Vậy mà bỗng nhiên phỉ báng, sỉ nhục nhau. Như thế cả một quá trình yêu đương sâu nặng trước kia không nghĩa lý gì. Có thể ứa nước mắt vì sự vô nghĩa sững sờ này lắm. Nhưng bao giờ cũng thế, nước mắt chỉ dễ chảy ra ở chính kẻ phản bội. Và chảy rất nhiều.

Chúng tôi cứ đứng lặng, mũ cầm trong tay, cúi đầu mặc niệm cho tình yêu trung thành đau xót của mình, trong khi ngài gào lên, ngài trào nước mắt, ngài hỷ mũi và the thé nói về những điều chẳng liên quan gì đến tâm tình của chúng tôi. Không hề liên quan!

Ngài nói về vệ sinh dịch tễ, về thủy lợi và phân bón, về thông tin đại chúng, về cách mạng và bùng nổ, rất nhiều bùng nổ, và không từ cả vấn đề sinh hoạt vợ

chồng. Theo ngài, vợ chồng cần bàn bạc kỹ lưỡng, có nên ân ái không, ân ái theo kiểu gì, tư thế gì, nhằm mục đích gì, có thể dẫn đến hậu quả gì... Chao ôi, ái ân vợ chồng là lẽ huyền bí của đất trời, ngôn ngữ của tổ tiên chúng tôi để lại cũng chỉ dám quy định việc ấy ở mức tối thiểu: chồng là cái chồng lên trên, vợ là cái bợ, cái đỡ bên dưới. Làm sao chính phủ lại yêu cầu chúng tôi phạm thượng tới mức ấy! Thà chúng tôi tự nguyện cắt phăng cái tí chút đàn ông của mình, thà đắc tội với lộc trời và phúc đức tổ tiên còn hơn phải có một người vợ thích bàn luận như ngài thanh tra đang khích lệ. Phụ nữ làng tôi sợ dĩ không trở thành những con ngáo ộp như ở nhiều khu vực văn minh khác, chính là nhờ đức nhu thuận ít lời. Cả làng có một gái già duy nhất, nhan sắc tuy không đến nỗi nào, trông có lẽ còn màu mỡ là khác, nhưng tất yếu

cô độc, vì chị ta biết nhiều hơn năm chục từ cần thiết cho một người đàn bà trong gia đình. Và bây giờ, cả làng cũng chỉ có mình chị ta nhoẻn cười với ngài thanh tra, trong khi chúng tôi lần lượt bị ném từ trạng thái tình cảm này sang trạng thái tình cảm khác một cách có thể gọi là tàn nhẫn. Đang mãi nguyện vì được nghe từ chính miệng ngài thanh tra, rằng chính phủ đánh giá cao lòng trung thành của dân làng, chúng tôi bỗng lại choáng váng vì ngài lập tức yêu cầu dân làng tiếp tục chứng minh lòng trung thành ấy bằng cách hợp tác chặt chẽ với chính phủ để xóa bỏ tình trạng trì trệ tăm tối hiện nay. Chưa nuốt hết cục đắng vì sự sỉ nhục bất công đó, chúng tôi lại bàng hoàng khi nghe ngài lên án tất cả các chính phủ và các thanh tra chính phủ từ trước tới nay. Sao? Một lần nữa ngài thử thách chúng tôi chăng? Làm như chính ngài

với ngài thanh tra từng tháp từng chúng tôi xưa nay không phải là một? Chao ôi, khi người ta đã quyết định phản bội, thì người ta tráo trở cả những điều không đáng tráo trở nhất!

Đến đây, một nhận thức khủng khiếp phút chốc xâm chiếm chúng tôi, kéo phăng chúng tôi khỏi cơn hỗn loạn cảm xúc do ngài thanh tra gây ra. Điều mà chúng tôi thắng hoặc chỉ nghe truyền miệng, như trong các anh hùng ca của nhiều dân tộc khác, nay bỗng ập đến, cụ thể, cụ thể sờ mó được dưới dạng ngài thanh tra chính phủ đang đứng trên hai chiếc ghế chồng lên nhau, cách chúng tôi chưa đầy gang tấc. Chúng tôi đã hiểu ra: chính phủ đang lâm vào một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, chưa biết chừng còn có đảo chánh đẫm máu.

Sự thật lớn lao đó cho chúng tôi sức mạnh bỏ qua những kết luận đầy xúc phạm của ngài thanh tra về nếp sống quê tôi. Chúng tôi cười thầm trước những hứa hẹn vô lối của ngài. Và khi ngài hét lớn: “Tất cả rồi sẽ thay đổi!”, chúng tôi vẫn một mực cung kính giúp ngài tụt từ chiếc ghế thứ hai xuống chiếc ghế thứ nhất, rồi từ chiếc ghế thứ nhất xuống mặt đất bình an. Phải, tất cả rồi sẽ thay đổi, nhưng không thay đổi theo chiều hướng phức tạp và đẫm máu như ngài tưởng tượng đâu. Vả lại, thôi, miễn bàn về sức tưởng tượng của ngài. Tôi đã nói, một ngày nào đó, không xa, nhưng bây giờ thì chưa...

Sau đó, ngài thanh tra chính phủ nhảy lên chiếc xe đạp, phi nước kiệu ra khỏi một trong bốn chiếc cổng chào. Bụi đất mù mịt bốc lên, khiến chúng tôi

không có lý do gì nhìn theo mãi. Chẳng qua, ngài cũng chỉ là nạn nhân của một sự phản bội đang làm mưa làm gió trong cái thế giới hỗn tạp mà chúng tôi, dân làng Đình, kiên quyết chối từ. Bây giờ, điều quan trọng nhất vang lên, thúc dục trong lòng chúng tôi là: hãy lên đường đi cứu chính phủ, khi tất cả còn chưa quá muộn!

Chúng tôi sẽ chia nhau đi cả bốn hướng, cho không phía nào bị bỏ sót.

10-1990

4. NỀN CỘNG HÒA CỦA CÁC NHÀ THƠ

“Họ dựng lên một chính phủ tị nạn của các nhà trí thức bị tước đoạt, những kẻ không đánh mất tổ quốc, mà đánh mất tri thức của chính mình”.

(Dylan Thomas - Wales và người nghệ sĩ)

“Trong sự dạy dỗ, Người phán rằng: Hãy coi chừng các văn sĩ, là kẻ ưa mặc áo dài đi dạo, thích được chào giữa chợ, ưa ghế bành nhất trong nhà hội và chỗ đầu trong tiệc yến. Ấy là kẻ ăn nuốt nhà cửa của đàn bà góa và làm bộ cầu nguyện dài. Họ hẳn phải bị án càng nặng hơn”.

(Mark, XII, 38, 39, 40)

Thưa quý vị,

Mở đầu tham luận này, cho phép tôi được đưa ra một so sánh thơ mộng: hôm nay, trong tiết trời ấm áp (cử tọa vỗ tay) và tuyệt vời thay, không quá oi bức như thường lệ (cử tọa vỗ tay nồng nhiệt), chúng ta họp nhau tại đây như đại hội các loài chim, trong đó chúng tôi xin làm những cánh chim hòa bình nhất.

Cảm ơn quý vị. Cho phép tôi đi ngay vào nội dung chính. Mô hình chúng tôi đưa ra sau đây là kết quả thảo luận tập thể, có bỏ phiếu kín. Ban kiểm phiếu gồm những nhà thơ mà đạo đức và sức khỏe có thể nói là không suy suyển qua nhiều cuộc thăng trầm của nghệ thuật thơ ca cũng như nhiều biến động của lòng người và thời đời, vâng, có thể nói là rất đáng tin cậy. Hy vọng rằng, trong một chừng mực nào đó, về một phương

diện nhất định, mô hình này sẽ đóng góp vào việc vượt qua cuộc khủng hoảng trầm trọng hiện nay của chính phủ.

Cảm ơn. Cảm ơn. Cảm ơn. Thưa quý vị,

Trước hết, để thống nhất về định nghĩa, xin nói ngay: phàm là một nền cộng hòa thì không có vua. Phải không? Chúng tôi cần gì vua? Giữa vua chúa và các nhà thơ chân chính xưa nay bao giờ cũng có sự khó chịu thường trực. Ô, không phải cơn hờn ghen giữa những người đàn ông thêm quyền lực và đã thế còn kiêu hãnh đầu nhé. Lối giải thích ấy dễ dãi và cũ rồi. Đơn giản, chúng tôi chưa bao giờ thực tâm coi những ông vua thi nhau làm thơ là đồng nghiệp. Phải, họ quá đủ điều kiện để phát động những phong trào tao đàn rộng rãi, khiến không ít tài năng quý báu trong chúng tôi, vì một phút nhẹ dạ, trở

thành những cái máy sản xuất thơ, vâng, thơ chứ không phải phoi bào, vâng, tẻ nhạt và phí phạm khủng khiếp.

Họ đã phung phí tài năng của không ít người trong chúng tôi vào những trò chơi giết thời giờ của họ. Họ bảo trợ những tài năng nhạt nhẽo và xung đột với những nhà thơ lớn nhất trong lịch sử thơ ca của chúng tôi, lúc mời ra cộng tác, lúc đuổi về, hết sức vô nguyên tắc. Đây thực sự không còn là vấn đề tranh chấp quyền lực. Đây là câu chuyện bảo vệ tài sản thiên nhiên. Có nghĩa là môi sinh. Tài năng là thứ tài sản vô giá nhất mà chính thiên nhiên đã ban cho chúng ta một cách hoang phí và vô trách nhiệm. Rồi đến lượt chúng ta, chúng ta lại hoang phí và vô trách nhiệm chẳng kém.

Cứ như thế.

Chúng tôi cần gì những ông hoàng? Ông hoàng cuối cùng chẳng trao ấn kiếm cách đây chưa tròn nửa thế kỷ, chưa xong một kiếp người đó sao? Việc ấy diễn ra đơn giản, gọn nhẹ hơn việc trao chìa khóa một căn hộ hỏa hồng hiện nay, nếu người ta muốn trốn thuế một trăm ngàn đồng một mét vuông. Chúng tôi đã hoàn toàn quên ông ta, nhanh hơn quên một món nợ nhậu nhẹt, một châu bia chẳng hạn. Bia hơi thôi. Với vài củ lạc. Quá khứ có vua thực ra dài gấp hàng trăm lần hiện tại không vua, nhưng than ôi cũng hàng trăm lần nhẹ hơn. Chúng tôi chẳng bao giờ áy náy về cái ông vua cuối cùng, thiếu sắc thái hơn cả một người tình thoáng qua đó. Chúng tôi không đặt những câu hỏi như: từ khi không làm vua nữa ông ta ăn uống ra sao, sinh hoạt thế nào, sống ở đâu cũng trong một căn hộ hỏa hồng trốn thuế hay đã có nhà riêng? Rồi ồm

đau? Chết chôn nghĩa trang nào? Bạn bè còn năng lui tới? Các vị hẳn biết, trong chúng tôi có vài ba nhà thơ nổi tiếng về khuynh hướng hoài cổ. Cũng tốt thôi. Phải không? Nghệ thuật cần nhiều bản sắc. Nhưng niềm khắc khoải của mấy nhà thơ đó tập trung chủ yếu vào những đền đài lăng tẩm của các cố đô không ngừng được phát hiện thêm. Chao ôi, mấy thứ đó nhiều đến mức chúng tôi có cảm giác mỗi bước đi là dẫm lên xác một ông vua hay một ngai vàng mục nát nào đấy. Phải nói là một cảm giác rất không yên ổn. Nhưng quả nhiên, đền đài lăng tẩm cũng ưa nhìn hơn, và không bốc mùi như những gì còn sót lại ở bản thân vài trăm ông vua đã chết và một ông cuối cùng chưa rõ sống chết ra sao. Còn lại, trừ mấy nhà thơ vị lai khá cực đoan, mấy nhà thơ chuyên ngành không trực tiếp liên quan đến lịch sử, mấy nhà thơ đả

kích sử dụng phương tiện chính là chấp nối các thời đại, và mấy nhà thơ tình cùng tập trung mất hồn cho một thiếu nữ duy nhất, phần lớn chúng tôi đều chỉ biết tên, chứ cũng chẳng phân biệt mặt mũi và đồng bọn của những ông vua nổi tiếng nhất. Điều này không hề gợi một mặc cảm văn hóa nào. Như vậy đủ chứng tỏ chỗ đứng hết sức mỏng manh, hầu như không đáng là một chỗ đứng, của các vị vua trong tâm hồn chúng tôi. Nền quân chủ - ôi, ngay cái tên gọi nghe cũng đã xa lạ và kỳ cục lắm - thực ra có để lại một ấn tượng, đó là trong trò chơi cờ tướng, và sau này, văn minh hơn, thêm cả cờ vua. Nhưng bây giờ, khi câu chuyện chính trị nổi lên hàng đầu, nền cộng hòa non trẻ cần được định nghĩa dứt khoát, chúng tôi đã yêu cầu các nhà thơ tạm dẹp thế giới trò chơi và ấn tượng sang một bên. Bây giờ, hành động, hành

động, và một lần nữa hành động là biểu hiện tự kính trọng mình. Cái đẹp sẽ cứu thế giới. Đúng. Nhưng cái đẹp không từ trên trời rơi xuống. Cuộc khủng hoảng hiện nay của chính phủ có thể là do thiếu thốn cái đẹp lắm. Vâng, vậy thì.

(Cử tọa nhấp nhồm. Người nhìn ra cửa. Người liếc đồng hồ).

Tôi xin kết luận ngay phần này: nền cộng hòa của chúng tôi nhất định không cần vua. Nên nói công khai, cởi mở điều đó. Đã đến lúc tính sổ với thói quen và nghệ thuật ám chỉ. Không cần thiết phải gài sự thật vào chỗ kín và vênh vang đổ độc giả tìm ra như vậy. Nhà thơ chứ không phải gián điệp gài mìn. Độc giả chứ không phải công binh. Thôi, hãy hỏi bất kỳ ai trong phòng họp này, người từng có tuyển tập quốc gia, người mới rụt rè với dăm ba chùm lang thang,

người thậm chí chưa dám xuống thay gieo một vắn chính thức nào vào cuộc đời; hãy hỏi, cả ngài đang ngồi xa nhất, títt trong góc cuối phòng, giấu đầu giữa hai mắt cá chân, cả ngài đang ngồi hàng ghế trên, nén sức mạnh giật từng cái râu chứ không nhổ tung cả chòm tội nghiệp; hãy hỏi, sẽ không ai thừa nhận sự cần thiết phải có một ông trời con nào đó, thay mình thừa chuyện với đấng tối cao quyền năng, một ông lù lù cho mình vừa lạy vừa nguyên rủa. Không! Chúng tôi có trong bản thân mình đấng tối cao. Chúng tôi nguyên rủa chính mình và ngả mũ trước chính mình trong những hoàn cảnh bình thường, nghĩa là khi không có một đồng nghiệp đáng nguyên rủa hoặc đáng kính trọng nào đó xuất hiện. Trường hợp này, theo chỗ riêng tôi biết, hầu như chưa bao giờ xảy ra.

Nhân nói kỹ phần đầu như vậy, tôi đề nghị đại hội nhanh chóng thông qua một mục khác tương tự: nền cộng hòa của chúng tôi tất yếu cũng không có các tập đoàn tôn giáo. Tín ngưỡng, thừa quý vị, những người ngoại đạo và những người sành điệu, ở ngay trong niềm đam mê sáng tạo. Nước Chúa, hay cõi Phật, mở rộng cửa đón chúng tôi ở ngay phút xuất thần vậy. Kinh nghiệm cho thấy, nhà thờ được dựng lên để xua đuổi sà-tăng, chứ cầu nguyện thì ở đâu chẳng được. Không phải vô cớ mà trong nhiều bài thơ bất tử của chúng tôi luôn ngân vang tiếng chuông. Chúng tôi không vô thần. Tôn giáo của chúng tôi là cái đẹp. Cái đẹp chẳng thể đem làm mẫu, chẳng thể tổ chức, chẳng thể rao lên như món hàng chợ phiên.

(Cử tọa rất bối rối. Người hăng hái vỗ tay. Người gục đầu trầm tư).

Về tòa án thì hơi khác. Chỗ này cần phân biệt. Chúng tôi đã dừng lại khá lâu trong phiên họp trừ bị để tôn trọng thích đáng mỗi vị quan tòa trong từng con người, nhất là ở những lĩnh vực thuộc vấn đề lương tâm. Nhưng lương tâm không phải là thứ duy nhất trong cuộc sống này cần được, hay cần phải xét xử. Ô, quý vị thấy đấy, cứ ngẫm nghĩ quanh quẩn thế này thì lương tâm lại là thứ ít cần đụng chạm tới nhất. Ở thời đại kỹ trị toàn diện, chúng tôi tin rằng mỗi lương tâm hoàn hảo đều được trang bị một hệ thống chuông báo động nhanh nhạy. Lương tâm quá tải một chút là chuông kêu ro ro. Tóm lại, chuyện lương tâm có thể bỏ qua. Nhưng bề bộn những vấn đề khác lại rất cần phân xử công minh.

Chúng tôi có thể nhận định, về lý thuyết mà nói, xét theo một phương diện nào đó, trong một chừng mực nhất định, rất chính xác, khách quan, không thiên vị, với đầy đủ thẩm quyền chuyên môn về tác phẩm của đồng nghiệp. Xin nhắc lại, về lý thuyết. Chữ thực tế, thực tế chính là những mối quan hệ. Bạn rượu là sơ đẳng nhất. Người ta tồn tại trong cộng đồng, phải không nào? Chúng tôi có ý kiến về những mối quan hệ, chứ không về những tác phẩm. Đây là chưa kể tác phẩm của chính mình. Chỗ này rất tế nhị. Vì vậy, chúng tôi cần các nhà lý luận phê bình. Các nhà này thực ra cũng không thể chối bỏ những quan hệ với cộng đồng.

Cứ thử đày một nhà lý luận hăng hái nhất ra một hòn đảo hoang vu nào đó rồi cung cấp đều đặn đủ loại ấn phẩm cho anh ta, chắc chắn anh ta sẽ hoang

mang, sẽ nói lắp, nói nhịu và chẳng dám có một ý kiến nào hết. Nhưng không. Chúng ta không chủ trương cực đoan. Về phương diện nào đó, các nhà lý luận phê bình cũng vẫn là những quan tòa, nhất là khi họ không có tham vọng sáng tác như chúng tôi. Vậy, hơi khác với vua chúa và các tập đoàn tôn giáo, tòa án là tối cần thiết!

(Cử tọa nhất trí vỗ tay).

Nhưng thưa quý vị, tôi khuyến cáo: hãy cảnh giác với các thiết chế, một khi ta còn cần tới chúng. Hãy nhớ lại những vụ án văn chương không quan tòa. (Trong cử tọa có tiếng nhắc nhở: “Và những phiên tòa không văn chương”). Hãy nhớ lại những văn thơ treo oan nghiệt. Và trên hết, hãy nhớ những kẻ bất tài được đăng quang. Chỗ này, xin lỗi, cho phép tôi được bày tỏ lòng phẫn nộ một cách

nghề nghiệp. Phải, những thể nghiệm không kết quả tuyệt vọng, những cú nôn ọe chẳng ra hình thù gì, những cuộc nổi loạn vụ cảm giác, rồi chủ nghĩa duy mỹ lạnh lẽo vô hồn không sức sống và phóng sự đời sống không nghệ thuật, rồi chủ nghĩa tiên phong cầu thả, chủ nghĩa hiện sinh đầu đường và những cuộc đấu cơ chính trị xã hội theo phương pháp ăn gỏi..., tất cả những sự thật nửa chừng đó nếu rơi vào tay một vị thẩm phán bị đầu độc bởi sự bản gắt của uy quyền, bởi kém tri thức hơn cả kém bản lĩnh, bởi thật thà và thiện chí không đúng chỗ đi đôi với những cú huých của một bà vợ hãnh tiến, và khủng khiếp nhất, bởi cuồng tín, sẽ tùy thuộc cơ may mà trở nên tinh thần thời thượng duy nhất, dè bẹp mọi khuynh hướng thi ca khác, hoặc chết ngóm ngay khi chưa kịp nêu một bài học về sự bất cập trong nền nghệ thuật mà chúng

tôi nguyện phụng sự bằng cả cuộc đời.

(Mồ hôi rịn ra trên trán những người ngồi hàng ghế đầu. Lại nhìn ra cửa. Lại liếc đồng hồ).

Vậy, tạm thời, trong khi chưa có phương án nào hữu hiệu hơn, chúng tôi đề nghị nền cộng hòa phải thiết lập ít nhất hai tòa án. Tòa án thứ nhất thực hiện chức năng thông thường, và tòa án thứ hai để phân xử sự phân xử của tòa án thứ nhất. Trong trường hợp đặc biệt, có thể huy động cả tòa án binh mà chúng tôi sẽ nhắc đến ở phần sau. Như thế, công lý không chạy đi đâu được. Công lý buộc phải nằm trong tay chúng ta. Ngoài ra, để đảm bảo tối đa tính bất khả xâm phạm của tư tưởng, và nhất là của cảm xúc cá nhân, nền cộng hòa của chúng tôi cũng cho phép quyền được có thám tử văn học tư nhân. Đây là một thiết chế

mới, vâng, triệt để đổi mới, chúng tôi khác những nền cộng hòa khác ở trọng điểm đó. Lẽ đương nhiên, những thám tử này không được hoạt động bừa bãi mà phải tuân theo những quy chế thành văn nghiêm ngặt mà chúng tôi đang tích cực soạn thảo. Các thám tử, chẳng hạn, không được phép tiết lộ bí quyết gieo vắn, bí quyết lấy cảm hứng và kế hoạch chọn chủ đề của thân chủ mình, cũng như ngược lại, không được phép dò la những bí quyết trên ở đồng nghiệp của thân chủ mình. Không! Công việc của các thám tử văn học tư nhân là để thuần túy bảo vệ cho các nhà thơ không bị đuổi ra khỏi nền cộng hòa, vừa đuổi vừa tặng hoa như mong muốn của một nhà triết học cổ đại điên rồ nào đó. Nhưng một lần nữa, tôi khuyến cáo: hãy coi chừng! Đây là nền cộng hòa của các nhà thơ, chứ không phải của các mật thám!

Thêm vào đó, chúng tôi đề nghị một cơ chế bắt buộc cho bồi thẩm đoàn, trong đó đại diện độc giả không được phép quá bán. Chúng tôi vẫn tôn trọng chế độ hơn phiếu, nhưng tiếc thay, hoặc may mắn thay, chân lý trong thơ ca có đặc điểm đáng kính nể là không nhất thiết phụ thuộc vào kẻ hơn phiếu. Một biện pháp phòng ngừa thích hợp, vì thế, là cần thiết. Chúng tôi nhất định không để lặp lại lần nữa bi kịch nổi tiếng của một cộng đồng được chọn lựa lại đi đóng đinh đứa con xuất sắc nhất của mình. Ngày nay, cái giá của sự bất tử không buộc phải đau đớn như vậy. Hơn nữa, các vị thấy đấy, không thể đi tìm chân lý của nghệ thuật trong quan niệm của đám đông, khi các thể loại gần gũi với độc giả rộng rãi như truyện thơ, trường ca và ca dao không còn ở giai đoạn phát triển rực rỡ nhất, và nhật báo của chúng ta lại chưa có vấn

điều triệt để. Vâng, cái đẹp là thứ không thể bình bầu, không thể tổ chức, không thể rao lên như món hàng chợ phiên.

(Tiếng bàn tán trong cử tọa nổi lên. Cãi cọ. Có người giơ nắm đấm).

Khoan đã, thưa quý vị, chớ nên xúc động. Nghịch lý trên hoàn toàn dễ hiểu, nếu các vị chịu khó nhìn sâu vào bản chất của sáng tạo thơ ca. Nghệ thuật của chúng tôi, như một nhà thông thái từng chỉ rõ, không cốt ở chỗ nói về sự việc đã thực sự xảy ra, mà nói về cái có thể xảy ra. Khả năng tiên tri này dĩ nhiên không thể được công nhận bởi một đám đông bị ràng buộc rất nhiều vào một hiện tại cụ thể. Giải pháp của chúng tôi là không loại trừ đại diện đám đông, nhưng cũng không cho họ số phiếu quá bán trong bồi thẩm đoàn. Tốt hơn cả, họ sẽ là lực lượng thứ ba quyết định cán cân giữa hai lực

lượng ngang bằng khác là đại diện các nhà phê bình chuyên nghiệp - tôi nhấn mạnh: chuyên nghiệp - và đại diện của bản thân các nhà thơ. Một tam giác đều lý tưởng...

(Cử tọa hết sức sốt ruột. Bắt đầu văng tục, chửi thề. Khi một thanh niên hùng dũng đứng phắt dậy, găm lên một tiếng, rồi điềm nhiên ngồi xuống, cử tọa lại im thin thít).

Vâng, cảm ơn, như vậy là.

Chúng tôi xin chuyển ngay sang vấn đề quân đội và cảnh sát. Về cảnh sát, quả thực chúng tôi chưa có ý kiến dứt điểm. Một mặt, đã có đội thám tử văn học tư nhân, rất phù hợp với tính chất cá nhân của hoạt động sáng tạo. Hơn thế nữa, các vị hản biết, đối với một nhà thơ thì làm gì có ranh giới giữa điều có thể và

điều không thể. Chúng tôi bất chấp chứ. Vâng, một khi. Luật lệ nào bắt chúng tôi phải dừng lại? Chỗ này cấm chó, chỗ kia cấm chợ, chỗ kia nữa, xin lỗi, cấm đại tiểu tiện, nhưng chỗ nào dám cấm gieo vãi? Người ta có thể lĩnh trọn một dùi cui, hoặc phải xì ra những đồng tiền nhét kỹ trong cặp quần, nặng hơn thì vài ba năm cách ly cộng đồng. Nhưng thơ ca, phải, thơ ca không trông thấy biển cấm. Đây là nói thứ thơ ca thực sự xuất phát từ con tim. Còn loại thơ trước hết phải nhìn quanh xem mình đang ở đâu rồi mới quyết định phong cách thì chúng tôi đây không bàn. Nhưng mặt khác, cái đẹp, mục đích của chúng tôi, phương tiện của chúng tôi, sở trường của chúng tôi, đồng thời cũng là c h o h ỷ yếu duy nhất của chúng tôi, vâng, cái đẹp lại là thứ dễ bị chà đạp nhất, dễ tổn thương nhất, mỏng manh và kém đề kháng nhất. Nó đáng được

đặt dưới sự bảo trợ của một hệ thống an ninh rộng khắp biết bao. Các nhà thơ có được trang bị gì để làm vệ sĩ bảo đảm cho cái đẹp ra đường không bị hành hung, hay chí ít không bị vu khống đâu. Vậy, trước khi mỗi nhà thơ được chính thức cấp dùi cui, súng ngắn và hóa đơn phạt tiền, cộng thêm chiếc còi nữa, trước khi toàn xã hội kịp làm quen với hình ảnh nhà thơ kiêm vai canh giữ an ninh công cộng cho cái đẹp, chúng tôi đề nghị tạm thời giữ nguyên hệ thống canh sát. Từng bước một, hệ thống này sẽ được thay thế bằng các thi sĩ-vệ sĩ. Như vậy, nó tồn tại để từng bước một tiến tới sự xóa bỏ chính nó. Lô-gích!

(Ở góc cuối phòng, ông ngồi giấu đầu giữa hai mắt cá chân rụt rè đề nghị trong tiếng cười ồ của cử tọa: “Có thể cấp cho cả tôi súng ngắn được không?”).

Vấn đề tiếp theo là quân đội. Cũng tương tự như trên, quân đội cộng hòa tạm thời vẫn còn cần thiết. Nhưng về lâu dài, khi các cuộc chiến thô lậu đã hết thời và con người dần dần đạt tới độ nhạy cảm khiến cái chết không nhất thiết phải xảy ra theo nghĩa thông tục nữa, thì thơ ca, vâng, chính thơ ca sẽ trở thành vũ khí. Việc giải trừ quân bị mà chúng tôi hoàn toàn ủng hộ sẽ diễn ra theo hướng đó. Xu hướng này thực ra đã có mầm mống từ những bài thơ viết trên báng súng, cũng như từ liều lượng chất nổ đáng kể trong những bài thơ nổi tiếng nhất của chúng tôi. Vấn đề chỉ còn là thời gian. Chúng tôi hy vọng rằng quá trình thay thế quân đội cộng hòa bằng thơ ca sẽ đem lại cho thơ ca một nguồn cảm hứng hào hùng hơn bao giờ hết, ồ, một chủ nghĩa lãng mạn thú thiệt, tươi nhuận, cường tráng, giúp chúng ta tránh khỏi cái định mệnh tăm

tối bệnh hoạn của tuyệt đại đa số các nền thi ca cận kiệt cảm xúc khác. Khi ấy, thi sĩ và chiến sĩ mới thật sự là cặp phạm trù biện chứng. Và muốn nói gì chẳng nữa, biện chứng vẫn cứ là phương pháp tối ưu. Nó có thể cung cấp câu trả lời trong bất kỳ tình huống nào. Khi cái đẹp được hiểu một cách biện chứng nhất, nó sẽ đương nhiên thống trị thế giới hiện thời, một thế giới mà trong đó thú thực nhìn vào đâu ta cũng thấy xấu ghê gớm.

(Cử tọa xôn xao).

Xin lỗi, chúng tôi không có ý gì nhằm vào quý vị. Chỉ là một cách nói. Trở lại vấn đề quân đội. Trong khi thơ ca giải trừ quân bị, thì để biện chứng triệt để, đội ngũ thi sĩ chúng tôi cũng sẽ tiếp thu và ứng dụng mô hình tổ chức đáng khâm phục và hết sức ưu việt của quân đội. Đây không phải là phần khởi

mới mẻ của riêng chúng tôi. Nhiều đồng nghiệp trên thế giới đã đưa ra đề nghị này từ lâu, nhưng rất tiếc, họ không có điều kiện thực hiện. Trước hết, chúng tôi phân ra thi sĩ thường và sĩ quan thơ ca. Sĩ quan thơ ca lại gồm dự bị, úy, tá, tướng và nguyên soái. Một ban tham mưu, một bộ tư lệnh với một hay hai, có lẽ hai tốt hơn, vâng, hai tổng tư lệnh toàn cõi thơ. Hàng năm, giải thưởng thơ ca cao quý nhất là danh hiệu anh hùng nghệ thuật. Đồng thời, chúng tôi thấy cũng nên trợ cấp thích đáng cho những nhà thơ tàn phế, ở đây nói về thương tích tâm linh. Về toàn cục, lực lượng thơ ca sẽ được tổ chức thành thi đoàn, gồm các nhà thơ chủ lực, và thi khu của các thi sĩ địa phương. Có thể áp dụng uyển chuyển cả cách thức phân ngành trong quân đội để củng cố lực lượng nghệ thuật tinh túy nhất trong các loại hình nghệ thuật này. Chúng ta

sẽ có các bộ phận thơ chỉ huy, hậu cần, phòng không, văn công, đặc nhiệm, đại bác, cảm tử, thiết giáp..., nói chung là rất phong phú. Một tòa án đặc biệt chuyên ngành, vâng, tòa án binh, sẽ tập trung xét xử những vi phạm đẳng cấp và nghi thức trong nội bộ đội ngũ các nhà thơ-chiến sĩ. Nói chung, mô hình tổ chức này chẳng những tăng cường kỷ luật, vâng, kỷ luật sáng tạo là rất nghiêm khắc, mà trên hết, còn thúc đẩy ý thức vươn lên của mỗi cá nhân sáng tạo. Không còn tình trạng mập mờ đồng hạng giữa các tài năng và thâm niên cống hiến nữa. Thông thường thì năm năm một bậc, có tác phẩm thì đặc cách ba năm. Cũng không còn những cuộc tranh cãi bất tận mỗi khi làm một tuyển tập quốc gia. Cái đẹp loại một, loại hai, cho chí cái đẹp hạng bét không còn pha trộn tùm lum như trong thùng nước mắm mậu dịch.

Cuộc khủng hoảng hiện nay của chính phủ có thể do cái đẹp không được xếp hạng chu đáo lắm chứ. Nhưng chúng tôi khuyến cáo: hãy cảnh giác với các hạng mục, một khi ta còn cần tới chúng. Hạng mục đi liền quyền lợi. Đảo chính trong quân đội, hay đảo chính trong vương quốc của cái đẹp sau này đều có thể làm tổn thương trầm trọng nền cộng hòa non trẻ. Chúng tôi kêu gọi: hãy tự trọng!

(Cử tọa hết sức mệt mỏi và chán nản. Một số nhấp nhộm, nhưng bị một số khác lừ mắt ra hiệu ngồi im).

Thưa quý vị, để kết thúc phần quân đội, chúng tôi hình dung một ngày nào đó, không xa, nhưng bây giờ thì chưa, bút tích hay chữ ký của nhà thơ danh tiếng sẽ lấp lánh trên ve áo các công dân nước cộng hòa thay cho huy chương; những bài thơ, viết lỗi đại tự, sẽ được đóng khu-

ng treo tường thay cho bằng gia đình thương binh liệt sĩ. Cũng là tổ quốc ghi công cả. Kia, mong quý vị đừng làm ồn lên thế. Không, chúng tôi không hề dám đụng chạm tới hương hồn những con cháu quý vị đã ngã xuống cho tổ quốc. Ngài nói gì ạ? Chúng tôi hiện vẫn tán thành duy trì chế độ ưu tiên, đúng rồi, cả bán vé tàu xe ưu tiên, ưu tiên tất, cho các gia đình bộ đội và thương binh liệt sĩ đấy chứ. Ô, không, không ai phủ nhận phần hài cốt thiêng liêng của quý vị. Danh dự của quý vị vẫn còn nguyên trên tường đấy thôi. Đồng ý. Danh dự là trên hết. Kia, chúng tôi chỉ hình dung..., chúng tôi chỉ đề nghị..., chỉ đưa ra một mô hình tham khảo... Nói đúng hơn là chỉ mơ mộng tí chút... Xưa nay mơ mộng chưa hề xúc phạm ai... Ngài nói gì nữa ạ? Chế độ hưu trí của quân nhân ư? Chúng tôi hứa sẽ tìm hiểu. Tuy nhiên, các nhà thơ

không bao giờ về hưu. Cái đẹp không bao giờ về hưu. Cái đẹp là thứ chẳng thể ăn lương, chẳng thể tổ chức, chẳng thể rao lên như món hàng chợ phiên. Dầu sao thì.

Ồ, rất mong quý vị...

(Cử tọa ùn ùn bỏ về. Ghế xô âm âm. Nước bọt nhổ tung tóe).

Không sao. Có nghĩa là.

(Duy nhất còn lại trong phòng là người đàn ông ngồi giấu đầu giữa hai mắt cá chân. Bây giờ, ông ta đứng dậy, rụt rè nhắc lại lời đề nghị: “Thưa, có thể cấp cho tôi cả súng ngắn được không?”)

1-1991



III.
MỘT ANH HÙNG
VÀ NHỮNG
ANH HÙNG KHÁC

5. MỘT ANH HÙNG

Tôi sẽ kể câu chuyện này bằng cách luôn hỏi các vị: vậy tôi biết làm gì khác? Các vị hãy giữ lấy câu hỏi của tôi trong tai, coi như tôi đã véo von hát nó lên vào cuối mỗi chi tiết, vâng, cái lỗi đặt vấn đề bế tắc ấy, cái lỗi vờ xin lỗi ấy, đôi khi một điệp khúc nhằm lại để nhớ chứ sao.

Tôi bắt đầu bằng một ký ức năm bảy tuổi, trong đó có một người mẹ trả thù cho việc bà mang thai tôi rất bất đắc dĩ bằng cách cú tiện tay thì bổ guốc cao gót

xuống đầu tôi, da đầu tôi có lẽ tốt hơn mọi loại da khác, là loại vật liệu đóng để guốc lý tưởng; trong đó có một người bố thích diện đồ trắng đi phố và luôn hoảng sợ, ông hoảng sợ trước người vợ, ông hoảng sợ trước đứa con, chỉ khi nào lấy cái dăng thong thả quý phái bọc trong màu trắng đi ngoài phố ông mới được bình tâm; và trong đó có một vùng quê mà đứa trẻ lên bảy là tôi được làm quen. có lẽ vì người bố và người mẹ còn đang nháo nhác chạy về Hải Phòng tìm cách di cư xuống tận miền Nam. Ở vùng quê ấy, tôi mới được biết ngoài mảng da đầu loang lổ mình còn có một cái mặt buồn, một cái mặt đáng bị tẩy chay. Bằng chứng là trong các trò chơi mà bọn trẻ quê rất hạ cố cho tôi tham dự, bao giờ tôi cũng là quân xanh, là khúc đuôi, là đứa bị bịt mắt, đứa bị gõ đầu, là cái gön thay cho hai chiếc dép húng bóng, là

tấm bia bắn vô tội vạ k hi đã hết trò, và là cái cớ để chúng liên minh với nhau. Tôi không biết thế nào là cưới trâu, thả diều, không được xiên một cái que bé tí vào bụng con cào cào hơ trên lửa rơm chờ chực mùi thơm, không được rủ đi mót ấu non trên sông ăn sống..., những lạc thú nhỏ nhoi thôn quê ấy nhất định không chịu rơi vào lòng tôi. Một hôm, bọn trẻ rủ nhau làm con quện, một hình nộm nhỏ xíu bằng vải cũ tượng trưng cho đứa trẻ bị tẩy chay, đem chôn, thắp cả mấy nén hương và ngồi quanh nắm mộ chỉ vừa bằng hai bàn tay úp lại i i khóc tên tôi, sau đó chúng sẽ bầu ra đứa khóc hay nhất, nghĩa là không có nước mắt mà như thật. Tôi cũng ngồi đó bên nắm mồ của mình và không được bầu. Ký ức bảy tuổi của tôi kết lại ở ngôi nhà khum khum bằng hai bàn tay úp lại, nhả khói từ ba nén hương, dưới đó tôi nằm

dang tay, với hai chân không đều nhau vì một bên thiếu vải.

Sau đám tang con quện, người bố người mẹ đưa tôi trở về Hà Nội, họ không kịp di cư, điều ấy mãi mãi là ngòi nổ cho cuộc chung sống lòng bùng của họ, trong đó tôi bị gạt ra ngoài. Trẻ thành phố mặt mũi đa dạng, lắm đứa vừa đi vừa sún mà trông đã thật sự chán đời, lắm đứa trông như tai họa kết tinh, vậy mà cái mặt buồn, cái mặt đáng bị tẩy chay của tôi vẫn bị riêng ra một cỏi. Ban ngày tôi đi xúc tôm ngoài bãi sông Hồng, bờ bên kia đàn bà tắm cứ luồn tay vào yếm. Bờ bên này đàn ông núp trong những bụi mía, bụi nào cũng rung rinh diên đại, thỉnh thoảng lại có một bụi ngừng bật để tiếp đó tôi ăn một cái tát tai, tôi được biết rằng cái mặt mình vừa làm một ai đó hết sướng. Mỗi lần như vậy, tôi lại thả

hết những con tôm trứng trở về sông, có lẽ phóng sinh ấy nhằm giáng cho tôi tí phúc, rồi tôi vác cái mặt vô lý của mình đi dọc bãi, chẳng biết soi vào chỗ nào, chỗ nào cũng đục ngầu, sao đàn bà vẫn tắm. Nhưng tôm bé quá, không đủ sức thay đổi số phận tôi. Hồi ấy tôi đã mơ đi săn voi rồi phóng sinh voi, những con vật khổng lồ ấy chắc phải ban phúc rất lớn. Ban đêm tôi bện cành lá làm ổ trên cây cao, những kỳ quan thực sự ở lưng trời, nhưng chẳng chiếc nào thọ quá ba lần trọ. Những kỳ quan của tôi khiến người lớn thấy bị xúc phạm. Nếu tôi là chim, họ sẽ nghiên cứu và bảo vệ tôi. Nếu tôi là một bông hoa nhỏ chẳng bao giờ lớn nổi, là búp trên cành, là điệu múa chập chững bức tranh nguệch ngoạc, họ sẽ ca ngợi tôi từ giải thưởng mùa thu đến giải thưởng mùa hè. Nhưng tôi lại là một cậu bé già càng biết dựng những kỳ quan

thực sự ở lưng trời để ngủ. Họ phá ổ tôi, như bản thân họ chưa bao giờ bảy tuổi, chưa bao giờ cần một chỗ ngủ để chịu.

Thế là đủ một thời thơ ấu. Nó chỉ đáng kể lại vì chú bé lên bảy đầy thành kiến ấy luôn dựa vào cái cách tôi vùng vãi tình yêu và phúc lộc sau này.

Lớn lên, tôi đã tìm đủ mọi cách để cải thiện tình hình. Tôi để tóc xõa che bớt cặp mắt vô hồn, tôi giặt áo trong quần thắt giầy lưng giống người tử tế, tôi run lên khi tên mình bị gọi trước đám đông, tôi vật vã trong nhật ký xem mình là ai mà suốt đời lủi thủi. Hoàn toàn vô ích. Người ta vẫn phủ phục dưới chân những kẻ có gương mặt tỏa hào quang đủ ba mươi hai tướng tốt. Người ta quên mình cho những gương mặt phẳng phiu. Người ta tuyệt đối tin tưởng những

gương mặt thẳng thớm. Cái mặt làm cho người ta hết sự sợ của tôi không có trong sách tướng, nên tôi luôn được biết mình là ma quỷ hiện hình, cái gì ai không tả được cái ấy là ma quỷ. Bất cứ một thằng vô lại nào cũng có quyền nghi ngờ tôi, chỉ vì nó nhìn vào mắt tôi, và phát điên bởi sự vô hồn. Khi bị đuổi khỏi đại học, vì trong một cuộc thi nhỏ nước bọt trên sân thượng ký túc xá, thầy hiệu trưởng vô tình hứng đủ một bãi khuyết danh ngoạn mục, và tôi, tái mét trong linh cảm về số phận chống chọi tai nạn của mình, đương nhiên hứng đủ mọi nghi ngờ, được chọn làm tác giả của đám bọt dãi lẫn chút vụn bánh mì ngay ngắn trên chỏm đầu chỉ còn đếm được vài sợi tóc và vì thế mà đỏ rục và bóng lộn của thầy hiệu trưởng, mặc dù hôm đó tôi không ăn bánh mì sáng và nói chung tôi không

biết thế nào là ăn sáng, khi đó tôi nhìn rõ số phận mình như một con tàu đen sì đang chầm chậm vào ga. Việc của tôi chỉ còn là nhảy lên đó, tiếp tục bò đen sì vào một tai họa khác. Giá đó là một bãi nước bọt buồn và trong veo, tôi sẽ không ngần ngại bước lên một bước, trước đám sinh viên đứa nào cũng còn đẩy vụn bánh mì trong khoang miệng ngấp ngọng, tôi sẽ bước lên, thưa thầy, đó là nước bọt của em, nó buồn và trong veo thế này. Nhiều năm sau, tôi gặp lại một trong số sinh viên có mặt trên sân thượng dạo ấy. Hắn mặc một cái bao tải, quần bò cắt cụt ống, tất yếu râu ria, một tay cầm tờ báo ố có đăng ảnh hắn, lại một bản mẫu của thể hệ bốn mươi, tay kia chìa chiếc xô nhựa màu xanh da trời, đi khắp nơi xin nước bọt thiên hạ. Hắn cũng xin tôi một bãi. Tôi hỏi hắn có phải thằng đểu hồi ấy

không, hắc gặt ngon lành. Hắc là một con mọt sách đã vào hồi cuồng chữ. Nếu tôi đập nát hắc thì sẽ được hơn bốn chục cân bột giấy.

Con tàu của tôi cứ chậm chậm bò đi, tôi nằm ườn trên đó, uể oải nghe tiếng chạy thành thạch của nó như một trái tim độc lập, tôi nằm dang hai tay, con tàu nhả khói từ ba nén hương, và hai chân tôi không đều nhau vì một bên thiếu vải. Nhưng ai ngờ lần này nó lại chở tôi vào thành công rồi nằm ì ra đó.

Có một đoạn rất hay trong “*Hồng Lâu Mộng*”, lời của tiên cô nói với Bảo Ngọc trước khi dạy chàng cách mây mưa: “Ta ưa anh, vì anh là một người dâm nhất thiên hạ xưa nay. Dâm dù một lẽ, nhưng ý thì khác nhau. Những kẻ hiểu dâm trên đời chẳng qua là ưa sắc đẹp, thích

múa hát, đùa bỡn không chán, mây mưa bữa bãi không chừng, chỉ sợ thiên hạ không đủ mỹ nữ để cung thú vui chốc lát cho mình, đó là những hạng ngu xuẩn, chỉ biết thú vui bề ngoài mà thôi. Như anh, khi mới sinh ra đã mang một mối si tình, chúng ta gọi thế là “ý dâm”. Hai chữ “ý dâm” chỉ có thể hiểu ngầm trong lòng chứ không thể nói ra miệng được. Riêng anh thì xứng với hai chữ này. Ở trong khuê các, anh có thể là bạn tốt đấy, nhưng ra ngoài thì vẫn mang tiếng là người vớ vẩn, quái gở, sẽ bị trăm miệng cười giễu, muôn mắt lườm nguyệt”.

Hình như tôi cũng là người mới sinh ra đã mang một mối si tình như thế. Tôi có thể toàn tâm toàn ý vùi đầu vào một quyển sách và tiếng sột soạt của tiền, nhưng chỉ cần một dáng đàn bà đi ngang, vô tình quệt áo, quệt tóc, quệt

mông qua tôi, vô tình bỏ lại một mùi nào đó, mùi của da thịt thật chứ không phải mùi phấn sáp điều toa, vô tình phác vào không gian một đường nét tạm bợ, trề nải của giường ngủ... là tôi sẵn sàng nhào theo nếu nàng chưa đi quá xa, và nếu chẳng kịp thì ráo riết đuổi bắt nàng trong ý nghĩ, những ý nghĩ rất si tình, rất trừu tượng, rất trong trắng. Người đàn bà đi ngang chỉ là một cái có. Nàng có hạn, nàng quá bé nhỏ, làm sao thỏa cái ý dâm khổng lồ trong tôi? Tôi sẽ sung sướng với nàng một đêm, sáng mai trân trọng ngắm vẻ rũ rượi vô nhiễm của nàng, hít vào một lần nữa da thịt mềm như bông ấy, cảm ơn cặp đùi dài không biết mệt mỏi ấy, vuốt ve một lần nữa hai trái vú dễ thương như tất cả mọi trái vú đàn bà trên đời, và biết rõ nàng chẳng choán đầy tôi, tất cả các nàng cộng lại cũng như vậy, và biết rõ lần sau tôi lại

sững sờ nhào theo khi một người đàn bà khác đi ngang.

Bằng cách nào đó những người đàn bà nhận ra cái ý dâm âm ỉ bên bĩ hứa hẹn rất nhiều âu yếm trong tôi. Tôi không quyến rũ đàn bà. Chính họ ụa nhau vào quyến rũ tôi bằng tất cả vẻ nhẹ dạ can trường của họ. Họ dẫm nhâm chân tôi dưới gầm bàn. Họ thay áo cách tôi một bức bình phong. Họ đập xe rào rào trước mặt tôi với hai đầu gối dính chặt vào nhau. Cửa phòng họ thì khép hờ và đa số trong bọn họ ngất đi trước những con cuốn chiếu. Ôi những người đàn bà như cánh bướm chẳng đậu lâu một chỗ, nhiệt tình và thiện cận như họ biết gì về mối si tình thánh thiện trong tôi!

Những năm tháng thành công trên lòng nhẹ dạ nóng hổi ấy trôi đi rất nhanh. Con tàu của tôi không muốn bò đi đâu

nữa, nó bị cột vào những chân giường, chiếc cao chiếc thấp, chiếc nào cũng đòi phần cống hiến, phần to nhất thuộc chiếc tôi đã mua để cưới một người vợ thật hiền, thật tốt, thật u mê. Biết bao lần cô ấy đặt đít ngồi lên giấy tờ và để tã lót chảy nước trên bàn làm việc của tôi. Cô ấy thường nhặt một mớ rau muống hết trơn buổi sáng và buổi chiều tắm cho con thì quên tất cả các kẽ ngón chân ngón tay cái ghét. Cậu bé lên bảy đi tìm tình yêu rồi nhặt được nó. Nó mông muội như thế đấy. Tôi đã lừa mị, đã chuyên quyền, đã tế nhị chèo chống con thuyền gia đình mông muội, tôi đã rút đều đều về nhà mỗi tuần một lượng tinh trùng cần thiết để duy trì hạnh kiểm của cả đôi bên, cũng như mỗi tháng rút tiền mặt, mỗi năm rút dần những vật dụng mà cô ấy ước ao, toàn những thứ chiếm chỗ trong nhà để đuổi tôi ra ngoài đường. Tôi ra ngoài đường

thơ thần mơ số kiếp của người đàn ông Chăm luôn đợ c ngủ đến mặt trời đứng bóng và đêm đêm thổi tiêu dưới trăng, hút điếu thuốc cũng đợi vợ gắp than chứ chẳng tự mình châm lửa. Ước mơ Chăm này cũng giống ước mơ phóng sinh voi. Phải tạm biệt con tàu của tôi thôi, nó đã chạy qua hai mươi năm, thế là đủ một thời hậu thơ ấu.

Hơn tám mươi năm trước, có người đã viết thế này: “Cứ bảo làm sao đàn ông nước Nam ngu? Đời người học hành chỉ được có một thời, còn lúc bé là chỉ để học vỡ lòng cho quen; ấy thế mà chưa đến tuổi hay ấy, đã phải lo nghĩ đến việc nhà. Tuổi ấy, cũng có kẻ nói là tuổi nhân tình, là tuổi thở dài, là tuổi đêm nằm không ngủ. Thực phải, nhưng người ta hay cũng vì nhân tình. Giai hai mươi tuổi vợ chưa có, học thức thông minh, nhiệt thành ái

quốc, mà lại được ganh nhau con mắt cô nọ cô kia nhìn đến thâm yêu thì lại càng gắng sức khoe tài khoe trí. Quả một nước hay dở là ở mắt con gái. Thế mà An Nam ta thì lửa tình mới nhóm đã tắt ngay. Lấy vợ lấy chồng cũng đã hình như là lấy nước mà tưới đồng lửa. Vả lại, chơi bời đã có cách dạy, mà làm giai hư một thuở còn hơn hèn mặt một đời”.

Tôi đã hư một thuở, lại hèn mặt một thuở, nên bây giờ mới cuống quýt lên, mới vội vàng như chẳng kịp.

Vội vàng như chẳng kịp, tôi dành ra hai tiếng đồng hồ nghiên cứu các cơ may. Cuộc đời bình thường thì tôi đã sống, bây giờ mơ màng việc quốc gia chẳng? Trong cái quốc gia này chẳng ai lo việc ấy ngoài mấy cán bộ về hưu và kháng chiến lão thành. Phần đời thứ hai của họ là đêm đêm thức nhẩn nẻo sơ chung, sáng

sáng tế tựu quanh Bờ Hồ trong giày vải Thượng Đình và quần đùi nhà làm, ngoan cường vươn những đốt xương sống cuối cùng chưa thoái hóa lên tầm những thông tin thời sự mới nhất, thỉnh thoảng lại ngưng ngang động tác thở, đôi cánh tay sững sờ bỏ quên phía trên đầu như miễn cưỡng giơ hàng. Rồi suốt ngày, người giàu uy tín nhất trong số họ ngồi viết những bản kiến nghị gửi bằng thư bảo đảm đến các ngành các cấp, trong khi những người còn lại lo âu đếm theo từng số công tơ điện trong nhà. Tôi không có cái nhiệt tình trù mẫn và chất phác ấy. Mà lo việc nước lắm lại khổ việc nước nhiều đấy thôi, chứ ích gì. Cái quốc gia này chỉ thực sự chuyển mình khi không còn bất kỳ ai lo đến nó. Phần đời thứ hai của tôi lại cũng không thể nhẹ nhàng trôi trong tinh thần phương đông nhân trung phù thế tổng phù vân, ngâm đi ngâm

lại đến lần nước bọt thứ bao nhiêu cái thang thơ núi lảng giềng chim bầu bạn mây khách khứa nguyệt anh tam. Đúng là tôi toàn trích Ưc Trai tiên sinh. Tôi cần một ví dụ. Cái văn phong lạng ngời tản mẩn xót xa thương người thì ít thương ta thì nhiều trong các bài thơ thất sủng của ông có thể dạy tốt cho tôi, rằng không nên để mình bị thất sủng như thế.

Như vậy tôi biết làm gì? Tôi có đủ nghề nhưng chẳng thạo nghề nào ngoài ăn ngủ với đàn bà và lừa mị vợ. Hai việc đó thuộc phần đời thứ nhất mất rồi mà ước mơ Chàm và phóng sinh voi của tôi vẫn còn treo đấy. Vả lại người Việt Nam chúng ta sinh ra không phải chỉ cho một việc. Mỗi chúng ta là một kho tài cán tạp nạp, người sáng giá nhất thì có cái diện mạo và cử chỉ của một ông chủ hàng xén thành đạt. Chúng ta chỉ thực sự thấy

thoải mái khi đi đi lại lại giữa những khả năng bộn bề lật vạt mà thôi. Ở đó óc sáng tạo của chúng ta được dịp nhảy múa, nó là không có giới hạn, chúng ta sẽ thu về vô số cái trầm trồ của người khác bởi sự khéo tay nhanh trí giỏi thu xếp của chúng ta. Nhưng chẳng bao giờ chúng ta có được cảm giác quê hương ở những nơi mà mọi sự xem ra đã có trật tự của nó rồi. Chúng ta vừa khâm phục cái trật tự đó, vừa bĩu môi chê rằng tẻ nhạt và là sự tha hóa. Cũng như mọi người Việt Nam khác, hễ có dịp là tôi nguyên rửa số phận là người Việt Nam của mình, và hễ được hỏi vậy muốn là người gì tôi sẽ nhất định thờ dài mà xin làm người Việt.

Hai khả năng cuối cùng còn lại là viết truyện ngắn và vượt biên, tôi chọn vượt biên trước, và kẹp giữa hai nhân vật, một ngôi xóm, một lom khom, trong tù, phần

đời thứ hai của tôi sau đó mới bắt đầu. Bây giờ mời các vị làm quen với gã đoán mệnh, kẻ ngồi xổm.

Vào một phiên chợ phố huyện họp ngày bốn ngày chín, cậu bé sau này sẽ ở cạnh tôi mấy tháng ngồi xổm trên mặt đất ẩm ướt, cái dáng ngồi sẽ theo đuổi cậu suốt đời, trước mặt là ba con gà choai, xung quanh là những động vật quen thuộc, lớn nhất lợn, nhỏ nhất tép tôm, con lớn trói, con nhỏ tha không trói. Xa hơn chút nữa là thực vật, mùa rau cải. Xa hơn thực vật là đồ vật, mùa áo len, vĩnh viễn màu xanh, cổ lọ. Xa hơn đồ vật là quà bánh, mùa bánh đúc triền miên. Xa hơn quà bánh là cửa thuế quan, ở đó không có mùa, ở đó là nỗi kinh hoàng quanh năm và những chiếc lưng cúi gập suốt đời.

Tất cả thuộc về những người khác,

cậu bé chỉ có ba con gà nhép, gày gò, ngo ngác, xác xơ, chân dung của chính cậu, thậm chí không đủ gây ấn oán với các ông bà thuế quan, thậm chí cùng màu, cùng độ cao với đồng bùn rác dưới chân đám lá lộn. Nhưng dù sao chúng vẫn là thứ mỹ miều đáng giá nhất trong nhà cậu, ba đấng cứu thế choai choai có thể giải thoát cậu khỏi danh sách nợ học phí mà thứ bảy hàng tuần, sau giờ đạo đức, được người mà cậu tuyệt đối tôn thờ là cô chủ nhiệm đọc to trong giờ sinh hoạt lớp. Mãi mãi cái giật thót và một són nước tội lỗi ở đũng quần ấy khi những cái tên nhảy lóc cóc từ vần chữ cái này sang vần chữ cái khác vang lên, cậu cảm thù vần chữ cái ngay trước tên cậu.

Cậu ngồi đăm đăm ngó từ đầu gối đến gấu quần người đi chợ. Tỷ lệ chân đất và chân guốc dép là bốn chín năm

mốt. Ngón cái tõe ra là ba phần tư. Chân trắng một, chân đen mười. Chân đàn bà bảy, chân đàn ông ba. Quần chùng hai, quần xắn tám. Tất cả đều lướt qua cậu, không một ai ngửa miệng hỏi một câu, ngửa chân cho một cái đá. Thiên hạ không nợ học phí, không tôn sùng cô chủ nhiệm. Người ta đi chợ và mụ mẫm trong mặc cả, mua rau mặc cả xu, mua thóc lợn mặc cả đồng. Chợ cứ mua cứ bán và cứ chừa ra bốn sinh vật kẹp giữa mùa đen đui. Đó là lần đầu tiên cậu mơ hồ hiểu về số phận.

Xế trưa, khi bãi chợ không còn một bóng người, cậu bé lộn trái túi quần, rắc nhúm thóc lép cuối cùng xuống trước ba con gà, cởi giây buộc chân chúng, và quay gót. Đến cửa chợ, cậu gập lưng trước mùi thuế quan sót lại ở mấy mẫu bút chì và vé chợ trắng xóa, ngoảnh nhìn bãi đất lầy

lội, lều trơ gọng tre, rác rưởi nhốn nháo, và ba con gà đang bị lương tâm đè nặng vì không hoàn thành bốn phận tự bán mình, và xấu hổ tới mức chẳng đủ sức hưởng ứng cái tự do mà ông chủ nhỏ vừa ban phát. Đây là lễ phóng sinh gà. Cậu tuổi Ất Dậu, số phận cậu bắt đầu từ những con gà, cậu phải bỏ đi thôi, đi mà tìm hiểu các số phận.

Nhân vật thứ hai, người đàn ông chuyên nhòm qua lỗ khóa, chỉ có một tư thế cơ bản là lom khom như chiếc chìa khóa quá dài bỏ quên ngoài cửa. Y xuất thân anh nuôi trong một đơn vị bộ đội đóng ở địa phương, thành tích đầu tiên là một buổi bung cơm đến phòng thủ trưởng, khựng lại trước cửa vì nghe tiếng đàn bà cười, sau này y quả quyết cô ta rên, ghé mắt qua lỗ khóa thấy da thịt một đen một trắng, hỗn hển lao vào

ngực chính trị viên, báo cáo không hoàn thành nhiệm vụ anh nuôi, vì thủ trưởng đang no nê thứ khác, tình nguyện dặt tay đại úy chính trị viên, loắt choắt, mồm thối lửa, đến tận hiện trường.

Trước tòa án quân sự, cô y tá thút thít thể, anh ấy kể chuyện tiểu lâm buồn cười quá, không tin các đồng chí cứ bảo anh ấy kể lại cho mờ nghe, không tin thì quý thần hai vai quan tài vào cửa, tôi chỉ cười, thì từ rày xin không cười nữa. Người đàn ông trầm tĩnh hơn, tôi trúng gió cô ấy dùng chìa khóa đồng cạo gáy, cả lưng nữa, nốt đỏ còn đây, đúng chuyên môn, tôi tranh thủ kể chuyện chứ biết làm gì nữa.

Người ta quyết định đốt hai chiếc quần, một gabadin, quần phục, một phíp đen, dân sự, nhờ ngọn khói phén xét. Gần một trăm con người nín thở đứng

thành vòng tròn quanh giàn thiêu. Đại úy chính trị viên châm lửa. Khói quân sự và khói dân sự ngập ngừng bốc lên, chùng một gang tay chưa hề có dấu hiệu khả nghi, rồi bỗng quyện vào nhau, quần quýt, say đắm, được tiếng vải nổ lách tách khích lệ, thấm thiết dùi nhau tỏa mãi vào không gian vùng quê lạnh mạnh. Họ vô tội trong chùng một gang tay để rồi ngay sau đó hiển nhiên sa ngã.

Y đã đeo từ lỗ khóa này sang lỗ khóa khác, nhận thức biết bao dáng vẻ và tiếng động của đồng bào đằng sau các cánh cửa. Nếu có tài, hẳn y sẽ là một tiểu thuyết gia vô cùng rùng rợn. Y là chất keo liên kết đời sống hai mặt truyền thống của chúng ta, còn bản thân y thì chẳng ai nhòm vào được. Tôi chỉ phỏng đoán, y ngồi cạnh tôi mấy tháng có lẽ do nhòm phải một cái gì không khéo mù hai mắt.

Một kẻ ngồi xổm, một kẻ lom khom, hai anh hùng của một thời đại chẳng ai tin ai nhưng tất cả đều dễ bị lường gạt. Kẻ ngồi xổm dạy rằng: “Nếu ta điem nhiên bước ra đường mà lớn tiếng kêu hãy tin tôi đi tôi biết tất cả thì ta sẽ bị coi chí ít là gàn dở. Vậy đừng bước ra đường, đừng đến với thiên hạ mà hãy để thiên hạ đến với ta và bắt họ trả một cái giá nào đó, không tốn kém quá để họ khỏi tính toán, không nhẹ nhàng quá để họ khỏi sinh nghi. Và nhất thiết phải giải trí họ. Người ta mãi mãi giải trí bằng cách tự bày tỏ hoặc để cho kẻ khác bày tỏ họ mình”. Kẻ lom khom dạy rằng: “Người ta cần một chỗ để có thể làm người hoàn toàn lịch sự trong giây lát, nghĩa là một chỗ để xử sự như khi chỉ có một mình trong buồng kín”.

Tôi trở về, bắt tay ngay vào xây dựng

một trung tâm, nơi con người vừa được giải trí vừa được làm người hoàn toàn lịch sử trong giây lát. Đây là một ngôi đền do tôi tự thiết kế. Đầu tiên tôi đi khắp thành phố, quan sát những ngôi nhà rùng rùng mọc lên mấy năm gần đây, mỗi cái một kiểu nhưng đều giống nhau ở cố gắng nào nề để làm sang... Chỗ này thì mấy cái chuồng chim xà lim bê tông bé xiu ra sức ăn diện mặt tiền bằng mỗi mét vuông hàng chục loại gạch lát đá rửa nhặng xỉ ngậy giữa phố cũ. Chỗ kia một tòa lù lù như cái máy chém. Chỗ kia nữa nào kính nào cột nào vòm trời lên rủ xuống trần trở mẫn nguyện. Nhân dân lao động thì đồng tâm xây những hộp diêm chống bão vuông thành sắc cạnh màu xanh lơ. Xấu, chấp vá hỗn độn và lèo lá, tôi rút ra rằng ngôi đền của tôi phải xây dựng trên ba nguyên tắc hiện thống trị ấy, nếu không tôi sẽ thất bại. Sau đó

tôi vào thư viện lục tìm kiến trúc cổ kim đông tây. Ngôi đền của tôi phải có được một chi tiết gì đó thách đố, không ai biết xếp vào nền văn hóa nào, như thế mới xứng đáng một giáo phái độc lập. Cái đó là để hầu các học giả, vì chắc chắn khi tôi và ngôi đền đã là một hiện tượng thì các học giả sẽ ùn ùn kéo tới. Họ sẽ rất hạnh phúc khi tóm được một điểm tựa. Cái điểm tựa đó hình dáng cụ thể như sau: lẽ ra nó gồm hai vòm cong rất cổ điển Hy La liên tiếp, nhưng tôi chỉ lấy mỗi vòm hai phần ba xẻ theo chiều dọc, ghép với nhau gần giống một chữ M hoa. Chỗ hai nửa vòm tiếp xúc nhau, cái chỗ trũng rất mê hồn, tôi trang trí bằng một hình tròn âm dương, hình này các vị đều biết, nhưng phần đen có cơ lẩn át phần trắng, xung quanh có tia tóe ra như trên mặt trống đồng, tất cả lại được treo thẳng lên trần bởi một cột tròn đắp rắn trắng uốn

lượn. Cổng vào cũng là chữ M ấy, nhưng hai chân hơi choãi hơn một chút, bên trên có nhiều rỗng rảnh mặt trời ngưỡng mộ nhau. Những chữ M hoa này chia nội thất thành nhiều khoang. Có tất cả chín khoang, hai tầng, thứ tự sắp xếp tùy tiện. Nguyên tắc của tôi là, một khi đã bước chân vào đây, người ta chỉ có việc cúng. Chỗ nào cũng cúng bái được. Chỗ nào cũng có thần thánh. Thần thánh nào cũng linh thiêng hoặc không linh thiêng như nhau, việc gì phải sắp xếp phân biệt. Giáo phái của tôi là một giáo phái dân chủ. Chính sự phân chia ngôi thứ đẳng cấp đã nhiều loạn tâm trí tín đồ và làm họ mất tự nhiên. Về lý thuyết thì trong ngôi đền này, ẩn hiện giữa những chữ e mờ cho đến giờ chưa ai giải đoán được ý nghĩa trừ một ông giáo sư hình dáng kỳ quái, ông này suýt phát hiện ra chân lý, chuyện đó xin kể sau, ẩn hiện giữa

những chữ e mờ khao khát nhớ nhung của tôi là tất cả thánh thần đất Việt cùng một số vị ngoại quốc nhưng đã Việt hóa hoàn toàn: nào đức thánh Trần, nào Liễu Hạnh, Tản Viên, nào sơn thần thủy quái, chúa thượng ngàn, nào các cô các cậu, các vua Hùng, nào bạch hổ kim quy gà trống, nào Hồ chủ tịch, Quan Công... Nhưng trong thực tế, bản thân các vị thần đó chắc chắn không nhận ra mình trong hàng trăm pho tượng lớn nhỏ, pho nào cũng gồm một cái mặt đuồn đuồn trai chẳng ra trai gái chẳng ra gái, và một trang phục phùng chèo thậm vô lý. Các pho này lại đứng ngồi giữa lĩnh kính đèn nhang chuông khánh rương hòm sập ngai long bài vị cờ quạt nón quai thao gươm đao giáo mác bánh chưng bánh gai cam xoài oản chuối, cứ như trong một siêu thị. Người ta đến đây không phải để đắm chìm trong niềm giao cảm

tâm linh cao siêu trừu tượng. Người Việt chúng ta không có thói quen chăm sóc những trạng thái rách việc như thế. Chúng ta thực tế và thiển cận. Chúng ta nuôi nấng đức tin theo tinh thần đánh xổ số, có thờ có thiêng, có kiêng có lành, nghĩa là chẳng mất gì nhiều mà may ra được lời lớn. Chúng ta sẵn lòng thờ tất cả, tin tất cả, miễn sao đấy phải là một quan hệ trao đổi song phương. Chúng ta cần bằng chứng thật sự của trao đổi này, nếu không chúng ta sẽ bỏ đi bằng hết. Các vị hãy để ý, có bao giờ chúng ta cầu xin đại loại như xin ban cho con sức mạnh vượt qua thử thách này, ban cho con niềm tin để con được đời đời vững lòng ở bên Người, ban cho con sự sáng suốt để đừng mê muội theo tội lỗi...? Không bao giờ. Điều chúng ta cầu xin luôn cụ thể, đếm được, sờ được, nếu ứng nghiệm thì ta thưởng cho thần títi,

nếu chẳng được thì ta trề môi bỏ đi bằng hết. Chúng ta xin thần một mụn con trai, như thể thần tốt giống lắm, xin làm ăn vốn một lãi mười, xin một tấm chồng như ý, một chuyến đi nước ngoài trót lọt, xin cho lão hàng xóm không ngóc đầu lên được, cho tay trưởng phòng phen này mất chức..., chúng ta dâng số bán xe máy, số mua chó Nhật, số bán nhà, số xe duyên, chúng ta xin bùa chùa uống rượu, bùa chống chống mê gái, bùa phòng tai nạn giao thông. Cứ như thế chúng ta năn nỉ thánh thần và chẳng bao giờ tự làm khổ mình bằng những câu hỏi thượng đế người là ai người có thực hiện hữu chẳng. Chúng ta lại càng không quan tâm đến cái gì chờ đợi mình sau khi chết. Viễn cảnh về một trừng phạt ghê rợn hay ban thưởng nồng hậu nào đó không hề chi phối đời sống trần gian của chúng ta. Có chẳng, khi buộc phải làm một điều

thiện ngoài ý muốn, chúng ta sẽ tự an ủi rằng để phúc lại cho con cháu. Điều thiện tự nó đối với chúng ta chưa bao giờ là một phạm trù. Và người đã chết đối với chúng ta chỉ có ý nghĩa mạnh mẽ nhất tùy ở việc họ có thiêng hay không mà thôi.

Ngôi đền của tôi hoàn toàn phù hợp với tinh thần tôn giáo vui vẻ ấy. Mọi thứ ở đây đều dễ gần, cũng cầu thả linh tinh, cũng rỗi như ở nhà người ta. Người ta không bất giác phải nín thở, nhẹ chân. Không có trái tim đau đớn hoặc gương mặt vời vợi vô nhiễm nào nấp sẵn trong các góc khiến con nhang đệ tử của tôi phải chột dạ. Như đã nói, ở đây toàn các gương mặt ngây ngô đuồn đuồn rất buồn cười. Chúng giống đồ chơi hơn đồ thờ.

Phần đông người đến là đàn bà. Trong thành phố của chúng ta, đàn bà

không có chỗ giải trí. Đàn ông các người hết chỗ chơi thì cứ việc xách xe ra khỏi nhà, lượn mấy vòng thế nào cũng chộp được mặt quen, rồi rủ nhau khê khà, chuyện trò câu được câu chăng còn chủ yếu ngó mông ra đường, thế cũng qua một buổi chiều. Đàn bà biết làm gì để qua hết cuộc đời họ? Vậy họ đến với tôi. Họ chẳng có gì để nói với nhau, nhưng rất cần những cái cớ để chị chị em em. Tôi cho họ cái cớ ấy. Tôi cho họ hẳn một câu lạc bộ, trong đó họ được hưởng cái thú tiếp xúc với những nhân vật không thuộc đời thường, được đi đứng nói năng hoàn toàn lịch sự, như thể họ không bằng xương bằng thịt mà chỉ toàn là mộ đạo thành tâm, như thể cung cách ngọt ngào lễ độ và cầu tiến là thói quen thường nhật, là lẽ sống đời đời; họ được tỏ ra rộng lượng vô hạn, vì cái may mắn của người bên cạnh không là nguồn gốc nổi

bất hạnh của họ; họ được hả hê với phố phường bởi cuộc giao du này không tầm thường, một cuộc giao du trên phương diện đức tin, nghĩa là một cái gì đấy khó tả, bí ẩn, huyền diệu hẩn hoi; họ được ban lộc thánh mỗi lần đi lễ để có ngay cảm giác được đền đáp, thánh thần đã ghi nhận lời xin, và thỉnh thoảng được dự cơm chay rất tốt cho sức khỏe, được ngồi giá đồng. Ôi, những buổi ngồi đồng ấy ngây ngất hơn cả hội thi thời trang. Mắt các bà các cô cứ sáng rực trước son trước phấn trước gấm vóc lụa là trước những tay áo rộng những dải yếm vành khăn. Họ có biết khăn áo ấy ý nghĩa thế nào đâu, cũng như họ chỉ biết Mẫu là Mẫu, chúa Liễu là chúa Liễu, Vân Cát thần nữ là Vân Cát thần nữ, đại mồm mà bảo họ ba vị ấy là một, không cần phải xin cả ba cho tốn tiền giọt dầu, thì họ sẽ te tát mắng ta là đồ mất dạy. Vì vậy tôi chẳng

bảo họ khăn áo ấy do tôi tự nghĩ, tôi thích chị em cứ như bướm bướm trước mắt tôi, cứ sặc sỡ lên được lúc nào hay lúc ấy, chẳng cần thẩm mỹ, chẳng cần bài bản gì hết, vì có được như thế suốt đời đâu. Cũng như tôi không hé răng về chữ e mờ của tôi, chữ e mờ si tình, thánh thiện, chữ e mờ khao khát nhớ nhung tôi đã làm để tưởng niệm một phần đời mà tôi tự nguyện rời bỏ. Ông giáo sư hình dáng kỳ quái có vẻ mặt thích gây sự và giọng nói của kẻ cái gì cũng biết đã vỗ vai tôi, phát biểu: “Cái linga chứ gì!” và sau một hồi gật gù: “Một tập hợp lingayoni”. Làm sao giáo sư biết được, đấy là một tập hợp hỗn mang những ý đồ cơ hội và cảm xúc chân thành, một cuộc đánh quả trên cơ sở những rung động dịu dàng nhất của trái tim tôi và sự dễ dãi vô hạn của trái tim người đời. Tôi đã từng thành công trên lòng nhẹ dạ nóng hổi, và tiếp tục

thành công trên sự dễ dãi vô bờ. Có thể nào thành công trên một phương diện khác? Tôi khẳng định là không. Trong quốc gia này, không ai có thể thành công trên một phương diện khác.

Từ một đứa con của tai nạn từng khóc tranh giải cho năm mồ mang tên mình tôi đã thành người cha may mắn và ơn huệ. Ước mơ Chăm và phóng sinh voi của tôi có lẽ đã được thực hiện. Tôi để móng tay dài cho chúng cạo phơn phớt vào những xấp tiền ủng hộ trẻ em mồ côi và đồng bào vùng lụt, cho chúng gãi nhẹ nhẹ lên những quả chuông đồng tôi cho đúc và phân phát la liệt, chuông đồng ấy phải rên lên vì khoái lạc trước khi ngân vang tên tuổi bất tử của tôi khắp một dải sông Hồng. Tôi lấy chỗ này cho chỗ kia nhân danh một ông thánh sống. Cái mặt không có trong sách tướng với cặp mắt

vô hồn của tôi thành một thắng cảnh, nằm trong chương trình tham quan của khách du lịch phương xa.

Và đêm đêm một mình trên chiếc giường sơn son thếp vàng, không còn một liên quan nào đến những ổ lá lừng trời, những người đàn bà tôi đã yêu, những người đàn bà tôi đã lừa dối, tôi lại hình dung con tàu của tôi chậm chậm bò tới, con tàu mà tôi đã chia tay, tôi lại nằm ườn trên đó, dang hai tay, với hai bên chân không đều nhau... Điều đó không bao giờ xảy ra nữa.

Vậy tôi biết làm gì khác?

4-1992

6. NHỮNG CON BÚP BÊ CỦA BÀ CỤ

Trong nhà có một tấm gương lớn choán hết một bên cánh tủ gỗ lát ba ly nói lên rất rõ lớp trung lưu mới của gia đình tôi, tôi thường đứng trước đó tìm kiếm tương lai.

Cái kính viền vọng không lồ hình chữ nhật bốn góc có hoa leo khắc chìm ấy cho thấy một bối cảnh, gồm từ trên xuống một đồng hồ mạ vàng biết hát mười hai bản nhạc êm ái khác nhau, một búp bê tóc vàng thắt nơ ngồi dạng chân

trên chiếc cátxét nhãn Sharp, già nửa chiếc tủ ly cũng gỗ lát ba ly vân lượn như xiếc, và một khoảnh gạch men nữ hoàng bóng lộn. Sạch khùng khiếp. Bạn chẳng tìm ra một milimét vẩn đục nào đâu. Mẹ tôi, hai tay hai chiếc giẻ lau, chiếc lượt đi, chiếc lượt về, cuỡi chổi bay vù vù tả xung hữu đột, là vị nữ thần chiến tranh đầy phần nộ. Bố thì giống một máy hút bụi chưa có trên thị trường, ánh mắt phóng đến đâu bụi bặm run lên đầu thú đến đấy.

Ông thường ngồi bất động trong chiếc ghế salông nệm mút bọc da giả, đầu thật vuông góc với vệt ren trắng muốt chụp trên chóp ghế khiến nó có vẻ mộ đạo đờ đẫn, điều luyện lướt mắt như trượt băng nghệ thuật trên những đường gờ tinh vi của chiếc cátxét, dọc theo vành tai con búp bê và tung tăng trong ngăn kính tủ ly. Trong ấy ngồi ngồi một chai

Napoléon không mở bao giờ, một gói cà phê Jakob cũng không bao giờ được mở, và một bộ cốc thủy tinh Tiệp Khắc với sáu cô gái thoát y tế nhị khi gặp nước, hai tuần một lần chúng lại được đem ra lau rửa, những chỗ kín của các cô ấy cũng sạch bong tề tề.

Trong bối cảnh tuyệt vô trùng ấy, tôi xuất hiện như một hột xoài chẳng lấy gì làm thon thả lắm, màu vàng nhạt, đã được găm kỹ, thật vinh dự quá. Suy nghĩ dần về tương lai đi con ơi, bố mẹ đã làm hết sức mình rồi. Đúng như vậy. Bố mẹ đã đạt đến đỉnh cao gương mẫu, bố mẹ không tụt xuống được nữa, sẽ ngồi trên ấy dùng những mảnh quần áo cũ lau đi lau lại yếm xe máy và nan hoa xe đạp, sẽ ướp những tháng ngày còn lại trong bầu không khí đã được khử bụi. Bạn không thể tìm ra một milimét vẩn đục nào đâu.

Trong một căn nhà khác, Hiền cặm nắn trông như một cảnh thủy trúc mảnh mai lò xo tóc không soi gương mà tìm kiếm tương lai trong tập ảnh album của gia đình. Nó ngồi suốt ngày trong chiếc ghế cổ sắt sọ có bụi bám đặc quánh ở các đường chạm khắc, miên man lên đồng. Các siêu sao của gia đình lần lượt nhập tròng trành vào nó. Bối cảnh của nó thật phong phú và có bề dày. Đây là một người đàn bà vấn khăn mặc áo nhung đen, bà nội của nó đấy, trông bà thùy mị quý phái xiết bao, vành khăn ấy có lẽ cũng thích hợp với khuôn mặt nhỏ xíu luôn tái mét của nó. Còn đây là bà ngoại rục rở trong áo dài hoa thị thành, không phải con nhà dòng giống, không biết chữ Nho, nhưng áo lót của bà cũng đính vàng ròng. Rồi cô gái có đường ngôi thên thang như một quốc lộ trên đỉnh đầu này, bộ váy đầm của cô ta kịch cỡm

và nét mặt giáo điều phát ớn, nhưng có mấy đứa trẻ Tây xúm quanh và đằng sau là một quảng trường với chim bồ câu, tất cả có hình thù một triển vọng. Rồi một nàng tiên trắng ôm hoa trắng trên giường cưới bông rèm trắng, nàng cười trống rỗng quá, có thể thấy một bên mi giả của nàng sắp rơi đến nơi và hai quả đồi non trên ngực nàng so le nhau, mỗi quả ở một độ cao, có lẽ do đắp vội. Và một người đàn bà mặc đồ tắm trên bãi biển. Bãi biển là một tấm phong vẽ ầu thùng lỗ chỗ, thuyền bè cứng đờ, còn sóng đánh quá thể như có bão. Người đàn bà ấy khép thật chặt hai đùi, đôi cánh tay thì lưỡng lự nửa muốn vòng lên che ngực nửa thôi đành buông xuôi. Trên cổ bà ta lấp lánh sợi giây chuyền mà Hiền biết rõ là đồ giả. Bộ áo tắm không che hết mẩu xuchiêng và slip bên trong kia cũng là áo thuê của tiệm ảnh. Nó biết rõ,

vì đây là mẹ nó. Mẹ nó tắm biển cạn và đi máy bay trong phòng. Mẹ nó đã cố gắng để xứng đáng với các siêu sao khác trong gia đình.

Nếu không có gì thay đổi thì tôi sẽ là một hột xoài ngày càng được găm kỹ và bóng lộn lên, có hoa leo khắc chìm, một hột xoài thắt nơ; nó sẽ là một nhánh thủy trúc mỏng dính nằm khô tái giữa quyển ảnh. Nói như vậy không phải là nặng lời về tương lai.

Có một tiệm uốn tóc ở xế cửa trường tôi, rộng bằng đúng một chiếc chiếu, khách nằm gối đầu thò chân ra đường, chúng tôi thường đứng ngoài chỗ vào nói chuyện với con bé thợ phụ. Nó bé nhỏ nhanh nhẹn như một con cào cào, có bộ móng vuốt chói lọi và những chiếc quần thụng phồng lên hết cỡ ở đầu gối. Hiền và tôi đều mê con cào cào sắc sảo điên

khùng này. Nó nói bậy nghe rất sướng tai. Nó bảo nó kính trọng học đường lắm, và tất cả cô giáo trong trường đều được nó nhã ý tặng riêng kiểu đầu trông như một sa mạc lăm than. Từ trên bục giảng, các cô tỏa cùng một mùi tóc cháy khai và khét, khi các cô đi đi lại lại, chúng tôi có thể đánh dấu được những khoảng da đầu trơ trụi vì tóc rụng đi rừng mảng lớn. Có việc gì quan trọng chúng tôi đều hỏi ý kiến nó. Từ trong tiệm nó nói vọng oang oang ra ngoài như bậc đại trí đại thông, những ý kiến của nó trái khoáy quá, chẳng bao giờ thi hành được, nhưng sau đó các vấn đề đều trở nên dễ hiểu và cuộc đời rừng rục một vẻ quyến rũ mạnh bạo. Một ngày kia nó thông báo là đi lấy chồng. Đây là một người đàn ông Thụy Điển, cao gấp đôi và nặng gấp ba con cào cào thần tượng của chúng tôi. Tôi nhìn thấy ông ta âu yếm nó bằng

hai ngón tay véo vào một bên má, khuôn mặt nó đẹp hẳn về một bên, không bao giờ trở lại như cũ nữa, còn nó đắc thắng tuyên bố, thằng Tây hôn tao từ gót chân hôn lên. Tôi cứ rùng mình nhè nhẹ. Nó bảo, chúng mày yên tâm tao bày cho, phải dùng loại phấn nâu, son nâu, kem nâu, rồi học kỹ mấy câu tiếng Anh đừng quan trọng ngữ pháp cái con khỉ. Tết năm rồi nó xuất hiện trở lại, trông như chiếc bút chì xanh đỏ đã gọt nhọn cả hai đầu, nhảy loi choi trên đường phố và rống lên những thán từ Anh Việt. Lúc ấy tinh thần ham sống của nó đã hết sạch vẻ điên khùng mà chỉ còn trơ trẽn làm sao.

Lúc ấy tôi đang ưa vẻ u buồn phúc hậu của một đứa nhỏ kém tôi hai tuổi, nó làm cô dạy văn kinh sợ vì những ý tứ quá thành thật riêng tư. Cô không dạy chúng tôi phép liên tưởng với cuộc đời

thực, nên những bài luận của đứa nhỏ này đây không khí tà đạo. Nó không đứng đầu lớp được, vì những bài luận tà đạo, nhưng nó học với một thái độ nghiêm túc và buồn bã ghê gớm, ai thấy cũng phải động lòng. Một hôm nó viết thư đến trường. Bức thư như sau: “Kính mến gửi toàn thể các thầy cô, thân mến gửi toàn thể các bạn. Từ nhỏ đến lớn em luôn được dạy dỗ về lợi ích của việc học tập. Học tập là con đường tất yếu của mọi thanh thiếu niên tiến bộ ngày nay nhằm vươn tới một xã hội văn minh. Bao nhiêu năm qua, em hằng biết ơn nhà trường đã đem lại cho em những kiến thức bổ ích. Song em thường băn khoăn, vì sao con người trong xã hội văn minh vẫn tiếp tục đau khổ? Học vấn có phải là con đường giải thoát không? Do một cơn may mắn tiền định, em đã chứng ngộ được con đường giải thoát, đó là con đường của

Phật, đó là con đường của CHÂN LÝ. Nay em xin phép được thôi học ở trường để toàn tâm toàn ý đi theo con đường ấy. Em cầu chúc cho toàn thể các thầy cô và các bạn bè được sớm bước về phía CHÂN LÝ”.

Cô dạy văn của chúng tôi phải trói tay ra sau lưng bằng chiếc khăn lau bảng, nếu không đôi tay cô sẽ tự động nhảy múa như đang chỉ huy một dàn nhạc phù thủy, sa mạc trên đầu cô khóc thét, lầm than hơn bao giờ hết. Đứa nhỏ u buồn ấy mới mười lăm tuổi.

Đây là lúc tôi hình dung ra hai chữ CHÂN LÝ được viết hoa cẩn thận vừa ngoác mồm cười có phần vô giáo dục với những đứa nhỏ và đứa lớn khác đang chơi trò ê ê bà cụ bán búp bê, nếu không tôi sẽ mang một tảng đá trong tim như người ta thường ví von, nó sẽ dần dần

kéo tuột tim tôi về nơi các trái tim rơi nằm ngổn ngang như một nghĩa địa hoang. Bà cụ tóc đen nhánh, nhưng mũi nhăn nheo hết cả, khi có một quả chuối khô như thế ở chính giữa mặt là người ta đã sống lâu lắm ở trên đời. Bà thường ngồi ven Bờ Hồ, chỗ nhà bán vé máy bay cũ, chiều thứ bảy, không hiểu sao lại chiều thứ bảy, với một rổ búp bê, bao giờ cũng chỉ toàn búp bê gái. Chúng được làm bằng bột xốp, nét gọt rất thô sơ, gồm cái đầu cắm trên một que tre xuống thân mình, và chân tay thì được khớp lỏng lẻo bằng lớp quần áo phủ ngoài. Những mái tóc con gái là mẫu vải tước đánh rối, khâu thẳng vào cái đầu bột biển, đường kim vụng về run rẩy, bàn tay người khâu đã từ lâu không đủ tự chủ. Những gương mặt con gái sắp ngựa trong lòng rổ, cặp mắt không lông mày bằng chỉ đen, cái miệng không mũi bằng chỉ đỏ, ba hình

tam giác phác sơ, quá thiếu thốn để hoàn thành một mô phỏng, nhưng cảm động biết chừng nào. Trí tưởng tượng dừng cảm của bà cụ đã biến một mẩu chỉ ngà ở chỗ lẽ ra là quai hàm thành biểu tượng cho cái tai duy nhất của cả đám. Và cả đám được ăn diện bằng một ý thức thời trang cổ lỗ nhưng vô cùng kiêu hãnh. Một con áo cộc tay chấm đỏ, vạt sa, quần cháo lòng ống sớ, đi hài thun đỏ đế trắng. Một con mặc bộ carô xanh nhạt, cổ viền valide nâu, ủng trắng mềm lót đế giả da nâu. Một con áo chèn vải bạt, ve to vàng nhạt, quần lửng cũng vàng nhạt và đôi hài đế vàng. Một con nữa áo gạch cua cổ Nhật, cặp hồng điều, quần hoa xanh pha một mảng carô và đôi ủng cũng màu gạch cua kiểu tể tướng phường chèo. Khi đựng phải những chiếc slip bé xíu thậm chí dính đàng ten con nào cũng có một chiếc nghiêm chỉnh, tôi không ngoác

miệng cười được nữa mà bắt đầu sờn gai ốc nhẹ nhẹ, sờn gai ốc nhẹ nhẹ.

Chẳng ai mua những búp bê gái ấy, giá ba chục một con. Dù thế nào mặc lòng, trong cảnh thư thái dềnh lên những chiều thứ bảy ven hồ, con người già nua suốt đời chơi búp bê, đang bám lấy quá khứ của mình hay đang tìm cách bán nó ấy có phần giống bà già định mệnh đang khiêm tốn vi hành, và mỗi lần tôi ghé nhìn là cái đồng nhếch nhác sinh động kia lại muốn giúp tôi thêm một vài kết luận khái quát.

Từ Bờ Hồ tôi đến thẳng bệnh viện C. Ở đó con bé nhà hàng xóm bên phải đang cầm chặt chiếc tích kê trong tay nhờ nạo thai lần thứ ba trong vòng một năm rưỡi. Bạn đừng hình dung nó là đứa con gái trơ tráo nhẩy tót lên bàn nạo xong rồi phải dít trèo xuống. Lần nào nó cũng

khóc mùi mẫn đủ ba mươi phút tiêu chuẩn trước khi phải nhường giường cho người tiếp theo. Đáng lẽ phải khóc cho cái tình yêu vừa bị vét ra bằng hết thì nó lại chỉ khóc vì bị bác sĩ chửi mắng, làm như nếu được đối xử nhẹ nhàng hơn thì nó còn năng lui tới đây hơn. Lỗi của nó là rơi vào một tình cảnh đại trà. Mọi nhà đều có sẵn một vài đứa con gái máu mủ cần phải tổng đi càng nhanh càng tốt để những đứa con gái dưng khác có chỗ mà vào trải chiếu ngủ và dọn thêm một mâm riêng. Những đứa con gái ở chỗ này cứ chờ những đứa con gái ở chỗ kia sớm đi đâu thì đi. Những đứa con gái ở chỗ kia cũng lại chờ những đứa con gái ở chỗ này đi đâu thì đi. Chúng nó gặp nhau tuốt tuần tuốt ở phố Tràng Thi, đứa này chờ đứa kia nhường giường nghỉ ba mươi phút, thật là thân ái và sốt ruột. Con bé nhà hàng xóm bên phải vẫn tiếp tục hy

vọng được rước ra khỏi nhà vì một cái bụng, tôi lại nghĩ đến phần nâu son nâu kem nâu và tiếng Anh, cứ cái đà này thì nó sẽ tiêu tan đến khúc dạ con cuối cùng mất thôi, nhanh lắm, tổng cộng chưa đầy một tiếng, chẳng ai buồn hỏi tên tuổi.

Trong khi đó thì con bé nhà hàng xóm bên trái đã hoàn thành thêm một chùm thơ mới toanh, dĩ nhiên nói về tình yêu là cái nó chưa hề nhấp thử một giọt. Chúng nó đến đổi chỗ cho nhau, con bé bên phải hãy làm thơ, con bé bên trái thì đi bệnh viện. Nhưng nói như thế hóa ra phũ phàng, vì con bé nhà hàng xóm bên trái có một cái chân cong hình cánh cung giấu dưới chiếc váy phồng dài chấm gót, trông nó như madame tiểu tụy thế kỷ thứ mười tám.

Nó viết những bài thơ giống như của các thi sĩ nổi tiếng phương đông, những

người chỉ ưa tiêu diêu du, thơ nó có nước sông Hoàng tuôn từng dòng lớn từ trên trời xuống, có núi Thiên Mục, có bến Tầm Dương, có những tâm sự đột ngột xuống hàng. Ngoài ra, nó mãi hỏi đáp về tình yêu, rất là hoàn cảnh, loại tình yêu dẫn tất cả chúng ta đến chỗ tuyệt chủng, không sinh con đẻ cái gì được mà chỉ còn rất những trái tim đầy thương tích khê chạm vào nhau một cái là đã rên dài, trọn đời đồng trinh và rất thánh. Những mùa cà pháo nối tiếp nhau trôi thật nhanh, nó đã bán hết vại cà thứ mấy trăm đặng sau những chốn song sắt điểm vài cành hoa giấy màu tím thì một bài thơ của nó được đăng kèm lời giới thiệu về cái chân hình cánh cung. Cả dãy phố nhòm nhớp nhai cà pháo của nó và cầu cho cuộc đời cô bé thi sĩ bật lên như một mũi tên. Phố tôi lại khoái những cảm xúc bịa rất dở của nó, người nào không thấy hay thì vô

tay đen đét vào trán tự trách mình không đủ trình độ để thưởng thức. Có một ông già về hưu rất tốt bụng thích đến đàm đạo với nó, con bé bèn làm thêm những bài thơ vạch trần các tội ác xã hội mà nó đọc được trong đồng báo cũ mua về để gói cà. Ông cầm đầu một phái đoàn nhân đạo đến từng nhà quyên tiền để xuất bản tập thơ đầu tay của nó. Ở nhà nào ông cũng được mời uống nước chè đến no căng, người ta hứa sẽ chỉ mua cà của nó mà thôi, ai cũng hớn hở trung thành.

Những vại cà được bảo trợ bắt đầu đóng váng mà con bé không hay biết, nó còn đang ở trong thời quá khứ, cái gì cũng khắc biến thành dĩ vãng liêu xiêu, vẫn bịa dở như bao giờ. Tôi đến huơ huơ đồng bạc trước mắt nó và bảo, hai trăm này, hai trăm này, để nhắc nó ra khỏi cái quá khứ không hề có, nước sông Hoàng

chảy thế là nhiều rồi. Nhưng nó vừa xúc cho tôi những quả cà đã khú vừa mỉm cười tràn đầy lẽ sống, tiếp tục nhả vào không khí những vần thơ mãi mãi đầu tay.

Khi hai đứa ấy, con bé nhà hàng xóm bên phải và con bé nhà hàng xóm bên trái, đã cố định trên những chiếc bệ phóng hy vọng của chúng và tạm thời chưa bay đi đâu, tôi chẳng có việc gì làm nên cũng tựa cửa như tất cả mọi người xem con bé con bà Ba béo bán bánh bèo diều mỗi ngày vài chục lượt từ bên này đường sang bên kia đường rồi lại từ bên kia đường sang bên này đường. Nó bảo nó không có giá trị khảo cổ, nên thích thời gian đứng lại, chỉ để mình nó rung rinh bước chéo cặp chân dài, ngay phút này thôi, rung rinh bước chéo cặp chân dài, rũ tóc, đánh mông không đượm

chút dâm dục nào hết và phát huy những sáng kiến ngọt ngào nhằm trình bày hết vẻ thần tiên của bộ ngực. Nó quả là một khối rung rinh hoàn hảo, bạn chẳng thể tìm ra một milimét kém phẩm chất nào đâu.

Con bé con bà Ba béo bán bánh bèo tai đút nút bông gòn trình diễn như một minh tinh phim câm thượng thặng, nó diễu qua những cái mồm há hốc và mấp máy, những răng cùn lợi nhe ra, nó diễu qua những bà mặc áo cánh ngời chi chít trên vỉa hè bà nào cũng cố bán chác một vài vật mọn, nó diễu qua những cánh cửa mở thông thống vào mọi nhà, cứ vài phút từ đó lại xõ ra một chị trung niên héo hắt và thịnh nộ, nó diễu qua hàng phở ngoài trời nơi mấy cô nàng đang gò lưng húp và co một chân lên ghế, tai nó đút nút bông gòn thật kỹ. Để mỗi khi

người ta nói đồ dĩ nó có thể đoán là đang được ngợi khen.

Tôi chưa nghe ai kể cả bà Ba Béó xác định nó là một đồ gì thơm thảo xứng hợp với giọt giọt ngát hương mà mỗi bước chân nó rải dẫm lên từng phân vuông vĩa hè đã muôn phần nhần nhó lụn bại vì thuế và lệ phí. Ngày này qua ngày khác, những chậu rác và nước gạo thật chua thỉnh thoảng vẫn từ các con hẻm vọt ra rượt theo đồ ụp xuống nó, đấy là sự ngứa tay tất yếu của dân phố tôi trước những gì đẹp dễ quá đáng, vả lại người ta không biết bày tỏ sự quan tâm của mình cách nào cho khỏi lố hơn. Sau đó con bé dẫm dẫm một vế tuần đạo. Cũng những người ấy thôi đã hỉ hả rung động trước một bài thơ bịa rất dở, nếu con bé kia trải mình

ra dưới dạng giấy mực thì người ta sẽ úp mặt vào đó mà ngưỡng mộ nó đời đời.

Nhưng thời phim câm đã qua rồi, những cục bông gòn bỏ từ lỗ tai vào đang ùn lên trắng xộp trong não con bé con bà Ba béo phải đi gấp ra ngay. Rồi phải thu xếp cho con bé hàng xóm bên phải một dạ con mới cứng. Rồi phải thay nước cho những vại cà của con bé nhà hàng xóm bên trái. Rồi phải điện sang Thụy Điển bảo con cào cào điên khùng rửa sạch mặt mũi và cổ họng. Rồi phải hái hết các siêu sao gia đình của Hiền cốm nắng xuống, có thể bỏ lọ hạ thổ để tỏ lòng trân trọng. Tất cả những việc ấy đều có thể làm được. Thế còn con bé u buồn phúc hậu và tôi, biết làm gì với nếp

trung lưu mới sạch bong tề đại của tôi và cái CHÂN LÝ viết hoa cẩn thận của nó? Chúng tôi là những đứa con gái choai choai, những con búp bê sắp ngủ, trong đó có một con thất nơ mãi ngồi dạng chân.

6-1992



IV. THẦY A.K. CÙNG ĐỒNG NGHIỆP

7. THUẾ BIỂN

*Người ta có thể gán cho biển đủ màu.
Hôm đó biển xanh, tôi cũng mặc một chiếc
váy xanh, và ông ta đã mất tích giữa hai
thái cực xanh. Chuyện chỉ có thế.*

*

Ông ta nói: “Ở đó người ta đang
trông chờ anh từng ngày để góp
ý cho một vở kịch”.

Những lời thoái thác của tôi chững
lại. Tôi chưa bao giờ ra biển, thế là một.
Hai nữa, tôi không biết khước từ, dù là

khước từ mua một mớ rau quá đắt. Trước những lời chào mời, tôi như người mắc nợ, một gánh nợ đủ sức tiêu diệt mọi cố gắng chân thành với lòng mình. Lẽ ra tôi phải bảo: “Anh có tất cả: một hoàn cảnh độc thân muộn, những đồng tiền viện trợ, dăm ba bài thơ ca ngợi nhân cách, một món tóc và chiếc quần bò - cả hai không bao giờ giặt. Chỉ thiếu tuổi trẻ, trí tuệ, và tài năng”.

Nhưng tôi đã mắc nợ lời mời đi tắm biển ở V. của ông ta, tới mức sẵn lòng biện minh rằng tuổi trẻ là món quà của thời gian, trí tuệ là món quà của nòi giống, và tài năng là món quà của trời. Ông ta hoàn toàn bị thất sủng, và đấy không đến nỗi là tội.

Chúng tôi khởi hành lúc tám giờ. Cổ chai “Trường sinh tửu” đầy hứa hẹn ở một bên túi du lịch. “Anh có cái thú nhậu

với bạn bè trên bãi biển. Mình sống bằng cái tâm em ạ”.

“Tâm hay tửu”, tôi đùa khai vị.

“Em thông minh, nhưng hơi ác”, ông ta đánh vật với chiếc cần đập nổ. Tôi dũng cảm chống chọi những ánh mắt ái ngại của người qua đường. “Người nghệ sĩ phải nhân ái!” Chiếc xe đã thuận phục, ông ta rú ga đem cho lời phán định về kiếp nghệ sĩ.

“Ngồi sát vào anh đi. Ôm vai cũng được, ôm bụng cũng được”. Tôi chọn hờ phần vai, nơi ít dấu vết của thời gian nhất. Tôi biết mình mềm yếu bao nhiêu trước những chào mời, cũng cứng rắn bấy nhiêu trước những yêu cầu. Vấn đề là cái gì là cái gì.

Buổi sáng trầm trọng như một giờ đức dục. Ông ta ghé dọc đường mua bằng được một chiếc mũ trắng giống tôi, và tôi nhẹ người thấy chiếc mũ của tôi không còn một người anh em sinh đôi nào trong cái thành phố chuộng mũ mao này. Ông ta đành chọn một chiếc màu xanh. Mái tóc hói, thưa, quá dài và bết gầu gượng trẻ lại. Người đàn ông tôi yêu luôn đội mũ, che bớt vầng trán với những nếp nhăn hình dẻ quạt rất kỳ lạ, và che bớt cặp mắt buồn nản. Một gương mặt nửa trên ảm đạm cùng cực đối lập với nửa dưới tươi đẹp lạ thường. Người ta có thể đội nón để thanh toán các mặc cảm. Dưới chiếc mũ xanh kia, gương mặt ông ta béo tốt, mãn nguyện, không một chút mặc cảm. Tôi mến những người không mặc cảm. Mặt khác, ở quanh tôi, điều đó thường đi liền với sự u mê.

Quá nửa đường, tôi im lặng, để rồi nửa đường còn lại ra sức bày tỏ thiện chí. Tôi có thể từ chối cuộc đi này ngay từ đầu, để khỏi đánh vật với những cảm giác cứ cộm lên, cộm lên từng bùng. Mà đường êm ru. Nhưng đã không có nổi bản lĩnh khước từ, thì chỉ còn chấp nhận. Người đàn ông tôi yêu không bao giờ phàn nàn. “Việc nó thế”, anh chỉ xác nhận, không bình luận. Đây là tinh thần ông chủ hay thói quen con ở?

“Đường tốt thật”, tôi thiết lập quan hệ hữu hảo.

“Người Mỹ xây đấy em. Vợ cũ của anh đang ở Mỹ, hôm nọ gửi cho anh một trăm đơn. Bên ấy anh còn một cô bạn gái, kém em hai tuổi”.

Ông ta hơn bố tôi một tuổi. Bạn bè tôi tới thăm nhà, tránh thành công những

đại từ nhân xưng. Bố tôi ít kinh nghiệm hơn. Ông là người giản dị, nhưng thán phục những điều phức tạp. Bạn bè tôi ca ngợi ông, giọng khách du lịch hâm mộ đặc sản địa phương. Còn tôi thán phục bố. Ông sống bên biển, trầm tĩnh và hợp lý biết bao.

Vài chiếc xe máy chở những cặp đi tắm biển cuối tuần ngon lành vượt qua chúng tôi. Những gương mặt thiếu nữ âu yếm nép vào chiếc gáy trẻ trung của người bạn trai cầm lái. Tôi thường úp mặt vào đúng chỗ đó, đo tốc độ bằng tiếng gió. Bây giờ, tôi đo tốc độ bằng số lượng mồ hôi đọng quanh cổ tay ông ta như chuỗi tràng hạt.

“Em ngồi sát nữa vào”, ông ta ngoảnh lại bảo. Tôi lau một tia nước bọt bắn vào má. Bây giờ còn có thể đo tốc độ bằng cách đó nữa. Chúng tôi vượt một cặp.

Người đàn bà ngồi sau đứng dậy. Chàng trai cầm lái chỉ khẽ liếc mắt. “Tháng này em có hạn...”, tôi ngập ngừng phanh hãm. Ông ta cười lớn. Lại một tia nước bọt, lần này ở má bên kia. Nội dung lời răn của Chúa về sự chà nốt một má chắc là thế. “Anh là người vô thần. Chỉ nên tin vào chính mình em ạ. Mỗi người là một Thượng Đế”.

“Thế thì loạn”, tôi đáp theo chuyện phiếm salon. Ở đó, người ta ghi điểm bằng lợi khẩu.

Ông ta gồng hai tay đeo hai chuỗi tràng hạt lớn đuổi sát một Thượng Đế trẻ trung khác. Họ để chúng tôi vượt qua, còn đứng dừng hơn cặp vừa rồi. Tuổi trẻ thậm chí chẳng buồn để mắt tới những nỗ lực cuối cùng của ông ta. Họ không nhận lời thách đố.

Chúng tôi uống nước dừa dọc đường. Ông ta xua cậu bé phục vụ vừa đem ra hai đĩa khăn: “Thôi đi, có cái gì mà lau”. Tôi sờ lên má. Rồi ông ta trả tiền, không quên nhắc: “Chúng tôi không dùng khăn”.

Xế trưa, đến V., tôi hỏi thăm mấy nhà văn nổi tiếng sống ở thành phố này. “Bạn anh cả đấy. Cái thằng gì phó giám đốc công ty du lịch V. cũng là bạn anh”. Tôi hiểu lắm. Bản thân tôi cũng là một cái tên, cũng là bạn ông ta. Ông ta chưa bao giờ đọc một dòng tôi viết. Tôi cũng chưa đọc ông ta, trừ bài thơ ông ta tặng tôi, trong đó tóc tôi được so với mây, cặp kính so với mảnh trăng treo, và nụ cười, hàm răng so với ánh chớp. Trong một tiệc rượu mấy ngày trước, ông ta đọc thơ. Ba bài. Nhà thơ xưng tôi luôn đối

thoại với một em nào đó, để tiến tới một chút rưng rưng, một thoáng nhớ thương, một gợn suy tư về thân phận con người. Tôi cũng đọc, ba bài. Một bài thơ cổ cách đây hai ngàn năm, trong đó chẳng có đối thoại nào, và hai bài của một nhà thơ trẻ đương đại, rất tài hoa, phóng khoáng và hồn nhiên. Những kẻ chuộng chữ nghĩa không chịu nổi anh ta. Những kẻ chuộng ý tứ nằm giữa hai hàng chữ càng không chịu nổi. Còn anh ta thì cười vào mũi tất cả những trăn trở ngược xuôi, những hình tượng vật vờ, những câu cú nhõng nhẽo và tâm sự vật.

Đàn bà và sự sống cứ trôi bật lên trong thơ anh ta ngay cả khi bàn về ngủ gật. Còn thái độ ngang tàng, lắm khi du đãng nguyên chất của anh ta là thứ chưa bao giờ nẩy nòi trong thi ca Việt Nam mấy chục năm qua. Tôi đọc, và đắm tiệc

im lặng. Ông ta đưa tôi về, trách: “Em ác quá”. Và thêm: “Thằng ấy từng ăn cắp».

Chúng tôi chọn một nhà hàng gần biển, uống bia Vạn Lực với mực xào. Cách đó một bức bình phong, tập thể nhân viên nhà hàng tranh thủ họp kiểm điểm công tác. Nữ cửa hàng trưởng phê bình các đồng chí để chuột gặm khăn trải bàn và khu nhà bếp có bọ gậy. Cốc bia của tôi có một con ruồi. Ông ta dùng thìa vớt ra, đổi sang phía mình. Chúng tôi chạm cốc. Ông ta hướng về phía biển: “Anh thích thiên nhiên. Thằng nhà thơ, thằng nghệ sĩ bao giờ cũng hướng tới cái đẹp. Thiên nhiên đồng nghĩa với cái đẹp”.

Ngoài cửa sổ, những người dân ở V. sống nhờ bãi biển nổi tiếng này nhìn chúng tôi chờ đợi. Còn tôi nhìn trong họ mỗi người một giáo viên nghỉ hưu non. Thà họ đến, tóm lấy cổ chúng tôi,

tròng vào đó những chiếc phao thuê đen sì, lột truồng chúng tôi, gí vào những bộ đồ tắm thuê sặc sỡ, thế đỡ nhột. Hoặc thà họ nhún nhường bấm ông bấm bà, thế đỡ tức. Đằng này họ rụt rè sẵn đón, gặp tín hiệu thuận thì hớn hở suồng sã quên mọi phép tắc, tín hiệu bất lợi thì ủ ê lạnh lùng khác nào người tình dễ bị tổn thương. Chao ôi, đã nhao xuống sát chân sóng mà kiếm miếng ăn còn đông đánh. Biển ấy, với những con người ấy, có lẽ là tất cả, trừ biểu tượng về cái đẹp. Dòng họ tôi, về phía bố, đời đời chỉ theo đuổi hai nghề, giáo viên và thầy thuốc, hai năm trước đã rủ nhau bỏ quê hương, một vùng đất Trung kỳ nổi tiếng, vào chính thành phố V. này sinh sống bằng nghề bán kem sinh tố. Tôi ngồi uống bia Vạn Lực trong nhà hàng sát biển, nghe ông ta ca ngợi thiên nhiên, nữ cửa hàng trưởng thống kê số bát đĩa và bóng đèn hao tổn,

ngắm những người dân biển trong vai tình nhân giàu tự ái, và biết, ở đâu đó, không ngoài không gian này, dòng họ tôi đánh mất dần lòng kiêu hãnh trong những cốc kem trộn linh tinh.

“Cái đẹp hả anh? Xa xỉ quá”. Tôi cũng giàu tự ái, cũng dễ bị tổn thương lắm chứ. Vì sao cứ phải nuốt cái cục dăng nghẹn cổ ấy xuống, để làm một thiền sư, khi thịt da còn thơm lắm, và tim cũng còn đập rất nhanh. Có lần ông ta khuyên tôi đọc Suzuki. Cả Suzuki cũng là xa xỉ.

“Em bảo sao? Xa xỉ hả? Anh không cho phép ai giấu cột tình cảm đích thực của anh”.

“Dạo này thiên hạ thích dùng hai chữ đích thực ghê”.

“Em muốn phát biểu kiểu gì cũng

được, tây, tàu, siêu thực, huyền bí, tùy. Nhưng có những giá trị muôn đời tồn tại, không thể chối cãi nổi”.

“Cái gì thế ạ?”

«Valeurs humaines».

Thà bắt tôi chết sặc trong bể bia Vạn Lực còn hợp lý hơn.

«Valeurs humaines. Cái đẹp, cái tốt, cái cao thượng. Vấn đề lớn nhất vẫn là cái tâm».

“Tâm đứng hay tâm ngồi?” tôi vẽ lên bàn tên tôi, chỉ cho ông ta bộ tâm đứng thẳng bên trái. Câu đùa trật khớp.

“Không bao giờ, không bao giờ, chẳng hạn, anh chấp nhận nổi một thằng nhà thơ đi ăn cắp”, ông ta chưa quên trả hận cho tiệc rượu hôm nào. Chao ôi, ăn

cấp ngày nay có thể là thuộc tính của cả một cộng đồng. Tôi tìm cách chấm dứt câu chuyện theo chiều hướng diễn tích văn học: “Thôi thì ông thánh gì đó của những người khốn khổ cũng xuất thân ăn cắp...».

“Không được! Phải phân biệt ăn cắp do hoàn cảnh, và do bản chất!»

Tôi bịt chặt hai tai. Không thể tiêu hóa Makarencô trộn bộ với mực xào ngay lúc này. Ông ta hí hửng như vừa phát minh ra việc ăn trứng đầu to.

“Một trăm lần đồng ý. Nhưng sao anh biết?»

“Anh biết!” ông ta đáp như đức chúa hằng sáng.

Chao ôi, cái nạn văn chương và tín ngưỡng. Hành lá một bên và bọt mép

một bên, miệng ông ta là cả một palette màu hỗn mang, lý tưởng nghệ thuật của bao nhiêu tài năng hội họa đương thời. Tôi tránh sự cám dỗ của thú nghệ thuật chết người ấy. Đức chúa hằng sáng hằng rung đùi tóp tép nhai và trầm ngâm trong những suy tư thể tục: “Khi đã qua đủ tai họa, con người mới biết, chỉ còn hai chữ, em ạ, chữ nhân và chữ tín”.

Lạy chúa lòng rất lành, xin Người đừng nhắc tới những tai họa văn chương, đấy không phải là thứ để gặm nhấm, để thỉnh thoảng mang ra đánh bóng mạ kền, đấy không phải thuốc mê. “Các cụ dạy năm chữ, anh nữ lòng nào kiểm duyệt các cụ...», tôi lại trở về với truyền thống vui vẻ hời hợt của các salon. Diện mạo tinh thần của mỗi cá nhân là ở đó. Diện mạo tinh thần của cả một cộng đồng là tổng số những cố gắng li ti làm vừa lòng

kẻ khác như vậy. Thôi hãy cố mà nâng cốc và pha trò.

Câu đùa lại trật khớp. Ông ta thậm chí không quen các cụ. Tôi bắt đầu câu. Tôi gạt chai bia. Tôi châm thuốc bằng mười que diêm. Tôi chọc mười ngón tay vào bờm tóc và phô trương mảnh trán. Tôi nói về chị tôi, người kém may mắn nhất trong dòng họ kiêu hãnh, đâm ngang sang ngạch xướng dầu, và chắc chắn đã ăn cắp rất nhiều để chu cấp cho đức liêm khiết là bố mẹ, cho lòng tận trung là những đứa em, và cho tài năng văn chương là tôi. Tôi không quên những cốc kem sinh tố, và lời cả nhà lãnh đạo đảng cộng sản Liên Xô vào cuộc. Buổi họp của tập thể nhân viên nhà hàng chuyển sang mục bình bầu nhân cách. Palette mà trước mắt tôi đã thực sự mang tinh thần tiên phong chủ nghĩa. Tôi hoàn toàn đầu

hàng, trước cả khi ông ta tung nốt miếng võ của kẻ bị xúc phạm: “Anh đưa em đến đây để thưởng thức thiên nhiên. Sao lại bàn chuyện chính trị và triết học? Em vô lý lắm”.

Thưởng thức thiên nhiên ư? Cũng xa xỉ. Đã bao giờ con người xứ sở này thoát khỏi thiên nhiên? Đã bao giờ đánh mất nó mà khăng khăng đòi tìm về nó? Người ta đã lẫn lộn tất cả. Hành động thì độc lập, cảm xúc thì ngoại lai. Thà cứ vay mượn tuốt, cứ ăn theo ngay trong những việc vặt vãnh nhất, cứ biến cả xứ thành một khách sạn năm sao khổng lồ và kiên nhẫn học bài học bưng bê phục vụ, trước khi đủ sức định đoạt cho riêng mình một thái độ sòng phẳng với mọi chuyện, kể cả với thiên nhiên...

Tôi đã ngu xuẩn. Ông ta trả tiền. Ra khỏi bãi, chiếc xe mất hai đèn sau, và hộp

xích kêu như tiếng xe tăng. Lũ trẻ coi xe cười khoái trá.

Bãi tắm lổn nhổn những quầy thuê. Khăn tắm, quần áo như trang phục trung cổ và phao bơi đen sì mang tên chủ nhân sơn trắng ngẫu nhiên. Dăm ba chiếc thuyền ngoài khơi, những đứa trẻ da sạm nắng cắp mẹt quà bánh len lỏi mời mọc, vừa van xin vừa đe dọa, đội quân nhiếp ảnh hùng hậu trấn giữ từng tư thế ăn chơi của khách, tất cả gây cảm giác nghèo nàn, nhếch nhác, nhưng cũng cảm động và có phần lãng mạn, chắc chắn thích hợp cho du lịch phản kháng. Bãi biển này từng có thời sang trọng. Nhưng khi sự sang trọng chứa đựng nguy cơ tự hủy diệt, bởi lạc loài, thì cũng chính bãi biển này tự động trở thành hao hao như bất kỳ đâu, Sầm Sơn, Đồ Sơn, Bãi Cháy. Đó

không phải sự xuống cấp. Đó là ý thức tự bảo vệ thuần túy, đổi màu theo thời tiết, biểu hiện một sức sống tuy không ô ạt, nhưng dai dẳng.

Ông ta không dám gửi xe lần nữa, cứ thế đẩy xuống bãi. Tôi cởi giày cầm tay, đi trước. Xung quanh, những con mắt ngó đến đau lòng. Không phải hiếu kỳ. Người ta không thể tò mò trước một bi kịch huých toẹt, trong đó các nhân vật phơi bày mình một cách cầu thả, rập khuôn truyền thống đến thế. Tôi nói sảng vào một gương mặt đầy tế nhị gần nhất: “Cha tôi đó. Ra đẩy giúp”. Hai, ba tấm lưng thanh niên vạm vỡ bật dậy. Chiếc xe được nâng bổng khỏi bãi cát ác nghiệt. Chuỗi tràng hạt quanh cổ ông ta chuyển màu nhiệm thành vòng gai quanh trán. Ông ta cảm ơn. Các chàng trai tranh

nhau nhận làm rể. Một lần nữa, sự cầu thả truyền thống. Người ta thật khó hóm hỉnh một cách sáng tạo hơn.

Người trông chờ ông từng ngày xuống góp ý cho một vở kịch ngồi trước chúng tôi, mũ cát, dép tông, và thần thái của một đời sống bần cùng và cái lương toàn diện. Anh ta soạn kịch cho đài truyền thanh địa phương và kiếm sống bằng chiếc máy ảnh trên bãi biển. Mẫu hàng anh ta đeo trước ngực là một số nụ cười thẳng tắp, một số đùi về khép chặt, một số toàn cảnh hợp lý hợp tình.

Vở kịch được nhắc tới là mười lăm trang viết tay, thứ chữ của người ít phải dùng đến bút, bàn về lương tâm của một nữ công nhân dầu khí trước thái độ tiêu cực của người yêu, một nam công nhân dầu khí. Kết cục, đôi trai gái chia tay.

Người nữ buồn bã và ngẩng cao đầu.

Nhà soạn kịch thuộc hạng người ngẫu nhiên sa vào môi trường văn chương, thấy ở đó mình đã được dung thứ hơn ở nhiều môi trường buộc người ta phải có chứng chỉ hành nghề khác (điện, hàng không, công binh...) và để thỏa mãn sĩ diện thông thường mà đỉnh cao là sự tự kỷ ám thị về văn nghiệp, định phận tại thiên thư. Văn nghiệp ấy không đòi trả một cái giá nào hơn chút tí ti giận hờn đồng bóng, nửa nam đất nước thì nhuộm màu cải lương, nửa bắc tử tế em chả. Anh ta không sống bằng ngòi bút, chẳng phải vì không biết buôn chữ, mà do toàn bộ thái độ nghiệp dư đối với chữ nghĩa.

Họ ngồi với nhau giữa cảnh trời biển mênh mông, kẻ hào phóng ban phát những lời chỉ giáo như sấm, kẻ gặt gù như thể đó là động tác duy nhất xứng với

con người. Ô, kết cục ấy thật hiện đại, văn chương ngày nay đã vượt qua thời có hậu từ lâu. Sự chia tay của đôi trai gái là cần thiết. Phải tàn nhẫn một chút. Nhưng đấy thật ra là chủ nghĩa nhân đạo, là đời sống, là hiện thực, là valeurs humaines. Nghệ thuật bây giờ đi xa lắm. Vấn đề là sự chân thành. Chỗ này không được làm lạnh. Phải cực đoan một chút. Không thể có tiến bộ nếu không cực đoan một chút. Nhưng đừng thái quá. Chỗ này phải xuống dòng. Viết hoa. Thế.

Thế. Tôi nhảy xuống biển. Tít trên cao, một đức hăng sáng giờ tay, chẳng ra đau thương, chẳng ra chúc lành. Điều quan trọng là ngài đã tìm được một chỗ đất cao.

Nhà soạn kịch dọn cơm chiều: một chút rau sống và đĩa dưa sào. Vợ anh ta và đứa con gái mười lăm tuổi đều đi chân

đất và đeo nhẫn vàng ở ngón tay út. Con bé gắp cho tôi những miếng dưa mềm nhũn.

“Anh quý bạn anh ở sự chân thành. Vấn đề là ở sự chân thành”, ông ta cũng gắp cho tôi một miếng dưa mềm nhũn.

Người đàn ông tôi yêu là người chân thành. Anh đã thành tâm yêu tôi, và thành tâm thương vợ. Khi chia tay, tôi đã thoáng ao ước khả năng lừa mị. Tôi nhận xét, sự chân thành của con voi khác xa sự chân thành của con kiến. Và những người đàn ông cười ồ, hãy vút mớ triết lý ba xu của em đi, cuộc đời khác lắm. Họ luôn mang cuộc đời ra dọa.

Chúng tôi ngồi ngoài hiên hóng mát. Anh ta tự đệm ghi-ta, hát những bài trước bảy lăm, giọng run run mùi mẫn, thứ giọng phổ cập nhất trong nghệ thuật

trình diễn đa cảm ở khắp mọi miền đất nước. Nền mỹ học, vì thế, được đo bằng số lần rút mùi soa, và nền đạo đức, bằng sự sạch sẽ của những chiếc mùi soa ấy.

Tôi ngáp. Cả hai vợ chồng đều mỉm cười tế nhị: “Mời anh chị nghỉ ngoài này cho thoáng”. Tôi lại nói sảng vào một gương mặt đầy tế nhị gần nhất: “Em ngủ một mình”. Anh ta nháy mắt: “Vợ chồng tôi quan niệm tự do lắm. Chị đừng ngại”. Ông ta tiếp lời: “Anh chị đây rất nghệ sĩ».

Chao ôi, cái nạn tự do và nghệ sĩ. Tôi vuốt tóc con bé mười lăm tuổi đang sẵn sàng học bài học đồng lõa: “Đừng gọi chị bằng thím. mặc hộ chị cái màn ở buồng trong». Ngoài hiên, anh ta vẫn hát. Tôi nằm vuốt ve mình trong bóng tối. Tôi có nhiều thứ để đóng thuế, nhưng tấm thân này mãi mãi chỉ có một, không bao giờ được phép phung phí.

Sớm hôm sau, tôi lót dạ bằng một bài giảng về chữ tín. Chữ tín, theo ông ta, là việc một người đàn ông nằm cạnh một người đàn bà qua đêm, và cả hai đều không mất gì, nhất là danh dự.

Tôi lại nhảy ào xuống biển, biển buổi sớm, biển nhiệm màu, biển sẵn sàng cho phép tôi rẽ sóng đi vững vàng hơn cả đến giang tay trên cao kia. Đàng xa, mái tóc thưa, dài của ông ta nhấp nhô như tóc người da đỏ.

Tôi để sóng đánh giạt vào bờ và mở choàng mắt vì một bàn tay lay vai rất quen. Một người đàn ông trẻ, có lẽ đẹp nhất bãi biển, cúi xuống cười trêu mếu. Mười một năm trước, mối tình đầu trong cuộc đời tôi, một cuộc gặp gỡ ngoài mọi kịch bản. Mười một năm đủ làm thất bại một cuộc tình không mấy đậm thắm trở thành kỷ niệm dễ chịu. Chúng tôi chưa

bao giờ chiếm chỗ trong cuộc đời nhau, chưa bao giờ thực sự tò mò về nhau, nên giờ đây, có đủ cơ hội để mừng vui, như đồng hương giữa xứ người.

Ông ta lên bờ, khi chúng tôi vừa quàng vai nhau chụp ảnh. Nhà soạn kịch lại nháy mắt. Toàn bộ nội dung sự chân thành của anh ta là ở đó.

Chúng tôi ngồi thành tam giác đều quanh chai “Trường sinh tửu”. Cuộc đời tôi chỉ chút những tam giác, số phận cứ chành ra ba góc như thế. Đằng nào chẳng có một góc bất trắc nhất. Họ chìa tay cho nhau qua mặt tôi, nhất trí rằng tôi có thể là tất cả, thậm chí một phương diện quốc gia, nhưng dứt khoát không phải đàn bà. Họ, những người đàn ông, chỉ thạo hai việc: hoặc rút súng, hoặc đàm phán trên lưng những người đàn bà. Tôi yêu hòa bình. Tầm lưng tôi là chiếc bàn tròn

câm lặng. Những cuộc thỏa thuận lương thiện nhất cũng không ngoài mục đích kiếm lời, lời về sĩ diện, lời về sự an toàn.

Khi họ bắt tay nhau lần nữa, một bàn tay hoàn toàn bất lực, và một quá vô tình, tôi đã ở tít ngoài khơi, luận với đấng giang tay trên cao về việc ngài quên không tính đến một kẻ thù ngoan cố nhất là lòng sĩ diện.

Trước khi rời bãi biển, ông ta nhờ tôi trả tiền thuê ghế, vì bốn chục ngàn trong túi chiếc quần bò không bao giờ giặt đã mất tích. “Anh đã quá tin vào con người”, ông ta than thở. Ra khỏi phòng tắm nước ngọt, ông ta thông báo, hóa ra số tiền còn nguyên, ông ta đã mắc tội không tin vào con người.

“Anh sẽ galant với em đến cùng”, ông ta tuyên bố và đưa tôi lên núi thăm một

ngôi chùa nổi tiếng. Chiếc xe đổ nhào trên con đường đá lổn nhổn. Ông ta thuộc loại người cầm lái cứ chăm chăm tránh chỗ nào là dứt khoát đâm chỗ ấy. Ông ta cởi giày, xoa chân cho tôi, vuốt không quá phần bụng chân và tha thiết đề nghị, tôi cần đặt lòng tin vào ông ta, ông ta không bao giờ có ý định lợi dụng, ông ta coi trọng danh dự. Bàn tay người đàn ông tôi yêu mùa đông ấm nóng, mùa hè dịu mát, đặt lên đá, đá cũng hóa đàn bà, bàn tay không biết thế nào là danh dự, chỉ ban phát sung sướng và si mê trên mọi bộ phận bình đẳng nhau của tấm thân. Danh dự là việc một người đàn ông xoa bụng chân cho một người đàn bà, và cả hai đều không mất gì, nhất là không mất đau.

Tôi đứng hồi lâu trên gác chuông, chiếc chuông lớn duy nhất được đúc thời

lịch sử hiện đại. Bánh xe chuyển luân bên này và đấng giang tay bên kia có lẽ ở cùng một độ cao, ngấm ngấm chia nhau không nhận. Sát cạnh tôi, ông ta lại nói về đức tin. Ông ta mắc tội không tin vào con người. Ông ta đứng dậy để sám hối. Tôi cũng mắc tội không tin ông ta, một con người, hiển nhiên. Vậy tôi cũng cần sám hối. “Hãy vứt bỏ những giây bảo hiểm quanh người em đi. Hãy tin vào anh, anh biết trọng danh dự. Hãy tin vào con người, con người biết trọng chữ nhân tâm. Đây là tinh thần của Chúa. Đây là tinh thần của Phật. Đây là tinh thần của nghệ thuật».

Sâu phía dưới là biển. Hôm đó biển xanh. Tôi cũng mặc một chiếc váy xanh. Mái tóc thưa, dài và bết gầu của ông ta quệt vào má tôi. Những tia nước bọt cũng thế. Miệng ông ta lại là một palette

màu siêu thực, chiếc bình Pandora thời mới, chỉ có ngôn từ, ngôn từ, rồi lại ngôn từ bay ra, tràn ngập thế gian, cả ở độ cao thiêng liêng này. Tôi giờ tay ra, rất nhẹ, và nhìn theo cho đến khi mái tóc người da đỏ của ông ta mất hút giữa những làn sóng biển. Dưới đó không có bảo hiểm.

Sau lưng tôi là tiếng rú của một ni cô. Tiếp theo là a di đà phật.

8-1989

8. TRUYỆN THÀY A.K., KỂ SĨ HÀ THÀNH

VỀ NHỮNG ÁM ẢNH LỪNG DANH CỦA THÀY A.K.

Buổi sáng hôm đó, thầy A.K. tỉnh dậy, vô cùng thất vọng vì thấy mình không biến thành một con bọ khổng lồ như trong câu chuyện mà đêm qua thầy đã mải mê đọc. Thực ra thầy không thích cái chuyện khô khan đó lắm. Tại sao nhân vật chính lại phải hóa thân hóa kiếp một cách vô cớ như vậy. Mà tác

giả cũng đuối tay, không biết nhân đó mà đề cập đến những vấn đề sâu xa hơn. Con người tự giằng xé trong hồn người xác thú chẳng hạn. Hay luân hồi. Rồi kết luận lại chẳng ném ra được một cái gì, phí cả câu chuyện. Nhưng thầy vẫn mãi mê đọc, vì đây là thái độ đọc sách duy nhất của thầy. Thật không thể hình dung thầy A.K. vừa đọc vừa ngáp, hay vừa gãi đầu, thật không thể chấp nhận được.

Buổi sáng hôm đó không phải thầy A.K. nhất định muốn biến thành con bọ, và giả sử có biến thành con bọ thật thì chưa chắc thầy đã thấy lý thú lắm. Con bọ chỉ là một trong muôn vàn giấc mơ buổi sáng của thầy, và muôn vàn giấc mơ ấy lại chỉ là một khát khao duy nhất, cái khát khao đã hành hạ thầy từ hơn một nửa đời nay và làm cho hơn một nửa đời ấy có ý nghĩa: làm một cái gì đó, trở thành

một cái gì đó, cái gì cũng được, miễn sao thoát khỏi cuộc sống hoàn toàn không xứng đáng này. Đấy rõ ràng là một thứ khát khao mang tính toàn cầu, nhưng vốn tự xếp mình vào số những phần tử tinh hoa ít ỏi, không thể chia sẻ tâm tình của quần chúng, thầy A.K. định ninh đấy là một cái khát khao ngoại hạng, chỉ ngụ trong những nỗi cô đơn quý tộc mà thôi. Còn cái gì đó vẫy gọi thầy thì đến nay chưa có được hình thù cố định, vả lại nó làm sao mà cố định nổi khi cứ phải dàn xếp cật lực giữa vô vàn khả năng, cái này cách cái kia còn hơn cả khoảng cách giữa thầy và vợ thầy, phu nhân A.K. Cũng phải nói luôn là các dự định buổi sáng của thầy thường được rút ra từ kho tàng văn hóa nhân loại, thầy lại ưa vận dụng các trường hợp phi thường nhất, nên quả thật không phải bất kỳ kẻ sĩ Hà Thành nào cũng trải qua những ám ảnh

lừng danh như thầy A.K. vẫn thường được lót dạ mỗi sáng.

Thầy đã từng hình dung bỗng dưng mù hai mắt để có thể nhìn cuộc đời bằng một ánh sáng hoàn toàn khác, và sau đó sẽ đi khắp thế gian hát những bản trường ca như Homer vĩ đại, một Homer phương đông chối bỏ thời đại văn xuôi thô thiển để rắc lên từ trang đầu đến trang cuối pho văn học sử những vần thơ lộng lẫy. Hay thỉnh thoảng thầy cảm động bắt gặp mình đang sẵn sàng nhảy hẫ xuống sông ôm lấy vầng trăng mà khóc mà vĩnh biệt cái trần gian không chứa nổi tiên thi như Lý Bạch tiên sinh. Rồi thầy lại định bụng một hôm nào đó lạc bước rừng đào, kiên quyết để lại sau lưng cái thế giới ô trọc thum thum thật đáng buồn nôn. Hay bỏ đi săn voi ở châu Phi cũng là rất triệt để. Thầy cũng cân

nhắc một số triển vọng hồi hộp, như nửa đêm ra sau nhà đi tiểu và cứ thế quần đùi áo may ô biến trọn gói không để lại tăm tích, hay xách cặp lồng đi mua cháo lòng cho vợ ốm rồi bỗng gặp bạn hiền và chẳng bao giờ quay về nữa. Đáng cho phu nhân A.K., đáng cho cuộc đời này lắm.

Tóm lại, đó luôn luôn là những giấc mơ già từ. Khát vọng của thầy A.K. là khát vọng già từ. Chúng ta có thể kể thêm vài chục trang nữa về những ám ảnh lừng danh của thầy A.K., nhưng thiết tưởng bạn đọc khôn ngoan chỉ cần tham khảo nhẹ trong từ điển danh nhân hay điển tích văn học là đủ.

VỀ PHU NHÂN A.K.

Ở thời điểm mà chúng ta đang nói đến, phu nhân A.K. là một cái gì đó mờ gà và viễn mô-đê toàn phần. Thoạt nhìn, chẳng ai dám chắc nàng sung túc hay nghèo khó, đặc sắc hay tầm thường. Nàng mặc loại vải tốt nhưng cắt may theo lối thị dân đáng chán nhất, và đi phố, vào bếp, lên giường với cùng một bộ áo quần. Từ cổ xuống thì nàng đầy những câu hỏi không lời đáp, nhưng từ cổ trở lên lại là một lời đáp chung cho mọi câu hỏi, một lời đáp khùng khiếp, vì nó trống rỗng và phẳng lặng. Đôi khi nàng nói những câu không bình thường, nhưng dường như chúng chẳng liên quan gì đến nàng, chúng như tiếng gió, tiếng đập cửa, tiếng hai chiếc đĩa cả gõ vào nhau trên miệng nồi cơm lục đục, được phát ra từ một chỗ bất ngờ là khuôn miệng nàng mà

thôi, xin đừng quá phỏng đoán những gì đằng sau. Còn trong thái độ đối với thầy A.K. thì nàng ghi nhận thầy là thầy A.K. chứ không phải bất cứ một gã có râu sơ sơ nào, nhưng điều đó lại làm nàng chán đến mức trong vòng ba năm gần đây nàng không mỉm cười với thầy lần nào, và buổi sáng hôm ấy, nếu thầy biến thành con bọ thật, chắc nàng cũng không coi là một xáo trộn đáng lưu ý. Tóm lại, phu nhân A.K. là một con người phức tạp. Sự phức tạp của nàng khác sự phức tạp của thầy A.K.. Thầy A.K. thì từ trong phức tạp ra, chạm phải cuộc sống bên ngoài đơn điệu, nên có khát vọng giã từ. Phu nhân A.K. từ ngoài phức tạp vào, chạm phải tâm hồn đơn giản, tâm hồn nàng chẳng chạy đi đâu được, nên khát vọng của nàng là mặc kệ. Do đó chúng ta thấy những mâu thuẫn nho nhỏ trong con người nàng nêu trên, mà với những

mâu thuẫn lớn hơn, nàng cũng có cùng một lối xử sự. Phu nhân A.K. là một kỳ quan của những ứng xử bất ngờ nhất, nàng viết cuộc đời nàng bằng một thứ văn phi ngữ pháp và mặc kệ chính tả, rồi thỉnh thoảng lại thả ra một bút pháp điêu luyện ngời ngời. Nhưng đấy là với chúng ta và bạn đọc khách quan, còn thầy A.K. thì chẳng thấy nàng kỳ quan ở chỗ nào và bất ngờ ở chỗ nào. Ngày này qua ngày khác, họ tỉnh dậy mỗi người trong vũng mồ hôi của cá nhân mình. Đêm này qua đêm khác, họ thiếp đi mỗi người trong khu vực mộng mị riêng đã được ngăn chia. Họ chán ngấy nhau và bên bĩ chịu đựng nhau, quần áo họ để chung trong chậu giặt trông miễn cưỡng, cái nào cũng chực nhao ra ngoài, bát đĩa của họ chẳng bao giờ chạm vào nhau lách cách trên mâm, ba đứa con họ là ba nhịp cầu đã rời rã bắc từ đầu này tình thương đến

đầu kia tình thương, đã rời rã bắc và bây giờ trơ khắc ra đó; tình cảnh này cũng mang tính toàn cầu, nhưng trong nỗi cô đơn quý tộc của thầy A.K. đấy phải là một bi kịch ngoại hạng.

Còn ở thời điểm mười lăm năm trước, khi thầy A.K. chưa có đệ tử và bản thân là mống đệ duy nhất của bản thân, phu nhân A.K. tương lai, cũng chưa mỡ gà và bê đê, là một cô gái nhiệt thành. Nàng có một vốn từ vựng đủ để gìn giữ hòa bình trong ái tình, mặc dù nàng láu táu và thường xuyên lặp lại cùng một từ trong tất cả các câu. “Không có nhẽ”, nàng thốt lên, với nước mắt chảy thẳng xuống hai đầu vú, chúng là phần nhô lên đáng kể nhất trong toàn bộ con người xét cả về phương diện vật chất lẫn tâm linh của nàng, và với mười que kem gày chảy trên mười đầu ngón tay, khi thầy bị điệu

về đồn. Tang chứng là một tờ Nhân Dân chưa kịp nhàu vì cả hai chưa kịp ngồi lên. Nhưng nó đã trải trên cỏ Bờ Hồ, và ý định ngồi lên nó là không thể chối cãi, vì hai bên mông và bắp chằng chịt của thầy A.K. chỉ còn cách hàng tít lớn về Hiệp định hòa bình nửa phân tây. “Không có nhẽ”, nàng lại thốt lên sáng hôm sau khi đến đón người vừa được tha, lần này thì hai đầu vú đánh nhịp cho tiếng cười, chúng cũng xằng xái như tính tình nàng vậy. Thầy A.K. đã trải qua một đêm quyết định trong một căn phòng mà chúng ta có thể hình dung là không có gì ngoài một số tấm ảnh treo trên tường và muỗi. Những sinh vật đáng chê trách ấy đã hy sinh như thế nào ở khoảng giữa vầng trán và lòng bàn tay thầy để nêu cao ví dụ về một thái độ sinh tử, điều ấy được ghi lại trong bài nghị luận ca nổi tiếng nhất của thầy: “Lời tiên tri của muỗi”, đáng

mấy cái Nobel theo lời các đệ tử. Đó là một tác phẩm rất kỳ lạ bởi không khí mê mê tỉnh tỉnh của nó. Từ đấy, mê mê tỉnh tỉnh trở thành tiêu chuẩn ưa thích nhất để kẻ sĩ Hà Thành đo đạc thiên tài và mức độ từng trải cuộc sống mà họ ưa gọi là sự trường đời. Vậy là thừa kế truyền thống, thầy A.K. bắt đầu sự nghiệp kẻ sĩ của mình bằng thơ và bằng sự tiên tri. Thầy nổi tiếng qua đêm đúng như cách người ta thường nói. Còn phu nhân A.K. tương lai thì bàng hoàng. Nàng chỉ có năm phút để chấp tay lạy con dao mà cha nàng chém phập vào cánh cửa. Cha nàng là một người đàn ông tập kết. Ông có sự khinh bỉ của ông cho sĩ phu Bắc Hà. Sau này chúng ta mới biết sự khinh bỉ ấy mang tính di truyền.

Phu nhân A.K. có thứ trí tuệ giống như một cái ruột tượng rỗng. Không

như những kẻ bo bo tích cóp chữ nghĩa, chỉ thỉnh thoảng nàng mới rút vào đây một vài mảnh chữ, và cũng chẳng để dành được lâu, cứ dốc ra tiêu xài thoải mái, và thường là tiêu không đúng chỗ. Nhưng cuộc sống của nàng mấy khi cần đến chữ, nên hoang tàng đoảng vị như thế chưa phải là bi kịch lớn. Nó chỉ là một trong những đầu mối cho ta lần theo tấn bi kịch ba hồi của thầy A.K., dẫn thân - giã từ - và cập bến, và lẽ ra theo tinh thần văn chương đương thời, truyện thầy A.K. phải mang tựa đề “Bến bờ”, “Bờ suy tưởng”, “Bến ảo vọng”, hay “Địa ngục còn xa, Thiên đường chưa tới” mới thích hợp.

Trở lại với phu nhân A.K., những mảnh chữ mà nàng ghi nhớ và thỉnh thoảng đem dùng trong tất cả các câu thường rơi ra từ các cuộc đàm luận của

thầy A.K. và đệ tử. Chúng ta hãy xem xét kỹ hơn nội dung những đàm luận này ở phần sau, khi thầy A.K. đi phiêu lưu cùng đệ tử thứ mười hai, nhân đây chỉ thông báo rằng chủ đề số một của họ là Thượng Đế. Thế là nàng ghi nhớ câu “Thượng Đế tự nó và Thượng Đế cho ta”, để sau đó chỉ vào thầy mà bảo các đệ tử: “Đấy, Thượng Đế tự anh ấy và Thượng Đế cho em”. Nàng xưng em với mọi đàn ông, những gã có râu sơ sơ và những gã suốt đời không có nổi một sợi. Một hôm, Thượng Đế trong câu chuyện của họ xuất hiện như một “thực thể đầy lông” do sơ suất dịch thuật, thay vì chỉ đơn giản là một thực thể có cánh. Thế là phu nhân A.K. mang thai đứa con đầu thấy không có tên gọi nào sát thực hơn, gọi tả hơn, âu yếm cuồng si hơn dành cho thầy như cái tên ấy. Rồi thầy lần lượt là kẻ phiêu lưu trên các đầu ngón tay, là tâm hồn lạc

loài, là bạo chúa cô đơn, là hiệp sĩ mặt buồn, là kẻ lữ hành kỳ dị, là tiếng chuông giờ chót, là là là.

Ba năm trở lại đây, thầy công khai là súc vật vinh quang, kèm theo việc giũa hai cha con nàng đã có sự cảm thông. Ngày giỗ ông, nàng hăng hái vung dao loang loáng trên mặt thớt, sau đó thâm thì đây vẽ đồng mưu với bức ảnh người đàn ông tập kết trên bàn thờ, một người đàn ông thẳng đuồn, luôn duy trì chiều tuyệt đối song song với những nén nhang.

Buổi sáng hôm đó, khi thầy A.K. không cất nổi mình ra khỏi vũng mồ hôi của cá nhân thầy, vì thấp thỏm một hy vọng hóa thân phút chót, thì phu nhân A.K. nói vào thính không: “Thế nào, súc vật vinh quang, không đi à?»

VỀ CÁC ĐỆ TỬ CỦA THẦY A.K.

Sáng nào thầy cũng đi. Dĩ nhiên thầy không đặt cái câu hỏi tầm thường là đi về đâu. Có phát âm bằng tiếng La Tinh thì đấy vẫn là một câu hỏi tầm thường. Phải sống ở Hà Nội, phải hít thở nó cả đằng mũi đằng mồm và thấy rõ nó nghèn nghẹn nơi cổ, nó từ từ trườn vào phổi, nó máy trong bụng như thai nhi, nó chạy tê tê xuống hai bắp vế, rồi nó chào thân ái ta, hay ta chào thân ái nó bằng một phát trung tiện nghe như tiếng thở dài, đấy, phải như thế với Hà Nội mới không hỏi đi đâu. Cách đây nhiều năm, thầy A.K. đã nghe một kẻ sĩ đàn anh trình bày như vậy. Người ấy nay đã xanh mồi nên thầy đương nhiên là kẻ thừa kế chính thức của cái tâm sự đó. Nếu ta là hiệp sĩ giang hồ xứ Gaule, xứ Mancha, xứ Mặt Trời, ta cứ việc nhảy lên lưng ngựa đi mà lập nên

những chiến công. Nếu ta là một nhân vật Kim Dung thì ngựa không cần thiết. Còn khi ta đã là một kẻ sĩ Hà Thành thì sáng sáng ta nhảy lên chiếc xe đạp, nó sẽ tự đưa ta đi gặp một cái gì đó đáng kể. Cái ấy ắt phải là một kẻ sĩ khác, vì ngoài Hồ Gươm và chùa Một Cột, ở Hà Thành chỉ có các kẻ sĩ là danh thắng đáng được xếp hạng. Mười năm một lần có thể xảy ra trường hợp chẳng gặp kẻ sĩ nào, ta lắc đầu bảo, quái, Hà Nội dạo này vắng nhỉ.

Sáng nào thầy A.K. cũng đi. Sự hiện diện của thầy khiến đường phố bàng bạc một vẻ trầm lặng thâm thúy, đấy cũng chính là cái tinh thần ngự trong tất cả các cuốn sách nổi tiếng viết về Hà Nội xưa nay. Nó làm cho những gánh hàng rong rau dưa đồng nát tào phớ đợi siêu thoát như được ơn thiên sung, chúng ta cứ hình dung cả người lẫn quang thú

đang chắn ngang vỉa hè đấy, đang làm cả một hợp tấu còi cảnh sát ở các ngã tư sôi nổi dấy lên, đang nháo nhác trốn chạy trận mưa biên lai phạt chợ, mà lại như bay lên bay lên theo chiều thẳng đứng, một đám mây ngũ sắc đón sẵn ở đâu đó để đưa lên cao nữa, và chúng ta ngửa mặt lên hứng một cái vẩy tay chào. Nó lại làm cho rác rưởi thành phố và những đám bụi to hạt màu xám cuộn lên sau những chiếc xe lam xe tải và xe Bông Sen đượm tình gần gũi thân yêu, chúng ta xúc động thấy con người mình lấp ló trong những vỏ chuối và lá gói bánh chưng và uế khí thảo nhiên hội họp khắp nơi, chúng ta cảm thấy yên tâm ghê gớm, thành phố chẳng có gì giống như một thành phố này không hề bẹp chúng ta. Đấy, chỉ riêng sự hiện diện của các kẻ sĩ trên đường phố đã khiến Hà Nội cùng một lúc vừa thanh cao sâu sắc vừa gần gũi thân thương. Có

thể hình dung tốt, nếu các kẻ sĩ không đi đi lại lại ngoài đường nhằm tìm gặp nhau nữa, chúng ta sẽ trở ra đó với hiện thực trần trụi, sẽ bị cuốn vèo vèo theo những đám bụi vào những gầm các loại xe kể trên, và nếu tai họa không xảy ra ở đó thì sẽ là những tai họa kiểu khác, chúng ta sẽ thấy đời mình dần tương tự gánh hàng rong, sớm đây tối vơi, đôi khi ế sừng sủa, chẳng có đám mây ngũ sắc nào chờ sẵn. Rất kinh hoàng.

Cuối cùng thì mọi con đường đều đưa thầy A.K. đến quán nước gốc đa. Cái tên nghe có vẻ thôn dã, nói chung kẻ sĩ Hà Thành đề cao tinh thần thôn dã như chúng ta sẽ thấy ở phần sau, nhưng quán ấy nằm ở giữa trung tâm thành phố, cách Hồ Gươm một cái phẩy tay, xung quanh lại có chợ búa, hàng quà bánh và guốc dép rất nhộn nhịp.

Quán chia làm hai phần, phần có mái chùng sáu bảy mét vuông dành cho đủ hạng người, phần ngoài trời rộng rãi hơn là nơi các kẻ sĩ ưa thích, vì họ đề cao song song tinh thần tự do và mối liên hệ trực tiếp với cuộc sống cây đời mãi xanh tươi bên ngoài.

Các đệ tử của thầy A.K. ngay từ sáng sớm đã ngả mình bắt chéo chân và đốt thuốc khói um bên những chiếc bàn con thấp lè tè, gối ngang chén trà uống dở. Đằng sau quầy hàng cũng thấp lè tè, gương mặt quen thuộc của Ông già chủ quán dường như mọc ngay trên lọ kẹo lạc cố hữu, bản thân ông ta chắc cũng là một kẻ sĩ tiềm năng, chắc cũng đang thai nghén một cái gì dữ dội lắm, cứ trông cái cách ông ta giật giật một bên quai hàm thì biết, rất cảm khái! Chỗ này một chú cuội chúi mũi vào tờ Văn Nghệ, chỗ kia

một cựu sinh viên kinh tế hí hoáy vẽ vôi trên mặt bàn đầy vòng tròn chén, văn sĩ và họa sĩ là hai thứ duy nhất ở Hà Nội có thể so sánh với phù sa sông Hồng, dày đặc và vô tận. Chỗ kia nữa cô học trò nhỏ Kiều Mai của thầy, mụ mị trong tinh thần tiến công của chân lý, đang thuyết phục những người đàn ông rằng đàn ông xứ này hoàn toàn là đồ bỏ. Cô ta mới nhập cuộc hai tuần. Cái kiểu cô ta vừa giễu cợt mọi thứ trong cuộc đời bằng giọng cay đắng bất ngờ vừa trút ra từng xiên từng xiên tâm sự vô cùng lãng mạn cháy xèo xèo bốc hơi ngào ngạt quả cũng kích thích thật. Hơn nữa cô ta có nhan sắc, trông cứ như vừa từ một tờ tạp chí thời trang bước ra và chỉ năm phút nữa là bước vào một cuộc phiêu lưu. Thật đáng để giải trí và say mê, song không một người đàn ông đang hoang nào theo khái niệm của thầy lại có ý nghĩ

rước cô ta về làm vợ. Mà gần cô ta lắm chỉ tổ điên rồi bệnh hoạn dần đi trong cái khao khát được cầm tay cô ta, chỉ cầm tay thôi, cô nàng bảo vệ những chỗ khác bằng lời lẽ khiến ta chẳng có hứng thú gì làm thẳng đàn ông nữa. Đàn bà phạm trù này gần đây xuất hiện như dịch châu chấu, ta không nỡ xua đuổi vì họ nhỏ bé vui mắt quá, mà lỡ trớn thì họ đập rần rạt vào mặt mũi ta, một giống nòi ồn ào hoan hỉ, đúng là xa họ thì họ trách, gần họ thì họ nhờn.

Đệ tử của thầy A.K. toàn hạng quái kiệt. Kẻ sĩ thứ nhất là một hình nhân râu ria rất nổi loạn được thổi luồng sinh khí là nổi sốt ruột siêu phàm. Ở bên chàng, chúng ta cứ rạo rực lâng lâng như sắp được dự phần vào phút giây thiên tài lóe sáng đến nơi; trong ánh chớp chói lòa, danh thơm và tiền đẹp sẽ rơi tung tóe

mót không xuể. Chúng ta chờ mãi mà chẳng thấy, đành quay về với những công việc tầm thường của mình, nhưng thỉnh thoảng vẫn chợt dạ ngó sang chàng, sợ trượt mất cơ hội. Trong khi đó thì chàng đứng lên, ngồi xuống, đi ra, đi vào, viết dăm bảy dòng, quệt vài ba vệt bút lông, đọc một hai nửa trang sách, tuyên bố thêm mấy ý tưởng rền vang và thỉnh thoảng lại đưa ra những nhận định tổng quát về cuộc đời và nghệ thuật làm chúng ta sững sờ, chỉ có những tâm hồn đã bất mãn và chua chát lắm mới bật lên được những tiếng lòng đau thương đến thế. Chúng ta được biết chàng sẽ là tác giả của một cuốn sách mà mỗi dòng đều làm tắt cả sách vở mà ta đã ngốn ngấu trong cuộc đời không được hướng dẫn của ta trở nên sạch trơn vô nghĩa, nhưng trước mắt thì chàng bỏ dở mọi tác phẩm, chỉ hoàn thành vô số phác họa và đề cương.

Chúng ta không dám chê chàng lười, vì sự cặm cụi ngu si của ta nào đáng hãnh diện. Nôn nóng chờ một phút giây thần diệu mà không hạ mình làm gì hết, không hạ mình xuống các chi tiết, là một lẽ sống quý hiếm chẳng trù ngụ nơi người thường.

Kẻ sĩ thứ hai cũng sốt ruột chẳng kém nhưng chịu khó lao động hơn. Chàng bỏ công đọc hết các tác phẩm của mấy nhà văn đang nổi tiếng và thấy viết như thế cũng chẳng khó gì, toàn là tâm sự, cứ kể bâng quơ một chuyện vặt vãnh tầm phào mà ai cũng biết vô khối, rồi tâm sự cho thật sướng tai, chữ nghĩa thì dùng cho thoải mái, hình ảnh hơi là lạ và bố cục rất tùy ngẫu nhiên. Sau vài lần gặp gỡ mấy nhà văn đó bên cốc cà phê đá chàng lại càng tự tin, toàn là những người tầm thường tẻ nhạt, có lẽ đã được vận may

nổi lên quá đáng. Chàng bèn bắt tay vào tâm sự từ trang này sang trang khác và cười thầm bọn văn sĩ khéo bịa ra nỗi sợ trước con chữ. Làm gì có chuyện ngược đời ấy, các con chữ phải sợ chàng chứ, chàng chỉ khẽ cong ngón tay út là chúng lũ lượt kéo nhau đến sắp hàng đều tăm tắp. Ở thời điểm chúng ta đang nói đây, chàng đã tâm sự gần hết một ngàn trang, và ngồi cạnh chàng chúng ta cũng có được cảm giác lâng lâng như trên kia đã tả. Vì chàng không bao giờ bảo, chúng tôi viết cho vui, kh ông bao giờ bảo, à viết bậy viết bạ kiếm sống ấy mà, không bao giờ bảo, tình hình hiện nay nó buộc ngồi bút phải chạy, chàng không bao giờ bảo như thế, nên chúng ta thấy mình không phải chi ra một khoản khoản dung lớn lao cho khuyết điểm nghệ thuật nếu có nào đấy của chàng. Thật là một nhân cách hào phóng.

Kẻ sĩ thứ ba bề ngoài đã giống một sợi chấu vụn vụn, bên trong lại còn vụn vụn dữ dội hơn. Đứng trước một tổng thể gồm toàn các nỗi đau xoắn lấy nhau, giằng vào nhau mù mịt là chàng, chúng ta thấy mình hơi hột vô trách nhiệm quá. Chàng là họa sĩ kiêm điêu khắc gia, đã một lần bày triển lãm riêng, rất trầm trọng. Tranh là những biểu tượng nhiều tầng ý nghĩa, không chịu bị cầm tù trong giấy vải khung màu nên thà tự đóng cứng vào nhau còn hơn, rồi tìm lối thoát trong các tựa đề như rút ra từ kho báu văn chương của một hành tinh khác, sức liên tưởng của chúng đúng là không thể đo bằng các đơn vị thông dụng của nền văn minh chúng ta. Tượng là những hình khối cực kỳ tiên tiến của tâm linh, đứng giữa cuộc giao hoan từng bừng của các thời đại đá đồng gốm sắt ấy ta mới được biết tâm linh của chúng ta vón

cục như thế nào, rõ chẳng rõ chịt như thế nào. Ở phòng triển lãm của kẻ sĩ này bước ra, chúng ta thấy mình cũng nên đau khổ đi là vừa, và trước đó một phút, chúng ta đã không dám cầm bút ghi vào sổ cảm tưởng, trong đó một người vô danh viết rằng các bức nu trong phòng tranh này cũng láo toét như những khẩu hiệu chính trị. Ôi, hóa ra đây là những nỗi đau nu, chúng ta có mắt như mù, còn những người danh tiếng có trong cuốn sổ ấy thì chẳng nói gì đến trần truồng hay đau đớn, họ toàn rất vui và rất hân hạnh thăm tươi.

Kẻ sĩ thứ tư phong độ như Lão Trang, rất mực vô vi thậm chí chẳng rung đùi lên giữa trời chiều; yêu đương như Khổng Tử, ngơ ngẩn rụng rời “ta chưa thấy ai hiếu đạo như hiếu sắc”; ăn uống như Phật Tử, toàn rau đậu và chủ yếu là khát

thực; và nói năng hết một tín đồ Thiên Chúa, luôn điệp khúc “vâng tôi là vật tá mọn tôi ở dưới vực sâu sức tôi hèn trí tôi thấp tôi rất khốn rất khó tội lỗi mọi đảng thiếu thốn mọi đảng lỗi tại tôi lỗi tại tôi mọi đảng”, chàng là một cái tứ giáo đồng nguyên. Tinh thần khiêm nhường của chàng rất được phổ biến, nó chạy nhanh hơn bệnh dịch, buổi sáng chúng ta vừa nghe một kẻ sĩ than thở mình là thằng hèn, buổi chiều một đám đông sĩ tử khác đã cùng nhau ngân vang “chúng ta thật hènenn...”, buổi tối họ diễn đạt văn hoa hơn, “chúng ta chỉ là cát bụi mà thôi”. Và toàn thành Hà Nội khàn khàn rung lên: “Thương xót chúng tôôôô...”. Chúng ta được nghe giải thích rằng, phép thất bại ngay từ đầu ấy thực ra là một thắng lợi trá hình xuất phát từ nguyên tắc phương đông n hu thắng cương, tiếng Việt còn gọi là lạt mềm, nó cũng là anh

em cộc chèo với phép thắng lợi tinh thần nổi tiếng của bác A.Q. bên Trung quốc vậy. Thật không có gì trên đời này đáng cảm thông và đáng kính hơn một kẻ sĩ khi chàng nở nụ cười mỉu máo rằng tôi nhiều tội lắm và bắt lực xiết bao!

Trong khi đó, kẻ sĩ thứ năm lại chủ trương bao nhiêu xấu xa đều ở người khác hết. Nếu có thời gian, ta sẽ được nghe không chán những nhận định kiên quyết của chàng, bắt đầu một cách trừu tượng, tha nhân là địa ngục, rồi càng ngày càng cụ thể về chúng nó, chúng nó khốn nạn thật, chúng nó đạo này làm căng, chúng nó không để cho mình yên đâu, chúng nó thối lắm, chúng nó thiếu gì ngón, chúng nó ngu bỏ mẹ, chúng nó đồ kị đấy mà, chúng nó là một lũ vô học, chúng nó cũng vớ vẩn thôi. Ta bất giác giật mình không biết chúng nó là ai,

nhưng ngay sau đó được thở phào nhẹ nhõm bởi ta đang ở trong số người xúm quanh chàng và gật đầu lia lịa, ta không phải là chúng nó, chẳng ai ngồi đây có vẻ là chúng nó cả, thật dễ chịu, cái cảm giác mình là con gà giữa bầy gà mới vững dạ làm sao. Và lặng ngời hình dung có một lũ xấu xa nào đó phải chịu trách nhiệm về tất cả mọi chuyện cũng như là đang phi nhanh về phía công lý vậy. Tinh thần công phá này được phổ biến không kém phép thất bại ngay từ đầu kể trên. Vì thế nếu ta nghe một kẻ sĩ câu trước than về sự kém cỏi của bản thân thì cầm chắc câu sau chàng sẽ chửi chúng nó, còn nếu chàng bắt đầu bằng việc nguyên rủa chúng nó thì ắt phải kết thúc bằng tổng sỉ vả bản thân, ưu việt của phương pháp sắp ngửa này là không cho tội lỗi có đường nào thoát. Bình thường đã vậy, khi gặp một kẻ sĩ sám hối hoặc một

phong trào kẻ sĩ sám hối, họ trách mình rồi họ trách người, họ thú nhận rồi họ lên án, biết bao can đảm và nhiệt thành, thì chúng ta những con người cục mịch chẳng biết thế nào là sự đổi thay của các chí hướng sẽ hoàn toàn rối trí.

Kẻ sĩ thứ sáu có gương mặt thông minh và tận tụy, trên đó là một bản đồ khác của Hà Nội, gồm toàn các nhân vật nổi danh nhất trong giới kẻ sĩ Hà Thành. Những con người tài ba lỗi lạc này thường vụng về trong đời sống, kém ứng xử, không có kinh nghiệm xuất hiện trước đám đông và chẳng biết làm thế nào để đẩy lên một huyền thoại xung quanh vầng hào quang của mình, mà đấy lại là điều cần thiết hơn cả. Thiên tài của kẻ sĩ thứ sáu là giúp họ vượt qua những vướng mắc đó để hoàn thiện tâm vóc. Chàng hiểu rõ hơn chính bản thân

họ. Khi chàng tuyên bố với quần chúng ngưỡng mộ rằng đạo này họ không ngủ được thì tự nhiên họ thấy mình trần trọc suốt năm canh. Nhờ chàng họ được biết thêm nhiều giai thoại về mình. Họ được hạnh ngộ lẫn nhau như những con khủng long cuối cùng trên trái đất, sau đó có lẽ chỉ còn gió man di thổi dài qua những sa mạc người buồn tên. Ôi, không có chàng tất cả sẽ ra sao? Sông Hồng chảy về đâu, và lịch sử? Chắc chắn đám người đang nôn nóng thành đạt nhưng nhúc trên các đường phố và trong các con hẻm và trong những dãy nhà năm tầng lún dần từng ngày kia sẽ nuốt chửng họ mất thôi, bọn chúng thường rỉ tai nhau rằng các kỳ tích của họ đã xa xưa lắm và họ đã hết rồi, trong khi họ biết rõ huyền thoại vẫn còn đó chẳng bao giờ cũ. Thế cho nên kẻ sĩ thứ sáu vẫn bận rộn và nổi tiếng hơn tất cả họ cộng lại, chàng

chói sáng giữa hào quang của các hào quang, chàng quyết định đời sống tinh thần của toàn thành Hà Nội chứ không phải những con người xuất chúng kia, và người ta vẫn chen nhau để lại trên gương mặt thông minh và tận tụy chàng một cái địa chỉ.

Kẻ sĩ thứ bảy cũng thuộc lòng các vĩ nhân, nhưng khác một chút là họ đều đã chết và không giới hạn trong bốn quận Hà Thành. Nghe chàng kể vanh vách về họ, ta thoáng ớn lạnh tưởng chàng là cái nhân vật hắc ám đến từ thế giới bên kia mà người lớn trẻ con nhất nhất đều sợ, chỉ có hắc mới am hiểu các thầy ma đến thế, nhưng nhìn kỹ lại mái tóc chải lật ra sau và gương mặt quăng vào đâu vẫn không giấu được những nếp nhăn bác học cao quý của chàng, chúng ta mới định thần ghi nhận rằng Diêm Vương Quỷ Sứ dù

khéo cải trang thế nào cũng không thể toát lên cái vẻ hàn lâm học viện đường đường kia được, rằng những gì chúng ta vừa nghe chỉ là một mảnh nhỏ rơi ra từ sự uyên bác khổng lồ của chàng mà thôi. Bất cứ lúc nào chàng cũng có thể cho chúng ta biết ý kiến của những con người vĩ đại nhất, xa lạ với chúng ta nhất, về những điều bé nhỏ nhất. Lịch sử triết học cổ kim đông tây chảy dào dạt trong chàng, kho tàng văn hóa nhân loại căng phồng trong chàng, chỉ gí nhẹ một ngón tay vào là cái bầu cương cứng văn hóa ấy tuôn dòng vô tận, kẻ nào trong chúng ta yếu bóng vía sẽ mãi mãi thất kinh chẳng bao giờ cứu vãn nổi chút giá trị bé mọn của mình giữa cuộc khẩu chiến vèo vèo lời qua tiếng lại, Vol-taire nói thế này Goethe nói thế kia nhưng Hàn Phi Tử bảo còn Dante đã thốt lên trong khi Tagore cho rằng và Quách Mạt Nhược

lại bình luận thế Max Weber thì sao Liên Hoa kinh lại nói Georg Lukács hai chấm nhưng hãy nghe Rousseau và Gramsci rút cục thì Sokrates vẫn có lý nhưng Marx đã nói... Giữa những âm binh la hét ấy, chàng cư xử như một diskjockey thiện nghệ, còn chúng ta thì hiểu rằng sự ngu dốt của ta là không thể cải tạo được.

Nhưng tiếp xúc mãi với các kẻ sĩ, ta bỗng quen thấy vấn đề nào cũng có hai mặt của nó. Kẻ sĩ thứ tám rõ ràng là một đảng học sĩ chính quy phó tiến sĩ phó viện trưởng phó giáo sư hẳn hoi lại không muốn gì hơn việc chối bỏ khối trí thức lộng lẫy mà chàng đã rộng tay quẳng vào sọt rác còn chúng ta lại ngo ngẩn nhặt lên. Chẳng ai dám giới thiệu chàng đứng với chức danh và học vị được Nhà Nước công nhận, như thế chàng sẽ coi là bị lãng nhục, hai má sẽ đỏ bừng, mười ngón tay

và cái đầu sẽ vùng vằng thê thảm trong không trung, xin cứ gọi chàng là một kẻ rong chơi, hay một thi sĩ, hai thứ ấy đồng nghĩa. Chúng ta đã gặp thật nhiều kẻ rong chơi trong giới sĩ tử, nhưng không vì thế mà danh hiệu này kém phần quyến rũ, và nếu không phải rúc vào những công việc tầm thường hàng ngày thì chúng ta cũng dễ phởn lên mà làm kẻ rong chơi lắm. Quả thật kẻ sĩ thứ tám không xuất hiện trong thư viện, chàng chẳng biết các ô phiếu trong thành phố chúng ta hiện được sắp xếp theo nguyên tắc nào, nhưng chàng thuộc lòng đầu đường nào có một cái quán hay hay và chúng ta thấy chàng lê gót qua tất cả các salon văn nghệ. Ở đây chàng được yêu mến lắm, vì phần đông kẻ sĩ đều không qua trường lớp nào, họ tuyên bố trường học lớn của họ là cuộc đời và thường so đo vốn sống lẫn nhau qua các kỷ niệm

chiến tranh và kỷ niệm giang hồ. Chàng đọc cho họ nghe những bài thơ mới nhất của mình, chúng luôn trình bày một số ý muốn mà cái đầu duy lý của ta cho là không thể thực hiện được, muốn quăng cán bút làm thân bướm, muốn trải lòng ra lót chân em, muốn làm chiếc lá trên hoang mạc, muốn hái sao trời chơi ô quan, nhưng lại làm các kẻ sĩ, những con người trường đời ấy, sững rên lên. Thế là ngắt ngây, nhà toán học thì đi vẽ, họa sĩ thì đi xây nhà, kỹ sư dựng nhà thì đi làm phim, đạo diễn thì đi làm kinh tế, nhà kinh tế học thì đi viết nhạc, nhạc sĩ thì đi xem bói, thầy bói thì đi khám bệnh, bác sĩ thì đi làm thơ, tất cả đều làm thơ, và nhà thơ thật thì đi cô đơn, ôi đúng là một thế giới ngắt ngây!

Chỗ của kẻ sĩ thứ chín lẽ ra không phải ở giữa những nhân vật lập dị này

cùng là các chuyện bê bối rồi mù của họ, chàng là một thanh niên nông thôn to khỏe hiền lành làm ta cứ nghĩ đến một mớ rau muống xơ mới thật đẹp.

Chẳng biết cái gì đã kéo tuột chàng ra khỏi nguồn gốc. Bây giờ thì chàng đang sung sướng thấy mình ngồi giữa các kẻ sĩ, lắng nghe những lời nói điên khùng của họ và tập dần các thói quen trái khoáy của họ, bố chàng có sống lại chắc không thể nhắm mắt lần thứ hai khi thấy con trai mình đã đi xa đến thế. Chúng ta không giải thích được điều gì đã cắt ngang sự tiếp tục đầy danh dự của các dòng họ. Đời kẻ sĩ Hà Thành có thể nhớ những phức tạp và không được lành mạnh lắm trong con mắt phàm tục của chúng ta, nhưng trung tâm thế giới là ở đây, sự đổi thay huyền diệu của cuộc đời là ở đây; những thói hư tật xấu của đám

người này đáng chê trách thật, nhưng kích thích trí tưởng tượng xơ cứng của chúng ta làm sao; những ước mơ của họ tức cười thật, nhưng thối bùng trong ta một khao khát lãng mạn tưởng đã chết khô theo tháng năm phẳng lặng; và số phận oái oăm của họ ta đâu sẵn sàng chia sẻ, nhưng nó đập vào cánh cửa khóa kín một góc cái lương của tâm hồn ta, khiến nó không thể không run lên. Tất cả những điều đó đã mê hoặc chàng trai hiền kia chăng? Chàng cứ triu mến ngồi đó, chẳng biết hùng biện, chẳng hát nổi một câu dân ca, chẳng thu xếp nổi một vần lục bát, chẳng kể được nửa non một chuyện tiểu lâm, chẳng chứng minh được tửu lượng và hồ sơ ái tình, chỉ triu mến ngồi đó, tấm thân đồ sộ của chàng là chỗ chứa lý tưởng cho tình triu mến đời đời chẳng cùng. Chàng là nhân vật được yêu thích nhất trong giới kẻ sĩ Hà

Thành. Và khi họ, những con người nổi tiếng không bao giờ nghĩ ngợi về tiền bạc ấy đứng cả dậy, thì chàng ngồi lại trả tiền cho tất cả.

Cuối cùng chúng ta cũng bắt gặp ở kẻ sĩ thứ mười hình ảnh dễ hình dung hơn cả của một sĩ phu Bắc Hà, trắng trẻo, mảnh mai, vô cùng ý nhị, chàng là nhà phê bình nghệ thuật. Thực ra thì nền nghệ thuật của chúng ta chẳng có chỗ nào đáng phê bình, nó đã hoàn hảo theo cách của nó, giúp nó hoàn hảo hơn là điều không thể được, chỉ có thể giải tán nó đi thay bằng một nền nghệ thuật khác, nhưng như thế hóa ra là đập phá và nổi loạn, mà không có gì xa lạ với chàng hơn hai động từ gói ghém đó. Chàng sinh ra và lớn lên ở Hà Nội, tâm hồn chàng mượt rêu phong phủ trên ngôi cũ và thoang thoáng sương khói Tây Hồ,

làm sao chàng có thể cho phép mình tham dự vào các hành vi thô thiển được. Những bài viết về mỹ thuật của chàng chinh phục chúng ta bởi sự thơ mộng vô bờ bến, chàng nhận xét rằng ở đây trời còn xanh hơn cả trời xanh, rằng gió không còn là gió mà lớp thở sương mù đầu trong lòng tác giả đã che ngang, rằng đây là cảm xúc giao thoa đượm ý tưởng người và phảng phất lãng du, rằng bàn bạc đâu đó một nét heo may và trùm lên tất cả là một bùng sáng tâm linh..., phải nói là đọc chàng ta mới thấy vốn từ của ta nghèo nàn què kệch như thế nào. Sự tế nhị của chàng cũng thật vô bờ bến. Để tránh cho ta mọi áp đặt, chàng tuyệt đối không dùng thể văn khẳng định mà ưa đưa ra những phải chăng, có phải, có lẽ, có thể, nếu như, dường như, hình như, đâu như... và đặt những tựa đề hết sức khiêm tốn, mấy suy nghĩ về, thử tìm

hiếu về, một vài nhận xét xung quanh, bước đầu tiếp cận, thử tìm hiểu về, tản mạn xung quanh, vài ý tưởng ban đầu về, nhàn đàm... Và chàng chỉ có một lời khuyên duy nhất, lời khuyên như rắc vàng trên những mái tóc bù xù của các kẻ sĩ, là hãy độ lượng! Ít ai biết bi kịch lớn của con người tinh tế ấy. Bao nhiêu lần đứng giữa đám kẻ sĩ hiếu thắng ồn ào, chàng buồn bã nhủ thầm «Ta chán các người lắm rồi», và cũng bấy nhiêu lần đức độ lượng vàng ngọc của chàng lại chiến thắng, chàng lại trở về giữa họ để một phút nào đó lại chán họ lắm rồi.

Thế là đủ mười vị, thêm cô học trò nhỏ Kiều Mai cộng là mười một, lát nữa ta sẽ thấy thầy A.K. tìm được đệ tử thứ mười hai như thế nào.

Có lẽ người ta sẽ vặn tôi, kẻ sĩ Hà Thành chỉ có chừng ấy đại diện thôi ư?

Vô lý! Đâu rồi những cán bộ văn nghệ đã cần mẫn đi qua mấy cuộc kháng chiến và đang gác bút ngời nghỉ trong thời bình? Đâu rồi những vị chức sắc cấp tiến thỉnh thoảng lại rủ nhau lên sông Đà uống bia và trút phần nộ lên đầu các dãy núi? Đâu rồi đám sai nha và đám do thám, đám mõ làng và đám cai đầu dài? Đâu rồi các biên tập viên luôn dạy dỗ và ban ơn và các tổng biên tập run cầm cập? Đâu rồi các nhà thơ ẩn dật và các ký giả dẫn thân? Đâu rồi những con mọt sách đã vào hồi cuồng chữ? Đâu rồi các nhà văn phanh phui ung nhọt và các nhà văn băng bó vết thương chiến tranh? Đâu rồi những trí tuệ bị đọa đày vẫn tiếp tục suy nghĩ rất lung? Đâu rồi các giáo sư ly khai và các giáo sư bộ trưởng? Ôi, kể sao cho xiết, nhưng họ thuộc về một câu chuyện khác mà tôi sẽ có dịp kể, bây giờ chúng ta hãy mau mau trở về với thầy A.K., người có

đầy đủ các phẩm chất của mười một đệ tử và ngoài ra còn hơn hẳn họ những âm ảnh lừng danh.

VỀ ĐỆ TỬ THỨ MƯỜI HAI CỦA THẦY A.K. VÀ BƯỚC ĐẦU

CUỘC PHIÊU LƯU CỦA HAI THẦY TRÒ

Buổi sáng hôm đó, khi câu nói của phu nhân A.K. tiêu diệt nốt một hóa thân phút chót của thầy A.K., thầy thấy mình tự nhiên đứng dậy, cử thể lừng lững ra khỏi nhà. Như một điếm báo mà chính thầy cũng không ý thức được, thầy tần ngần đặt tay lên yên chiếc xe đạp, vuốt ve nó, nếu nó biết cúi đầu chớp chớp mắt thì chắc hẳn thầy đã thốt lên một câu đa cảm, rồi thầy không để nó tháp tùng như thường lệ mà đi bộ ra phố. Đầu óc thầy trống trải, các ý nghĩ cũ sơ tán đi

đầu sạch, ý nghĩ mới thì chưa xuất hiện, lòng thầy cũng trống trải chán chường. Ở vòi nước đầu ngõ, mấy cô gái mới lớn nhe hàm răng đầy bọt trắng xóa cười với thầy, nhưng lúc này ý thức vệ sinh cá nhân của loài người khiến thầy khó chịu, trời ơi phu nhân A.K. còn xoa kem vào tất cả các khu vực sẫm màu trên người nữa chứ trời ơi!

Thói quen đưa chân thầy đến thẳng quán nước gốc đa, lẽ ra như mọi khi thầy đã uống đến chén trà thứ tám ở đó và đã phát biểu xong về Thượng Đế để chuyển qua phần văn nghệ Việt Nam đi về đâu, nhưng buổi sáng hôm đó thầy dừng lại cách cánh tay để rất trần của cô học trò nhỏ Kiều Mai mười lăm mét, vờ ngắm nghía một hàng giày dép và lén nhìn qua những đôi quai. Tất cả đều quen thuộc, quen thuộc một cách máu thịt, quen

thuộc đến phát rùng mình. Thày A.K. bèn rùng mình một cái rồi quay gót,

Đến đầu đường, thày nhận ra con trai ông chủ quán đang đứng thờ thẩn ngoáy lỗ tai. Đây là một chàng trai vừa tốt nghiệp đại học khoa sử chưa có việc làm. Hai bên chào nhau. Tự nhiên thày buột miệng hỏi chàng có muốn đi theo thày không. Đi đâu, chàng hỏi lại. Điều đó thì tự chân ta sẽ biết, thày đáp. Thế thì thú vị quá, chàng xuýt xoa. Thày lại hỏi chàng có muốn làm đệ tử thày không. Làm đệ tử thì được gì, chàng hỏi lại. Điều đó thì tự cái đầu của chàng phải biết, thày đáp. Thế cũng rất thú vị, chàng xuýt xoa và đồng ý ngay tại chỗ. Vậy em là đệ tử thứ mười hai của ta, tên em là Mười Hai, thày bảo. Mười Hai vốn biết rõ sự điên khùng của các kẻ sĩ, trong đó có mấy vị giáo sư dạy ở khoa, biến cả tư tưởng của họ toàn

là nước chè mà người cha giàu lòng trắc ẩn của chàng cố ý pha thật loãng để khỏi phương hại đến những cái dạ dày thanh khiết của họ. Nhưng sẵn óc hài hước, lại chẳng biết giết thời giờ cách nào cho tiện, chàng vui vẻ chấp nhận cuộc phiêu lưu. Chàng đã thoáng nghĩ đến những cái tên vinh quang hơn, Nhan Hồi, Ngô Không, Ca Diếp, Phao Lô, Sancho Pan-sa, đệ tử phải mang những cái tên như thế mới ra hồn đệ tử chứ, nhưng xem ra Mười Hai cũng không đến nỗi nào, nó gấp đôi cái tên người bạn đời quý báu của Robinson Crusoe và vừa bằng cái tên của tay lừa đảo chọc trời khuấy nước ở thành phố Hồ Chí Minh vừa rồi, vậy cũng tạm ổn. Và lại nếu cần có thể dễ dàng thuyết phục thầy A.K. đổi cho cái tên khác, chàng biết đám kẻ sĩ tuy điên khùng nhưng tâm hồn cao thượng, họ không câu nệ những chuyện vật vãnh

như vậy. Chàng bèn mở đầu cuộc đời đệ tử của mình bằng một câu hỏi sốt sắng: “Thưa thầy A.K. kính mến, chúng ta có cần sửa chữa một chút hành trang không ạ?” và chàng gợi ý là những kẻ đi vào tù cũng còn nghĩ đến khăn mặt và bàn chải đánh răng cơ đấy.

Thầy A.K. xòe cả hai bàn tay mà Mười Hai có thể nhìn rõ là chúng trống không: “Này Mười Hai, hành trang của những sĩ tử chúng ta là chính chúng ta. Em có bao giờ thấy một kẻ sĩ cần đến phụ tùng nào khác ngoài tâm hồn và trí tuệ của mình không?”

Mười Hai kính cẩn đáp rằng chàng đã thấy rất nhiều kẻ sĩ, mà không hề biết là họ có hai thứ bảo bối đó. Nhưng nếu có hai thứ đó thật thì quả không cần gì thêm nữa, thậm chí chỉ một trong hai thứ đó là đã quá đủ rồi.

Thế là hai thầy trò phần chấn lên đường.

Họ đi rất lâu. Đến xế trưa thì thành phố đã ở lại sau lưng họ, nhưng họ vẫn đi tiếp. Mọi cảnh vật trên đường đều làm thầy A.K. hết sức vui thích. Từ cửa những chiếc xe đủ kiểu nhãn hiệu nhẽ nhại, đám phụ lái vờn cổ ra hò hét và vỗ tay rối rít, thầy A.K. xúc động quá cũng nhảy lên vỗ tay đáp lại, thầy chưa bao giờ được hưởng tình thân ái nồng sốt giữa những con người hoàn toàn xa lạ như vậy trong khi Mười Hai cố giải thích rằng bọn chúng chỉ muốn bắt khách và chém cho thật đẹp mà thôi. Khi họ qua sông trên một chuyến phà, bấy trẻ bán quà rong sấn sỏ ấn vào tay họ những khúc mía róc sắn và kẹo bánh trông thật đáng ngờ. Cũng chưa bao giờ được trẻ em săn sóc tận tình đến thế, lũ trẻ thành phố

thật vô tình và nhõng nhẽo ích kỷ, thầy A.K. trườ mển đặt tay lên ngực, động tác đa tạ thịnh tình mà thầy cho là rất văn minh, nhưng đám trẻ lại nổi xung, đứa chửi rửa, đứa đe dọa, cứ như một cuộc biểu tình. Mười Hai vội kéo tay thầy núp sau những chiếc bao tải trấu ở tít cuối phà và an ủi thầy rằng bọn chúng nói tiếng Ả rập đấy mà, ta không nhất thiết phải hiểu.

Sau mấy sự kiện nho nhỏ tương tự như vậy, thầy A.K. có phần dăm chiêu, còn Mười Hai thì mệt và đói đến mức chàng bắt đầu ân hận và thêm khùng khiếp một cục nước đá đô thành mát lạnh trong cổ họng.

Bỗng trước mặt họ là một chiếc cổng chào, tre cốt đơn sơ xiêu vẹo nhưng vẫn thực sự là một chiếc cổng chào không thể lẫn lẩn cũng như thầy thực sự

là thầy A.K. với đệ tử thứ mười hai của mình vậy. Lòng bất giác vui vui, thầy dẫn bước đi tới và nhìn quanh. Đồng ruộng trải xanh xanh, dòng sông trôi lững lờ, vài ba nóc nhà thấp thoáng sau lũy tre và bầu trời ra bầu trời chứ không phải một vốc hysteric như ở thành phố, tóm lại là một khung cảnh hoàn toàn đáng cho thầy A.K. đút tay vào túi quần, ngửa mặt ngâm hai câu thơ:

Hồng sơn nhất sắc lâm bình cử

Thanh tịnh khả vi hàn sĩ cư

VỀ SỰ KIỆN ĐÁNG KỂ THỨ NHẤT
TRONG CUỘC PHIÊU LƯU CỦA HAI
THẦY TRÒ: NGÔI MIẾU THẦN

Lúc này, ngoài cục nước đá, Mười Hai còn thềm thêm một điều Vinataba

óng nuốt, chàng cầu nhàu: “Hong Sơn đâu mà Hong Sơn, rõ ràng là đồng bằng như mọi nơi thôi, có khi còn kém xa cơ đấy. Thầy thích cư thì thầy cứ cư, em chỉ thấy chúng ta sẽ chết đói ở đây”.

“Này Mười Hai, chớ nói bậy. Em không thấy ruộng đồng trù phú, cây cỏ tốt tươi sao? Lòng ta dịu hẳn đi. Thật là nơi lý tưởng cho ta bắt đầu một cuộc đời mới. Biết đâu nơi đây lại chẳng trở thành một Brook Farm, sáng danh Fourier vĩ đại”.

“Thầy cứ nói tiếng Tây như thế thì em chịu. Em tuy dốt nát nhưng may mắn là hai mắt vẫn còn đủ cả để thấy đất đai chỗ này chưa nắng đã hạn chưa mưa đã lụt, còn cái màu xanh đầy hứa hẹn kia thì toàn là của những thứ con người chẳng ăn được đâu, rút cục chúng ta đâu phải loài gặm cỏ».

“Này Mười Hai, cái gì đã khiến em trở nên khắc nghiệt như thế? Nếu nơi đây cần trị thủy thì chúng ta sẽ nổi nghiệp Thuấn, Vũ ngày xưa chứ sao. Ta biết em đói, bản thân ta cũng thế vì ta không phải thần thánh gì, nhưng để ta kể em nghe chuyện Siddhartha, chàng trai Bà La Môn biết làm chủ ba nghệ thuật, nghệ thuật suy nghĩ, nghệ thuật chờ đợi và nghệ thuật nhịn đói, nhờ đó chàng đạt được mọi ước nguyện”.

Mười Hai khen rằng chuyện rất hay, nhưng thực tế thầy A.K. kính mến của chàng đã làm chủ được bao nhiêu trong số nghệ thuật chết người đó rồi? Thầy A.K. nghiêm trang đáp rằng thầy biết suy nghĩ, biết chờ đợi và đã biết nhịn bữa sáng; thầy hy vọng nhân dịp này sẽ học cách nhịn thêm bữa trưa và dần dần nhịn nốt bữa tối là tuyệt đỉnh. Thấy không có

cách nào thuyết phục con người điên khùng này, mà phía trước dường như có một làn khói xanh ẩm cúng, Mười Hai vội vàng rảo bước. Quả có khói xanh thật, nhưng nó bay lên từ một bát hương khổng lồ, bát hương này ngự trên một phiến đá, phiến đá này lại nằm trên một phiến đá khác to gần bằng chiếc chiếu, tất cả nửa kín nửa hở trong một ngôi miếu, còn ngôi miếu thì ẩn giữa cây to cây nhỏ um tùm nhưng hoang vắng. Chàng vội gọi thầy. Thầy A.K. lại gần nhìn lên hàng chữ Hán mờ mịt nét còn nét mất, chỉ đọc được hai chữ “đại vương”, còn lại chữ nào hầu như cũng bị phủ đầu bằng một bộ “miên”, rất rắc rối. Thầy nói: “Đây có vẻ là một cái miếu hoang. Kính quý thần nhi viễn chi, ta chỉ nên vào thắp một nén hương rồi đi tiếp thôi. Vả lại... Chỗ này cứ như một kịch bản Tây Du điển hình vậy”.

“Thưa thầy”, Mười Hai đáp, “quỷ thần ở được thì ta cũng ở được. Có trời chứng giám là chúng ta vừa mệt nửa đầy lòng thành”, rồi chàng bèn hành động giống hệt nhân vật được yêu thích nhất của bộ trường thiên tiểu thuyết ấy, nghĩa là nhẩy phóc vào trong miếu, sục sạo xem có gì ăn được không. Chàng tìm được một đôi hài bé xíu và hơn chục ông bình vôi trong các xó. Đúng lúc cái đói trong bụng chàng găm lên một tiếng khủng khiếp thì chàng nhìn thấy một đĩa xôi. Xôi cứng như đá nhưng dù sao vẫn là xôi, và sau một tiếng thở dài bi đát, thầy A.K. cũng chấp nhận nửa non, nửa già nhường cho đệ tử; thực ra đồ ăn mà phu nhân A.K. liệng ra mâm cho thầy ở nhà cũng chẳng dễ xơi gì hơn. Vốn tính thương người, Mười Hai lơ đi chuyện nghệ thuật nhịn đói và kính quỷ thần. Hai thầy trò vừa ăn vừa trò chuyện vui vẻ. Thầy A.K. này

ra ý định ở hẳn lại chốn thâm nghiêm u tịch này, chăm sóc việc thờ cúng và sống cảnh tĩnh tâm siêu thoát. Mười Hai đáp rằng như thế thật hợp ý chàng, chàng rất ghét lao động, chỉ việc thắp ba nén hương và lia vài nhát chổi mà được chén no xôi chuối quả là không dở, “Nhưng thưa thầy, cuộc đời mới của chúng ta sẽ thực sự mở ra với một hòm công đức, vì ngoài thực phẩm chúng ta cũng cần một ít tiền lẻ phải không ạ? Muốn vậy thì miếu này phải được xếp hạng và phong di tích lịch sử văn hóa cái đã. Hiện thời chúng ta chưa biết ở đây thờ cái gì, nhưng em nghĩ là bộ óc uyên bác của thầy thừa sức bịa ra một hồ sơ đầy đủ. Tốt nhất là chúng ta dựng nên một nữ tướng nào đó của Hai Bà, như thế chẳng bao giờ trật, thầy trò mình cũng cần phải giải khuây với ma cái chứ, em tuy dốt nát nhưng cũng từng đọc Liêu Trai rồi”.

“Này Mười Hai, nếu anh muốn tiếp tục làm đệ tử của ta thì nên học cách ăn nói cho chính ngôn một chút, kéo thiên hạ không cười em mà cười ta đấy”, thầy A.K. mắng. “Vâng thưa thầy A.K. kính mến, em sẽ cố gắng chính ngôn. Trong một số tình huống hiểm nghèo, vì sợ thầy nghĩ quẩn nên em vội dùng cách ăn nói bình thường cho dễ hiểu. Nhưng khi ta đã bình yên tọa lạc rồi, em sẽ triển khai ngôn từ mỹ lệ ạ”.

Hai thầy trò đối đáp như thế một hồi, rồi cả hai cùng lăn ra ngủ ngon lành trên phiến đá lớn.

Khi tỉnh dậy, thầy A.K. thấy mình đối diện với một đám đông vài chục người, lạ hoắc, lặng ngắt, toàn những gương mặt và hình dáng mà thầy chưa từng mục kích trong suốt cuộc dẫn thân vào đời thường ở thành phố của thầy.

Trông họ hiển nhiên là lam lũ, chẳng được ai chăm sóc, nhưng đám người lam lũ ở thành phố ít nhất cũng có được một vài biểu hiện tự chăm sóc lấy bản thân trong cái cách để dài móng ngón tay út và đeo linh tinh vòng xuyến bằng nhựa chẳng hạn, còn đám người này thì không biết đến tự chăm sóc nữa. Dường như họ chẳng liên quan gì đến bản thân họ, và nếu bị một người lạ mặt gọi đích tên, thì họ sẽ ngơ ngác nhìn quanh thật lâu, như thế chằm chằm nhìn hai thầy trò. Thoạt đầu, thầy A.K. vẫn nằm nguyên trên phiến đá, chỉ lặng lẽ mở to mắt xem những hình người xiêu xiêu im lìm kia có hiện thực không, vì người thật không thể xiêu xiêu một cách tập thể như vậy. Lúc ấy trời đã xẩm tối, cảnh nhá nhem lại càng làm cho tất cả thêm phần kỳ dị. Thầy thâm duyệt lại Bồ Tùng Linh, thấy số lượng hồ tinh thể này chưa từng được

nhắc đến. Thày bèn vỗ trán, véo vào đùi mình một cái rồi ngồi dậy. Đám người xiêu xiêu im lìm trước mặt thày vẫn không nhúc nhích. Thày tụt khỏi phiến đá, tiến lên ba bước, giơ tay sờ thử gương mặt gần nhất. Nhưng lập tức thày vội rút tay về, vì cặp mi trên gương mặt ấy khẽ chớp một cái, đồng thời đám đông lùi phắt lại và một đứa trẻ khóc ré lên nghe rất kinh hoàng. Thày chợt nhận ra toàn bộ đám đông ấy đang sợ hãi, như chính thày cũng sợ hãi, thế là tất cả cùng sợ hãi, thật điên rồ. Đám người bắt đầu xì xầm. Một người đề nghị: “Phải gọi công an thôi”. Một người khác đề theo: “Hay là đem nộp cho ông chủ tịch».

Một người khác lại can: “Thôi cứ để cho Người trị”. Ý kiến cuối cùng này có vẻ sáng suốt hơn cả, nên mấy chục cái miệng đồng thời hòa nhịp: “Để cho

Người trị! Để cho Người trị!» Và những gương mặt bất động giống hệt nhau kia phút chốc bùng lên sinh động trong thứ ánh sáng của nỗi kinh sợ trộn lẫn phần kích khiến thầy A.K. thót tim.

Tiếng ồn ào đánh thức Mười Hai. Thầy A.K. còn kịp thấy đệ tử của mình nháy xỏ vào giữa đám đông trước khi thầy gần như ngất đi bởi một cơn đau từ bụng cuộn lên đến óc, từ óc lui về bụng, rồi lại từ bụng dâng lên, cứ như thủy triều. Thầy nôn ra một đồng khủng khiếp rồi nằm vật ra đó trong tình thần chờ chết, vì nếu các samurai Nhật Bản hy sinh bằng cách mổ bụng moi gan ruột ra ngoài thì thầy làm sao sống nổi sau khi đã ọe sạch lục phủ ngũ tạng ra qua đường mồm? Chắc linh hồn thầy chỉ còn nấn ná thêm vài sát-na nữa trong cái xác rỗng tuếch, rồi nó sẽ đi vào khoảng khô-

ng. Ôi, vậy mà đúng giây phút trọng đại này, thầy lại không nghĩ ra được một câu nói nào đặc sắc, người ta bắt tử chủ yếu nhờ ở lời cuối cùng, ôi, thế là hỏng hết cả! Quá khổ tâm vì tình cảnh u ám này, thầy A.K. bưng mặt khóc, và khi Mười Hai với tay lay thầy thì thầy càng khóc to hơn vì tưởng cuối cùng thân chết đã đặt tay lên thầy. “Xin ông làm ơn cho tôi thêm vài phút”, thầy van vỉ và càng tuyệt vọng, bởi phu nhân A.K., toàn phần mỡ gà và bôđê, một tay nắm mớ rau bí, một tay nắm củ tỏi, bỗng đầu lù lù hiện ra choán ngang đầu óc thầy, mà khi nàng đã xuất hiện thì thôi chớ mơ tưởng đến những ý nghĩ cao siêu đặc sắc. Thế là thầy đầu hàng và bảo: “Tôi đã sẵn sàng theo ông».

“Ôi thầy ơi, đừng xưng hô với em như thế nữa. Ta phải đi ngay khỏi đây,

chứ cứ sẵn sàng suông như vậy thì ích gì”. Mười Hai sốt ruột xốc nách sư phụ dựng dậy.

Thầy A.K. ngỡ ngàng mở mắt. “Mười Hai, em đấy ư? Ông ta đâu rồi?” thầy hỏi.

“Ai cơ ạ?”

“Thần Chết. Ta vừa gặp mặt ông ta».

“Khổ thân tôi chưa, mới đau bụng sơ sơ mà đã làm như chết ngay, mà cái đám sĩ tử này còn sống dai hơn cỏ ấy chứ!»

“Mười Hai, em lắm bầm cái gì thế? Chúng ta đang ở đâu?»

“Thưa thầy A.K. kính mến, em chỉ nguyên rửa đĩa xôi và nguyên rửa cái buổi sáng chết tiệt hôm nay khi em gặp thầy ở đầu đường cạnh quán nước thôi ạ. Bây giờ thì chúng ta đang ở trong một

ngôi miếu thờ Ông Rắn mà dân bản xứ cung kính gọi là Người. Người có nhiều ngón trũng phật lắm, còn chúng ta lại xoa sạch đồ cúng, ngủ lắn quay trên bàn thờ và rắp tâm biến hang ổ của Người thành chốn thanh lâu cho hai tay lưỡi lao động và một mục nữ tướng không hề đánh trận nào. Chúng ta muốn siêu thoát thì sắp được bắt đầu cuộc đời mới ở thế giới bên kia đến nơi rồi đấy. Không biết hôn vía thầy hiện nay ở đâu, chứ hôn vía em thì đã trút cả vào kia rồi”, Mười Hai vừa nói vừa chỉ tay vào đồng nôn thứ hai, nhỉnh hơn đồng của thầy A.K. một chút, vì chàng đã dùng hết nửa già.

“Ta nhớ ra rồi. Thế còn những người... xiêu xiêu? Họ là người hay là ma?»

“Dạ là người ạ. Dân vùng này đói quá chân đi không vững nên trông mới xiêu xiêu như thế. Đầu tiên họ định trói

chúng ta giải lên xã vì sợ Người nổi giận giáng họa xuống đầu họ, nhưng sau thấy thầy trò ta đã bị hành đủ, họ mới vui lòng bỏ đi”.

Thầy A.K. tần ngần bày tỏ lòng thương cảm với người dân xứ này, nhưng Mười Hai kiên quyết yêu cầu thầy trước hết hãy thương lấy bản thân bằng cách mau mau rút khỏi chốn thiêng liêng này, chàng bảo bây giờ thì chàng biết tin ngưỡng nguy hiểm như thế nào và hiểu vì sao chủ đề số một của các kẻ sĩ lại là Thượng Đế. Thầy A.K. đính chính, Thượng Đế của họ không giống Ông Rắn này, sự khác nhau là ở chỗ đã có hàng vạn cuốn sách nói về Thượng Đế nhưng chưa có cuốn nào về Ông Rắn. Mười Hai đáp rằng cuối đời chàng sẽ viết một cuốn để hai vị thần này có phương tiện xích lại gần nhau, muộn còn hơn không. Hai

thầy trò vừa tranh luận vừa chạy trốn.
Bóng tối xung quanh đã buông dày.

VỀ SỰ KIẾN ĐÁNG KỂ THỨ HAI TRONG CUỘC PHIÊU LƯU

CỦA HAI THẦY TRÒ: CÁI CHẾT KHÔNG BÁO TRƯỚC

Chạy được chừng ba cây số, chắc đã qua khu phận cai trị của Ông Rắn thiếu khoan dung kia, hai thầy trò quyết định dừng lại tìm chỗ ngủ đêm. Thật may cho họ, trước mặt vừa lúc có ánh đèn, đấy là nhà của một cặp vợ chồng nông phu mới cưới nhau chưa đầy tháng. Thấy hai người thành phố trong tình trạng tả tơi vì đói khát và bị xua đuổi, họ vội vã bày tỏ một lòng hiếu khách nồng nàn, khiến thầy A.K. và đệ tử lập tức quên sạch mọi gian lao và thử thách trong suốt ngày phiêu lưu đầu tiên của mình. Thầy A.K.

khẳng định rằng cuộc đời về cơ bản là đáng sống; Mười Hai đáp rằng người ta thường bảo tuổi trẻ thiếu bình tĩnh, nhưng với tất cả sự sốc nổi và dốt nát của mình, chàng không vội tìm đến cái chết chỉ vì một cơn đau bụng, dù nó vĩ mô như thủy triều, và cũng không vội tụng ca cuộc đời, chỉ vì dưới bếp gia chủ đang thịt một con gà, nhưng dù sao chàng cũng đồng ý rằng bước ngoặt bất ngờ này của cuộc đời là rất dễ chịu.

Thầy trò tán thành nhau xong thì đi rửa mặt. Vừa đề mê hít thở cái mùi thơm của đất trong nước giếng khơi, thầy A.K. vừa lâng lâng nghĩ người ta quả như chim, Thượng Đế quả là một thực thể có cánh. Buổi sáng còn bế tắc là thế, còn dùng dằng chẳng dứt, tưởng sẽ chết chìm trong vũng mớ hôi cá nhân ấy, tưởng sẽ cháy bạc phếch rơi bần thủ như tàn

thuốc quanh cái bàn thấp lè tè ấy và mọc lông mọc lá trong những cuộc đàm luận quen thuộc đến phát rùng mình ấy. Vậy mà bây giờ tất cả những điều đó đã lùi xa, còn xa hơn cả khoảng cách giữa thầy và vợ thầy, phu nhân A.K.. Bây giờ, thầy thấy ánh điện thành phố sao mà trơ trẽn, nhà cửa thì phô trương vô dụng, không khí thì đặc quánh ô trọc, nước máy thì tanh, người ngợm thì ngay đuồn đuồn, và nếu không giật mình nghĩ đến cơn đau thủy triều thì thầy cũng bất giác tập đi xiêu xiêu.

Không cần nói chúng ta cũng biết bữa cơm hôm ấy, gồm nguyên một con gà luộc và lòng nấu canh bánh đa là bữa tiệc thịnh soạn nhất đời hai thầy trò như thế nào.

Bà chủ tuy có cái tươi thắm của tuổi hai mươi, da thịt ngà ngọc bứt tung ra ở

những đường chỉ khâu và cúc đơm khiến Mười Hai cứ liên tưởng đến một quả dưa bở, nhưng thực sự chỉ là một người đàn bà nhà quê bình thường, hơi vụng về, trả lời một câu hỏi của khách bằng tiếng cười khúc khích, vậy mà trong con mắt của thầy A.K. nàng khác nào một tiên nữ, loại tiên thơm ngát hương đồng nội, thoăn thoắt chân trần, thanh tân, lành mạnh. Đặt cạnh nàng, phu nhân A.K. có vẻ một bát phở lỏng bông vằng vặc, còn nữ ký giả Kiều Mai thì như thứ nước mắm ớt vừa mặn vừa cay xè. Thầy A.K. lập tức phong cho nàng là Nàng Thơ của mình và bắt đầu nói năng hoa mỹ đến mức vốn quen với những lời mây mù của đám kẻ sĩ mà Mười Hai cũng phải rụng rời. Khi đưa bát cho nàng xới, thầy bảo: “Không biết kẻ thất phu, kẻ lữ hành, kẻ vong thân khốn khổ này có được cái điểm phúc cảm thấy những hạt cơm

trắng trong ngà ngọc kia lấp đi khoảng trống buồn thảm trong người không? Và không biết đôi bàn tay còn tinh khiết hơn cả những hạt cơm kia nghĩ gì, chờ mong gì?” Và khi đưa một đùi gà lên miệng, thầy bảo: “Hỡi người anh em vinh quang, lương tâm của mỗi ban mai, kẻ đánh thức nhân loại không mệt mỏi từ những đêm dài tăm tối, từ những cơn ác mộng và những giấc mơ hảo huyền, hãy vào với ta và chớ ưu phiền, vì quả thật ta nói cùng người, kẻ đến sau người còn mạnh gấp trăm lần”. Thấy vậy, Mười Hai vội giới thiệu với gia chủ về tiếng tăm lừng lẫy của thầy A.K. ở Hà Thành. Người chồng là một nông dân nhút nhát thật thà, nghe thấy thế thì cảm kích thán phục lắm. Anh ta luôn tay rót đầy chén hai thầy trò và lặp đi lặp lại rằng “cái vinh dự này thật to lớn quá, có gì xin các giáo sư bỏ quá cho vợ chồng tôi quê mùa”, và

tha thiết mong “các giáo sư hãy coi đây như nhà của mình”.

Nhà chật, gia chủ khẩn khoản nài ép hai thầy trò ngủ đêm trên chiếc giường cưới chưa hủ hết mùi gỗ tươi của họ, còn họ thì lui về cái buồng vốn dùng để chứa thóc khoai và vắt quần áo cũ. Nhưng khi thầy A.K. và đệ tử vừa yên chỗ thì người chồng ăn mặc chỉnh tề tay xách chiếc đèn bão nhỏ đến xin lỗi vì anh ta có việc đột xuất phải đi gấp sang xóm bên, “Xin các giáo sư chớ bận tâm mà cứ tự tiện”.

Trong buồng, thiếu phụ trẻ chong đèn chờ chồng. Sau tấm riđô vải hoa pha nilông, giữa thầy A.K. và đệ tử diễn ra cuộc trò chuyện thì thâm sau đây:

“Này Mười Hai, xưa nay ta vẫn ước ao một cuộc đời nông phu bình dị:

Một cày, một cuốc thú nhà quê

Áng cúc lan chen vãi đậu kê

Khách đến chim mừng hoa xẩy động

Chè tiên nước kín nguyệt đeo về

Có lẽ thầy trò ta nên ở hẳn lại chốn này và bắt đầu cuộc đời mới của ta thôi”.

“Thưa thầy, em cũng thích thế lắm, nhưng đây xem ra không phải là vùng kinh tế mới, ở đây thước đất nào cũng có người cày cuốc rồi. Sáng mai chúng ta nên dậy sớm tạ ơn ông bà chủ rồi rút lui ngay trước khi họ kịp hiểu rằng chúng ta chỉ là hai gã ăn bám vô tích sự mà thôi. Vỡ mộng đối với chúng ta là chuyện cơm bữa, nhưng với họ thì nguy hiểm lắm. Em sợ chúng ta sẽ làm tan nát cuộc đời họ mất».

“Chà Mười Hai, em không hiểu gì về lòng mến khách chất đầy, giọng thì cứ bèn bẹt ra, mông đánh vù vù, hở ra câu nào vô duyên câu ấy. Nhưng thưa giáo sư, thế thì chúng ta đành hy sinh cuộc đời nông phu bình dị ở đây à?»

Ý kiến đó buộc thầy A.K. phải thở dài một cái và thầy hy vọng Nàng Thơ ở trong buồng cũng nghe được tiếng thở dài ấy. Nhân đây tôi cũng xin lưu ý bạn đọc là thầy A.K. có rất nhiều kinh nghiệm về tình ái, nhưng đây là thứ tình ái quan liêu, chỉ trên giấy tờ là chính. Thầy bàn về chuyện yêu đương xem ra sành sỏi lão luyện lắm, các em hiện ra dưới mọi góc cạnh, và biết bao bài thơ tình của thầy đành nằm cứng trong ngăn kéo vì chúng quá táo bạo đối với nền thi ca đoan trang đương thời. Còn thực tế, ngoài phu nhân A.K. mà từ sau đứa con

thứ ba thầy không hề ghi nhận là khác giống, trong cuộc đời đa tình của mình thầy cũng đã gặp nhiều người nữ, nhưng thầy hoàn toàn thỏa mãn với những lời bóng gió mơn man, những cái liếc mắt sấm chớp, những cái mân mê trên đôi tay và thỉnh thoảng là những cái hôn nhẹ. Một lần duy nhất thầy thực sự ăn nằm với một người tình, để hai bên có cảm giác thuộc về nhau, nhưng sau đó hai bên vội chia tay ngay, cô nàng không giấu sự thất vọng trong khi thầy đã quen là thần tượng của bao người. Dần dần, thầy đi theo xu hướng đa tình một cách thanh khiết, và chúng ta có thể hiểu vì sao đêm hôm ấy thầy A.K. chạy tịnh lại xúc động đến thế: Nàng Thơ của thầy ngoài phạm sự khơi gợi hồn thơ, đấy là chuyện đương nhiên, nếu không nàng đã chẳng là Nàng Thơ nữa, bỗng đâu lại đánh thức thẳng đàn ông trong thầy, nàng quả là có

phúc lạ hơn mọi người nữ.

Trong buồng, đèn vẫn sáng. Trên chhiếc giường cưới và ý thức danh dự của những người nông dân cả. Nếu chúng ta bỏ đi, họ sẽ đau khổ vì cảm thấy bị xúc phạm. Thế mới chính là làm tan nát cuộc đời họ đấy”.

“Thôi thì chẳng nào cũng tan nát. Em không đứng ra mà cải tạo thế giới được, nhưng em xin thầy đừng làm cho cô ta tưởng mình hơn là cái cô ta đang có. Được như vậy thì em sẵn sàng ở lại đây ba ngày, quá nữa là chúng ta bốc mùi đấy”.

“Cô ta nào?”

“Trời ơi, Nàng Thơ của thầy chứ ai”.

“Ồ, phải nói là nàng đã làm ta xúc động ghê gớm. Một cái gì ta chưa từng

gặp, một cái gì thánh thiện, phúc lạ hơn mọi người nữ, nhân lành vô cùng, hằng sáng vô cùng...”

“Thưa giáo sư, dù sao đây cũng chỉ là một con vịt cái đã thuộc về người ta rồi. Quả thật em cũng chưa gặp một cái gì thơm ngon hơn thế; trong khi giáo sư tập trung ca ngợi đôi tay ngà ngọc của nàng thì em phát hiện ngay một số chỗ khác còn đáng ca ngợi hơn, và anh chồng si tình lại còn biết hơn chúng ta nhiều chỗ nữa, nhưng tất cả cũng chỉ có thế, và chừng ấy là đủ cho nàng mãn đời yên vui rồi. Em sợ rằng cứ nghe thầy nói nhảm thì chỉ sau ba ngày là cô nàng sồn sồn lên đòi giải phóng phụ nữ, xong lại đóng cửa thủ dâm, thật phí của trời”.

“Mười Hai! Ta không ngờ con mắt của em lại phạm tục, và miệng lưỡi thì độc địa đến thế. Nàng sẽ là một Madame

Bovary, một Anna Karenina”.

“Thầy cứ nói tiếng Tây như thế thì em chịu. Nếu thầy nhất định muốn biến nàng thành một phu nhân quý phái thì chúng ta phải tổ chức bắt cóc nàng mang về Hà Nội thôi, ở đó đây rẫy những tiên nữ thôn quê thoát hóa biến chưa hết mùi gỗ tươi, Mười Hai đã lập bập nói mê, chỉ còn thầy A.K. với nỗi thao thức, bên này thì những vần thơ ca về tiên nữ tinh khiết trong trắng, bên kia thì bộ ngực ra ngực chứ không phải một nhúm điều toa như thường thấy ở thành phố, thật là trĩu nặng hai vai. Giá nàng ra sân tắm đêm và gió khuya làm nàng rung mình, giá nàng trở người cốt kết chống tre, giá nàng đăng hăng lên vài ba cái thì sự thể đã khác. Nhưng đèn trong buồng sáng im lìm suốt đêm, nên lúc nào đó thầy A.K. đẩy tế nhị của chúng ta cũng

bỏ nàng đó đi vào giấc ngủ mà thầy rất đáng được hưởng sau một ngày đầy áp sự kiện.

Không cần nói chúng ta cũng biết đây là giấc ngủ êm đềm nhất đời thầy A.K. như thế nào, nó báo trước rằng sáng hôm sau thầy không hề thấy cần thiết phải biến thành con gì nữa. Những ám ảnh lừng danh của thầy thế là kết thúc.

Nhưng các sự kiện khác mở ra.

Đầu tiên là một ban mai lạ lùng, cũng có mấy giọt nắng sớm dịu dàng lọt qua những lỗ thủng nào đó trên mái, chim cũng lú lú, và thầy A.K. đã mơn man hình dung mình sẽ đạp trên sương dạo chơi vườn tược, suýt nữa thì thầy ngâm váng lên hai câu thơ:

Tam thập dư niên trần cảnh mộng

Sổ thanh đề điều hoán sơ hồi

Nhưng thầy còn chờ một tiếng gà, chờ mãi, một tiếng gà ra gà chứ không phải cái chuối thất thanh lụp bụp đầy mặc cảm rổm của đồng hồ báo thức hiệu con gà. Thế rồi, không phải tiếng gà mà một tiếng rú rùng rợn cất lên. Mười Hai nhào ra cửa, còn thầy A.K. chui tọt xuống gầm giường giữa những đôi guốc và chiếc bộ nhạ. Một thế kỷ dằng dặc trôi qua, thầy rón rén ra ngoài. Năng sớm vẫn dịu dàng, chim vẫn riu rít. Trong bếp, Nàng Thơ của thầy nằm trên nền đất, mái tóc rục rở xõa tung và áo xống mở toang, trên nàng là đệ tử thứ mười hai của thầy đang hăng hái xoa bóp. Nhưng thầy không có thời gian đặt câu hỏi về cảnh tượng ấy, vì một cảnh khác gây ấn tượng hơn đập thẳng vào mắt thầy: từ trên cao, lủng lẳng nơi một sợi giây thừng lớn vắt qua

xà bếp, người nông dân chủ nhà trừng trừng nhìn thầy, một cái nhìn đầy khổ đau buồn bã. Anh ta đã chết.

Thầy tìm lại vị trí của mình giữa những đôi guốc và chiếc xô nhựa, rồi thầy bị kéo tuột khỏi đó ra tận ngoài đường. Hai thầy trò chạy thục mạng chừng mười cây số thì dừng và Mười Hai kể vắn tắt câu chuyện mà chàng đã chấp nhận được từ những lời lấp bắp của Nàng Thơ khi nàng tỉnh lại. Chẳng qua anh chồng cho rằng các giáo sư thích vợ mình nên kiếm có văng mặt để các giáo sư có thể tự tiện, nhưng lòng ghen hành hạ, anh ta đi loanh quanh đến gần sáng thì mò về tự tử.

“Nhưng chúng ta có làm gì nàng đâu?” Thầy A. K. cãi. “Làm cái con khỉ! Đáng lẽ phải tổng cổ ngay các giáo sư ra khỏi cửa thì hẳn lại tự treo cổ mình!

Thầy gọi cái đấy là lòng mến khách và ý thức danh dự của người nông dân phải không?”

“Ôi, ta đâu ngờ con người có thể ngu muội thế!”

“Tất cả chỉ tại thầy thôi, người ta chất phác, mà mình thì cứ “đôi bàn tay tinh khiết kia nghĩ gì chờ mong gì”, hèn nào hấn không tưởng thầy tán vợ hấn, rồi lại còn “kẻ đến sau người còn mạnh mẽ gấp trăm lần”, hèn gì hấn không mặc cảm trước các vĩ nhân là hấn chẳng xứng với nàng. Đúng là nghe mấy vị chỉ đâm đầu vào chỗ chết. Giết người không dao đấy thầy ạ”.

“Ôi, lỗi tại ta, lỗi tại ta mọi đảng! Ta phải giúp nàng! Ta phải giúp nàng!”

“Giúp cái con khỉ! Mẹ kiếp, đảng nào

hắn cũng chết rồi mà cô ta chẳng nhận mặt được các giáo sư đâu. Trong tay ta lại không có một xu. Thầy định đến để rửa vài giọt nước mắt trong vắt ư? Hay để tuôn thêm dăm lời mây mù? Rồi sau đó thì ngồi tù! Em mà đứng ra khênh tội thì phen này thầy lãnh chung thân!”

“Vậy ta phải làm gì?»

“Ồ, ta nên bắt đầu một cuộc đời nông phu bình dị

Chen chúc lợi danh đà chán ngắt

Cúc, tùng, phong, nguyệt mới vui sao!

Đúng là phong nguyệt nhé”.

“Thôi đi Mười Hai, đừng quên là em cũng đồng lõa trong vụ này đấy. Thực ra chỉ có sự ngu muội của con người là đáng tội thôi. Lỗi của chúng ta là đã đến

nhầm thế kỷ... Ôi!

Vì lòng dân này đã đặc

Tai họ đã nặng

Mắt họ đã nhắm

Và ta chữa lành họ chăng?»

“Thầy đã trích Kinh Thánh thì em cũng trích: «Song ta nói cùng các người, hễ ai ngó đàn bà mà động tình ham muốn, thì trong lòng đã phạm tội gian dâm cùng người rồi».»

Hai thầy trò mãi cãi vã như thế thì trước mặt hiện ra một ngã ba. Thầy A.K. lại trích dẫn: “Hãy vào ngõ hẹp, vì ngõ rộng và đường lớn dẫn đến sự hư mất, kẻ vào đó thì nhiều. Song ngõ hẹp và đường chật dẫn đến sự sống, kẻ tìm được thì ít».

Thế là họ nhằm con đường chật hẹp
lầy lội nhất mà đi.

VỀ CUỘC CHIẾN ĐẤU CỦA HAI THÀY TRÒ

CHỐNG LẠI NHỮNG TÊN CƯỚP

Tôi sẽ không kể tỉ mỉ sự kiện này, vì đến đây chắc độc giả khôn ngoan đã thừa sức hình dung, thầy A.K. mà đánh nhau với những tên cướp thì sự thể sẽ ra sao. Kẽ sĩ Hà Thành thích chuyện anh hùng võ hiệp lắm, thiếu đi phần đấm đá thì hình ảnh lý tưởng của họ là một đấng quân tử trường đời giảm đi nhiều thi vị và tính thuyết phục. Vì thế tôi dành sẵn mục này để độc giả tùy sức tưởng tượng và tùy quan niệm của mình về các môn phái võ thuật phương đông mà tự do điền vào. Tôi chỉ xác định trước một điều là, kết cục thì hai thầy trò máu me be bét

đi nhau đi tiếp trên con đường chật hẹp và lầy lội mà họ đã tự chọn.

VỀ VIỆC THẦY A.K. CHỮA BỆNH VÀ DẠY HỌC

Ở làng tiếp theo, thầy A.K. và đệ tử được dân làng thán phục lòng can đảm và chăm sóc tận tình. Tuy các vết thương chỉ ở ngoài da, nhưng hai thầy trò đã kiệt sức nên quyết định lưu lại đây một thời gian. Nhân trường làng vừa phải đóng cửa vì giáo viên phụ trách đã bỏ việc đi buôn chuối tiêu lên biên giới, thầy A.K. bèn xung phong vào thế chân. Thế là thầy lên bục giảng bài, Mười Hai thì quét sân và đánh trống.

Từ trên bục nhìn xuống, thầy A.K. thấy xúc động trào dâng. Chưa bao giờ thầy có được một cử tọa như vậy. Đó là những đứa trẻ như tờ giấy trắng, thầy sẽ

viết lên đó những dòng không thể phai mờ, thầy sẽ rót vào những cái mồm há hốc kia toàn bộ tri thức siêu việt của nhân loại, thầy sẽ đi đi lại lại, chấp hai tay ra sau, quay sang trái, quay sang phải, xoa lên những cái đầu đầy chấy và cắt trâu kia để chúng thấy thầy hoàn toàn là một người bạn đáng tin vậy, ánh sáng sẽ bùng lên trên những gương mặt bất động hao hao nhau đang ngậy ra ngăm thầy kia. Ôi, quả thật nước trời thuộc về những kẻ giống như chúng nó. Thầy bèn mở đầu:

“Các em thân mến, ta chúc mừng các em đã tới đây, đặt chân lên ngưỡng cửa của thế giới tri thức! Ôi, đây là một thế giới huyền diệu, bao dung và khe khắt, rực rỡ và tối tăm, vô tận và hữu hạn, cứu rỗi và đọa đày, nâng đỡ và cám dỗ, ngào ngạt hương thơm và bốc mùi xú uế, say

đắm lòng người và ngao ngán lòng người, nhẹ như cánh chim và nặng hơn tảng đá, trong suốt và mờ ám, bình dị và rắc rối muôn phần, thiện và ác, chân thành và lừa mị, niềm nở và vô tình, ngoan ngoãn như bồ câu và bất kham như bò tót, thực như áo cơm và ảo như hình bóng ma trơi, thẳng tắp và vòng vo, vô hình và hữu hình, ngọt ngào đầy mà cay đắng đầy, thương mến ta đầy rồi phụ bạc ta đầy, cởi mở và lạnh lùng, êm ru và đầy cạm bẫy... (Thầy A.K. còn dùng nhiều cặp đối xứng độc đáo khác để diễn tả sự huyền diệu của thế giới tri thức, nhưng chúng ta không tiện kể hết). Chinh phục được thế giới ấy hay không, tất cả phụ thuộc vào các em, ta chỉ là con thuyền đưa các em đi một trăm mét tắt yếu ban đầu, rồi các em sẽ bỏ thuyền mà đi tiếp, và một khi nào đó, các em sẽ nhớ lại buổi hôm nay, như nhớ đến cú đạp đầu tiên trong

bụng mẹ. Ta không thể biết cái gì sẽ chờ đón các em, vì bản thân mỗi con người chúng ta đã là một ẩn số với chính mình. Bắt đầu từ hôm nay, nhiệm vụ của ta chỉ là khiêm nhường dắt tay các em vượt qua ngưỡng cửa mở vào thế giới huyền diệu ấy. Hy vọng rằng sự hợp tác của chúng ta sẽ thành công, và các em hãy chứng tỏ mình là những hạt giống tốt nhất được gieo cho một mùa gặt mai sau».

Đến đây, trống đánh “thùng” một cái, rồi tiếp theo là một hồi ròn rã hào hùng. Đám trẻ vẫn ngồi chết lặng trên ghế vì phần lớn đều đã đái ra quần từ lúc nào. Khi thầy cúi cái đầu quần bằng trắng chào tạm biệt và bước ra ngoài thì đứa trẻ cuối cùng được thầy chiếu tướng thật lâu để đặt mọi hy vọng về sự hợp tác và mùa gặt òa lên khóc. Mười Hai năm nhỏ đón thầy và hỏi thăm về kết quả ban

đầu của công cuộc khai hóa văn minh.

“Ồ, rất khả quan, rất khả quan. Ta cho rằng ta đã gây được ấn tượng. Nhưng này Mười Hai, sao em đánh trống sớm thế, còn lâu mới hết buổi cơ mà?”

Mười Hai đáp rằng bản thân chàng chỉ nghe thầy nói năm phút là đã hoa mắt chóng mặt, đám trẻ khốn khổ kia giỏi lắm chịu được mười phút, nên buổi học của họ sẽ kéo dài tối đa mười phút hàng ngày; sự thông thái và tài năng sư phạm lỗi lạc của thầy có thể tóm tắt hàng thế kỷ quá chậm chạp trôi qua của nhân loại trong vòng mười phút lắm chứ.

“Vậy thời gian còn lại chúng ta sẽ làm gì?»

“Ồ, văn hóa giáo dục thường đi kèm với y tế, thiếu một trong hai thứ ấy là

chúng ta cống hiến lịch. Ta sẽ đi chữa bệnh thầy ạ”.

Thế là hai thầy trò xông vào nhà nông dân tìm kiếm bệnh tật. Có thể nói là họ không mất công tìm lâu, vì muôn hình vạn trạng của bệnh tật lập tức phơi ra trước mắt họ, chỗ nào cũng có vi trùng, nhan nhản mọi nơi là tiếng kêu than của sức khỏe, công việc thật đủ cho nhiệt tình cống hiến đang độ cháy bỏng của họ. Người ta suy dinh dưỡng và toét mắt, người ta ngứa ngáy và đau bụng ỉa chảy, người ta lên sởi, người ta động kinh, băng huyết và uốn ván, tê thấp và đậu mùa, trúng gió, cấm khẩu, giun sán, còi xương, ngớ ngẩn, đau ruột thừa, lên nọc, cả tin, bấu cổ, ung thư, cảm cúm, u mê, sâu răng, đái rắt, ho lao, phù thũng, quáng gà, tuyết tị, thối rữa linh hồn, rụng tóc, mê sảng, bội thực, thối

mồm, táo tinh, táo bón, biếng ăn, thiếu máu, sốt rét, nói nhịu, cười vô cớ, quai bị, tim la, tim to, thoái hóa cột sống, sợ ma, chảy máu não, cuồng dâm, sỏi thận, chán đời, bạo phổi, rối loạn kinh nguyệt, ra mồ hôi trộm, teo cơ giả phì đại, ngất, hủi, liệt, mù, câm... (Thầy A.K. còn tìm ra nhiều căn bệnh khác, chúng ta không tiện liệt kê hết). Trong mọi trường hợp, thầy đều chăm chú bắt mạch, phán rằng “Chân thận suy”. Với những ca phức tạp hơn, thầy phán thêm “Âm dương lộn xộn, khí huyết kém thông”. Với những ca đặc biệt phức tạp, thầy bảo “Bất ngoại nhiệt, hàn, biểu, lý, hư, thực”. Toa thuốc của thầy gồm ba vị: yoga, nước lã đun sôi để nguội và cao con hổ. Tuy thầy kê hàng hà sa số những xa tiền, can khương, nga truật, thương nhĩ tử, tỳ giải, mê giác, bồ hoàng, khâu dẫn, thông căn, sung uất, hà thủ ô, mộc miên, đại toán, bạch cương

tâm..., nhưng đến khi cho thuốc rút lại cũng chỉ ba vị đó thôi, cho mọi căn bệnh. Mười Hai khoái trí vì sự uyên bác của thầy quá, cũng toan học thuộc lòng tên những vị thuốc lắt léo kia để có nghề kiếm sống, vì món sữ học của chàng chẳng dùng vào đâu được. Thầy bảo: “Này Mười Hai, ta hẹp hòi gì mà không truyền nghề cho em, song cứu bệnh như cứu hỏa, dùng thuốc tựa dùng binh, vấn đề là phải mưu trí và dũng cảm. Em cũng có vẻ dũng cảm đấy, nhưng còn vô mưu. Và điều lớn hơn hết là phải có đức tin. Đức tin chỉ bằng hột cải cũng đủ khiến phong, lao, cổ, lại phải rời xa. Ta sở dĩ cho dân chúng ba vị thuốc tâm thường kia vì chúng chẳng hại gì, mà nếu kiên trì theo đuổi, đức tin ngày một lớn, thì lập tức khỏi bệnh”.

Sang ngày hôm sau, chỉ có dăm đứa

trẻ mặt mũi nhớn nhác bị phụ huynh áp tải đến trường. Một người nói trước, rồi tất cả cùng hòa vào nói giống hệt, rằng “cháu nhà tôi nó dốt toán lắm, mong thầy kèm cho”. Thầy A.K. hơi bực mình, những người nông dân này làm như trên đời chỉ có toán là môn đáng học, làm như không biết cha ông họ bắt đầu bằng mỗi tam tự kinh mà thôi. Nhưng ý dân là ý trời, trong mười phút đồng hồ, thầy ngợi ca từ số cơ đến số ngẫu, từ số sinh đến số thành, số pi và số vô cùng, số không thấu tóm cả nhân sinh quan lẫn vũ trụ quan, ẩn số x cực kỳ nan giải, thầy ngợi ca số đất và số trời, số mệnh và số thập phương, số Ả Rập, số La Mã, số Trung Hoa, vạch đứt vạch liền, số tự nhiên chẳng bao giờ đứt, thầy ngợi ca vi phân và tích phân, các định luật và các hằng đẳng thức đáng nhớ, lượng giác và hình học, đại số học và địa hình học, xác suất

và thống kê... Nếu trống của Mười Hai không đánh “thùng” một cái, thì chúng ta không thể đuổi kịp đối tượng ngợi ca của thầy.

Lần này lũ trẻ không đái dầm, chúng vọt ra và lui thật nhanh sau những bụi cây và những bờ tường đổ nát. Hoa phượng đỏ rực sân trường. Ve đầu mùa lặng đi trước bi kịch sự phạm của thầy A.K., rồi khi còn lại một mình trên bục giảng, đầu quấn khăn trắng và mặt mũi vẫn tím thâm, giang tay diễn thuyết trong lớp học trống không, với những chiếc ghế dài lặng câm xiêu vẹo, với những hốc bàn thủng đáy, với những viên ngói sẽ rơi..., thì đàn ve dậy lên, để dịu nhẹ nỗi cô đơn quý tộc của thầy. Bài diễn văn của thầy A.K. như sau:

“Hỡi các em, ta đâu nỡ trách vì cha mẹ các em trót say mê môn toán, con

người ta còn có thể ham hố nhiều thứ khác tai họa hơn. Ta không thay mặt nền văn minh mà đến, như thế chẳng hóa ra kiêu ngạo sao, bởi lẽ trong các em đã tiềm tàng một văn minh tối cao, văn minh của sự tồn tại, và tồn tại trong hoàn cảnh nghiệt ngã này phải là một tồn tại mãnh liệt, vậy ta đến để hoàn thiện văn minh đó, bằng cách thổi bùng lên ngọn lửa của tri thức và chân lý, ngọn lửa đã hoài công cháy nơi những đô thành phồn hoa mà chẳng đem lại gì ngoài thiêu hủy con người thành nắm tro tàn dơ bẩn và vô nghĩa. Ta đã thiết tha hy vọng, tại đây, nơi mặt trời mỉm cười từ sáng, và đến tối thì mặt trăng lại mỉm cười, nơi các từ ngữ còn giữ nguyên gốc gác hoang sơ mà đằm thắm, nơi con người luôn cảm thấy một điểm tựa dưới chân là đất mẹ vĩnh hằng, nơi tội lỗi không thể mọc nhanh hơn lúa đồng, ta đã thiết tha hy vọng,

nơi đây, ngọn lửa ấy sẽ sáng soi những phía tốt của con người, sẽ truyền năng lượng cho những tâm hồn bạc nhược, sẽ sưởi ấm những cõi lòng giá lạnh, sẽ tô luyện những bản lĩnh non nớt, sẽ nhẩy múa reo vui cho những tháng ngày trôi qua đỡ tẻ nhạt tầm thường. Ôi, ta đã hy vọng, trời đất này chứng giám cho lòng hy vọng khổng lồ của ta. Nhưng phải chăng ta chẳng được thời? Ngọn gió của ta cô độc quá, mà

Lòng dân này đã đặc

Tai họ đã nặng

Mắt họ đã nhắm

Và ta chữa lành họ chẳng?

Hỡi các em, ta không trách vì cha mẹ các em trót say mê môn toán, chỉ thương vì ta đơn độc kiệt bao...».

Nếu lúc đó Mười Hai không bước vào thì thầy A.K. đã trình bày nốt phần hai của bài diễn văn, trong đó thầy liên tục lau chùi và soi vào những tấm gương của các anh hùng lỗ vận. Đệ tử của thầy an ủi: “Thôi thầy ạ, đừng than thở nữa, thầy còn thiếu gì cơ hội dạy dỗ trong đời”.

Và lúc người ta mang tới cho thầy A.K. một bệnh nhân. Anh ta đi ngoài và đang mệt lả, nên không thể tập yoga được, thầy A.K. bèn truyền cho uống một lít nước đun sôi để nguội và xoa dầu con hổ lên rốn. Anh ta đi ngoài thêm một trận nữa và hai tiếng đồng hồ sau thì tắt thở. Vùng này đang có dịch tả, tiếng kêu khóc trong làng bắt đầu nổi lên bốn bề. Thế là hai thầy trò dựng tóc gáy ôm bụng tháo chạy.

VỀ SỰ KIẾN CUỐI CÙNG: BẦU CỬ VÀ TRUY NÃ

Họ chạy mãi, cho tới khi lại thấy trước mặt một cổng chào, cũng tre cốt đơn sơ, nhưng cờ quạt biểu ngữ chi chít. Xa xa, phong màn phấp phới, nhạc sập sinh, loa phóng thanh inh ỏi. Mười Hai phần chín bình luận:

“Chúng ta sắp đắc chính quả rồi thầy ạ. Từ đầu đến giờ thầy trò mình cứ được ăn rồi lại bị đánh, bị đánh rồi lại được ăn. Lần này ta đã tự đánh mình, chắc sẽ được ăn tiệc”. Hai thầy trò bèn sửa sang lại quần áo, tháo bỏ băng quấn đầu, lấy phong thái ung dung tự tại tiến vào.

Dân vùng ấy đang tổ chức bầu cử, thấy hai người thành phố lạ mặt xuất hiện thì đoán họ từ trung ương xuống. Thế là rối rít, khăn bông, chè thuốc, bánh

trái, e hèm, xoa tay, dạ thưa, kính mời, lại rất vui và rất hân hạnh thăm tươi. Hai thầy trò chưa kịp phân bua đã thấy mình tay phải cầm đũa tay trái cầm bát, mũi thì gí vào một mâm trắng ngầy ngậy thịt lợn luộc, tai rộn ràng những tên tuổi và chúc vụ xa lạ hả hê. Mười Hai thì thầm: “Mọi chuyện sẽ vỡ lở thôi, từ đầu đến giờ chúng ta chẳng làm gì mà không bị lột trần chân tướng. Nhưng đã thế thì phải tranh thủ ních cho căng, có thực mới vực được đạo thầy ạ”.

“Im đi, Mười Hai! Ở ngoài trận mạc, ta chắc em sẽ là một phần tử quay súng trở cờ. Đây có thể là một nhầm lẫn ngẫu nhiên, nhưng cũng có thể là một hé mở của định mệnh. Dân chúng đang chọn người dẫn đường cho họ. Ta chẳng sẵn sàng nhận lấy sứ mệnh cao cả đó sao?»

“Thầy định ra ứng cử?»

“Phải. Ta sợ rằng ta buộc phải làm điều đó”.

“Còn em thì sợ rằng họ đã bầu bán xong xuôi từ mấy tuần trước rồi. Việc của thầy chỉ là đọc một bài diễn văn thiệt mùi, rồi chúng ta chuẩn sớm trước khi bại lộ”.

“Này Mười Hai, ta gần như không thể chịu nổi em nữa. Lúc nào em cũng nhìn cuộc đời bằng con mắt xỉa xói tàn nhẫn thế sao?»

Mười Hai lâu bầu đáp rằng một khi người ta đã gánh hai cái xác chết trên vai trong vòng hai ngày trời, thì vấn đề nhân ái kể như đã được giải quyết. Nhân đây cũng xin nói luôn, là trong suốt cuộc đời dẫn thân vào những vấn đề chính trị văn hóa xã hội gai góc nhất của mình, thầy A.K. chưa từng đi bỏ phiếu lần nào, lúc

thì người ta quên không đưa thầy vào danh sách cử tri, lúc thì thầy bận việc gì đó nhãng đi mất, hơn nữa thầy quan niệm một lá phiếu của thầy chống lại hàng triệu lá phiếu khác nào có ích gì, mà chúng ta lại đang ở trong thời dân chủ, kết cục là thầy A.K. cho đến bây giờ chưa hề biết mặt mũi lá phiếu ra sao và chuyện gì sẽ xảy ra với chúng, thật là nhục nhã cho trí tuệ sáng láng của thầy! Thầy bèn thận trọng gợi ý để Mười Hai tiết lộ kinh nghiệm bầu cử của chàng, vì chẳng lẽ thú nhận với đệ tử cái khiếm khuyết kiến thức đáng xấu hổ kia. Mười Hai cho biết, chàng đã nhiều lần bầu bán bằng cách giơ tay cho người ta đếm, và một lần đi bỏ phiếu kín, lần đó chàng quyết định gạch đi hai cái tên đứng cuối danh sách, vì đảng nào mọi người cũng làm thế, và mọi cái tên đối với chàng đều vô nghĩa như nhau, chàng chẳng

biết người nào là người nào. Thày A.K. sa sầm nét mặt, nuốt không trôi miếng ruột non nữa. Lúc ấy hai thày trò được mời ra “có câu chuyện thân mật với anh chị em».

Anh chị em lặng ngồi trước những chai nước khoáng Kim Bôi, tắm nhất loạt ngâm trong miệng. Một nhân vật thẳng tắp trong bộ giả ký giả màu kem bắt đầu báo cáo các đồng chí như thế là. Như thế là một trăm phần trăm, một trăm phần trăm, một trăm phần trăm đúng kế hoạch, hoàn thành chỉ tiêu, thành công mỹ mãn. Được như vậy là nhờ, là nhờ, là nhờ, trong số đó sáng kiến giao chỉ tiêu về từng gia đình. Để tránh thất thoát những cử tri tiếc một buổi cày hay ngại đến nơi công cộng, một người được chọn bồi dưỡng tư tưởng trước có trách nhiệm thay mặt bỏ đủ số phiếu của các

thành viên khác trong gia đình. Hoan hô. Hai thầy trò cũng sốt sắng vỗ tay. Mười Hai lại thì thầm: “Em đã nói mà! Xong cả rồi! Thầy tuyên dương họ đi rồi mình vù”.

Thầy A.K. vội hỏi, thế không có ứng cử tự do à. Bộ giả ký giả màu kem đáp, việc ấy có ghi trong luật, nhưng thực tế mấy chục năm qua không ai muối mặt đứng ra làm cái việc khinh suất ấy, dân ở đây cũng lành và thiện tâm cả thôi.

“Tôi cần nói chuyện với dân chúng”, thầy A.K. yêu cầu trước cặp mắt van lơn của đệ tử và anh chị em sững sờ. Thầy mở đầu bài diễn văn trước một đám đông hơn trăm trẻ em người lớn vừa bị quây lại như thế này: “Alô, một hai ba, đồng bào thân mến, tôi nói đây nhân danh một bi kịch lớn của con người, đó là bi kịch không được quyền chọn lựa.

Chúng ta sinh ra, rồi chúng ta chết đi, như một ngẫu nhiên hoàn toàn nằm ngoài ý muốn. Có ai trong chúng ta được cái điểm phúc chọn lựa không gian, thời điểm và cách thức mình được ném vào cuộc đời, rồi bị gạt ra khỏi đó như thế nào đâu. Chúng ta hoài công đau đớn và ước mơ, chúng ta đặt muôn ngàn câu hỏi, chúng ta khước từ và nổi loạn, chúng ta tưởng tượng ra kiếp khác, chúng ta bay vào vũ trụ và lặn sâu xuống đại dương, chúng ta bịa ra trong tiểu thuyết những sự sinh tử khác nhau, chúng ta mê mẩn trong những nghi lễ khi một con người ra đời và khi hãn ta xuôi tay nhắm mắt..., tất cả không ngoài cái bi kịch lớn đó, chúng ta biết rằng mình phải chấp nhận nó thôi. Nhưng, hơi đồng bào thân mến, tôi lại nói đây nhân danh một ý chí lớn của con người, đó là ý chí tự quyết định lấy đời mình...”

Cứ như thế, thật lôgích và hùng biện, thật trúng tử những chủ đề sang trọng nhất của kẻ sĩ Hà Thành, thầy A.K. lần lượt làm sáng tỏ vấn đề bầu cử “đang nhức nhối trong những con người giàu lòng tự trọng chúng ta”, thầy giảng về tự do và dân chủ, thầy đi ngược lên thời trung cổ để phê phán gay gắt, thầy vọt sang tận Âu Tây ca ngợi những cuộc bầu cử và trưng cầu dân ý vĩ đại, thầy đậu chót vót trên một tương lai nào đó rất xán lạn, và cuối cùng thầy kêu gọi: “Vậy hỡi đồng bào, sáng danh bi kịch và phản bi kịch, sáng danh một số mệnh tự chọn và một ý thức nắm trọn thời cơ khi nó đang đến, để khỏi hối tiếc vì đã bỏ phiếu cho Barabba, hỡi đồng bào, tôi kêu gọi hãy bầu cử lại từ đầu! Không còn danh sách giới thiệu nào nữa! Không còn hai vị đứng cuối hẩm hiu nữa! Tất cả chúng ta đều bình đẳng trước hòm phiếu! Để

làm gương, tôi xin đứng ra ủng hộ!»

Sở dĩ Mười Hai để mặc thầy diễn thuyết, vì lúc đó có một số chuyện khác khiến chàng phải quan tâm hơn sự điên khùng đã đạt tới tuyệt đỉnh của thầy A.K.. Một nhân vật trong bộ Tô Châu xanh rờn vừa để mắt canh chừng diễn giả vừa thấp giọng trao đổi với bộ giả ký giả màu kem, vấn đề chính là họ không thấy xe trung ương đậu ở đâu, và những vết bầm tím trên mặt hai thầy trò là rất đáng suy nghĩ; họ quyết định nên lịch sự hỏi giấy tờ của trung ương, và nếu có gì không ổn sẽ khéo léo mời trung ương nghỉ lại ở nhà khách có dân vệ canh gác chặt chẽ. Thế là vừa lúc thầy A.K. gào lên đòi ủng hộ, đệ tử của thầy bèn thúc mạnh vào lưng thầy. Thầy ngã từ trên chiếc ghế đầu phủ nilông hoa dùng làm bọc xuống. Những bàn chân của dân chúng

mà thầy vừa trao cho sứ mệnh làm nên bước đi của lịch sử bây giờ hiển hiện đầy đe dọa trước mũi thầy. Thầy gượng đứng dậy, bởi lẽ ứng cử viên tự do đầu tiên trong cuộc tái bầu cử vĩ đại này không thể để mình bị ám sát một cách đơn giản đến thế. Nhưng thầy lại bị thúc dòn dập vào lưng và kéo phăng đi, giữa tiếng la ó, tiếng còi của đội bảo vệ, và tiếng nhạc hờn hờ nổi lên của bài “Woman in Love”, đánh theo lối nội địa.

Họ lại chạy thực mạng theo thói quen của ba ngày phiêu lưu. Ruộng đồng vun vút lùi lại phía sau, chó gà hốt hoảng nhảy vọt sang rìa đường, phân trâu bắn tung tóe, lều quán sững sờ, họ chạy đã lâu lắm, đã hết một vòng trái đất và đang hoàn thành một vòng nữa, một vòng nữa, vậy mà mỗi khi họ định dừng, thì trước mặt, sau lưng, bốn bề, lại vẫn thấy

chi chít cờ quạt, biểu ngữ, lại vẫn tiếng loa phóng thanh và tiếng người đàn bà đang yêu hơn hở, cuộc truy nã này quả là thần diệu! Cuối cùng, khi hai thầy trò, hai gã nhạo báng thánh thần và treo cổ tình yêu, hai gã lang băm và bẻm mép, hai hiệp sĩ bại trận và chính khách hụt, không còn cách nào khác là đầu hàng, nằm vật xuống một nơi nào đó trên đất nước bao la của chúng ta, và buồn bã ngửa mặt lên hóng hai ngôi sao lẻ nào đó sẽ trầm hùng sa xuống, thì bỗng đâu trước mặt, sau lưng, bốn bề sạch quang tịnh lặng, như thể cuộc truy nã vừa rồi chỉ là một cơn hưng phấn quái lạ trong hai cái đầu hủ là không bình thường của họ mà thôi.

Lúc ấy vừa đúng mười hai giờ đêm. Cuộc phiêu lưu ba ngày của thầy A.K. và đệ tử đã kết thúc trọn vẹn.

ĐOẠN KẾT

Và, đêm tối bùi ngủi, ánh sáng trên trời dăm ba chấm khó đoán, ánh sáng dưới đất tuyệt không, thầy trò chia tay nhau, Mười Hai muốn trở lại cưỡi nàng thôn nữ góa bụa, chàng nhờ thầy A.K. nói với ông chủ quán nước gốc đa rằng chàng đã tự nguyện rút khỏi danh sách những người thừa kế lọ kẹo lạc và khay thuốc, ông không cần phải giật giật quai hàm nữa. Chàng cũng âu yếm cảm ơn thầy A.K. về ba ngày kỳ thú vừa qua và hy vọng được thầy quá bộ ghé thăm khi thầy lại phiêu lưu cuộc tiếp theo. Rồi chàng vui vẻ biến vào màn đêm, đệ tử thứ mười hai của thầy, ôi, giờ phút này sự phàm tục của chàng đối với thầy mới thiêng liêng biết mấy!

Thầy còn lại một mình, và một lần nữa tôi lại để độc giả khôn ngoan tự hình dung, thầy A.K. mà bơ vơ giữa đêm đen, bên một cánh đồng rất có thể nhiều ma, thì sự thể sẽ ra sao.

Đến đây, chúng ta đành ngâm lên hai câu thơ để an ủi thầy, vì thầy A.K. sẽ chẳng bao giờ ngâm thơ nữa:

Mạc sâu tiền lộ vô tri kỷ
Thiên hạ hà nhân bất thức quân?

Sáng hôm sau, thầy A.K. lại có mặt trên đường phố, khiến đường phố Hà Thành bàng bạc một vẻ trầm lặng thâm thúy như ta đã biết, và thay vào những ám ảnh lừng danh đã tiêu tan, bây giờ trong thầy là một khối phi tham vọng khổng lồ. Có nghĩa là thầy sắp rời bỏ chúng ta để gia nhập hàng ngũ các nhà hiền triết phương đông. Có nghĩa là chúng ta cũng

nên mau mau rời bỏ thày để trở về với
những khát vọng phi thánh hiền thường
ngày của mình.

6-1992



V. TIỂU LUẬN

9. VIẾT NHƯ MỘT PHÉP ỨNG XỬ

Tôi không nói tới việc viết văn thuần túy vì mục đích kiếm sống, dù đấy là điều rất đáng bàn, và hơn nữa, sự nghèo túng của những người cầm bút xứ sở này đã trở thành truyền thống; cũng không nói đến việc viết văn để kiếm chác một vài thứ khác ít đáng bàn hơn, như danh vị hay những đặc quyền xã hội nào đó. Những chuyện ấy đòi hỏi một cung cách ứng xử tuy hơi mất thời giờ, nhưng đơn giản. Còn lại, dù có mất lòng tin vào văn chương đến

bao nhiêu, tôi cho rằng con người vẫn không thoát khỏi những suy tư và khao khát về thứ văn chương thực sự cần thiết, vừa xứng đáng vừa khích lệ đời sống của con người.

Song, chúng ta đang ở cái thời mà người ta sẵn sàng thừa nhận rằng tất cả đều có lý, kể cả những kẻ viết văn đơn giản vì lười biếng và thích nhàn hạ. Còn đối với tôi, viết quả như một phép ứng xử toàn diện, trước hết là ứng xử với bản thân mình, sau là ứng xử với môi trường, và môi trường ở đây là toàn bộ những gì mà tự nhiên và con người tạo ra, kể cả di sản của quá khứ và những tín hiệu dù còn mơ hồ về tương lai. Nếu hiểu như vậy, thì cụ thể, người cầm bút phải đối diện với vô vàn dữ kiện, và dường như không thể xếp chúng theo trình tự quan trọng cấp một, quan trọng cấp hai... Liệu

bạn đọc có thể hiểu rằng một nhà văn gầy yếu sẽ đặt lên trang giấy những điều khác xa một nhà văn to béo không? Và một nhà văn sinh ra với bàn tay sáu ngón chẳng hạn dứt khoát sẽ tìm mọi cơ hội để đánh nhau với ngón tay thừa, không được thẩm mỹ chung chấp nhận, của mình? Đối với bản thân người cầm bút, điều đó rất nhiều khi không kém quan trọng hơn những dữ kiện xã hội lớn lao là bao. Tiếc rằng chưa bao giờ tôi tìm thấy trong các công trình nghiên cứu văn học của chúng ta một tia sáng dù rất nhỏ nào rọi về hướng đó. Có một người mà sự nghiêm túc và trung thực trong tư duy khiến có thể tiệm cận vấn đề này nhiều hơn cả: Ông Vũ Ngọc Phan, tác giả bộ “Nhà văn hiện đại Việt Nam”, một tác phẩm đến nay hầu như vẫn chưa có người vượt qua bất chấp tất cả những nhược điểm của nó, nhưng tiếc thay, ông

chưa mơ mộng và khắc nghiệt tới mức ấy, và càng tiếc là ông không để lại người kế nghiệp.

Một trong những yếu tố đầu tiên quy định cung cách ứng xử của người cầm bút có lẽ là ngôn ngữ, thứ phương tiện gần như duy nhất và bắt buộc. Dĩ nhiên, ai cũng có quyền chọn cho mình một thứ ngôn ngữ, nhưng vấn đề không đơn thuần là bảng chữ cái, vì đằng sau đó là những di sản văn hóa, vốn liếng tâm lý, kinh nghiệm, và bộ mặt xã hội khác nhau. Với tất cả lòng yêu quý và tôn trọng tiếng Việt, tôi vẫn không thể phủ nhận mặc cảm của mình về thứ phương tiện mà tôi đã tự nguyện chọn lựa này. Các nhà văn thường than thở về sự bất lực của ngôn ngữ. Điều đó đôi khi mang tính biểu tượng nhiều hơn là chỉ ra những khiếm khuyết cụ thể. Tôi

sẵn lòng ghi nhận bước phát triển gần như thần tốc của tiếng Việt hiện đại, bởi xét ra, nền văn chương thực sự được viết bằng thứ tiếng này mới chưa đầy trăm tuổi, một ca đặc biệt trong lịch sử văn học thế giới, và đấy cũng đáng là lý do để chúng ta tự động viên mình, nhưng rõ ràng nó không có được cái vinh dự sáng ngang với những ngôn ngữ hùng cường khác, và muốn nói gì thì nói, nó là một trở ngại trong quá trình hòa nhập với phong văn hóa chung nhân loại của chúng ta, và niềm vui của người được viết bằng tiếng mẹ đẻ nhiều khi không át được nỗi buồn trước tính khu biệt quá cao của thứ tiếng ấy. Trước một bậc thầy tiếng Việt như Nguyễn Tuân, tôi không khỏi băn khoăn, nên làm cho tiếng Việt chúng ta tiếp tục trở thành một đặc sản dành riêng cho những người sành ăn, hay trước hết hãy gia tăng tính khoa học,

tốc độ, và khả năng biểu đạt tư duy trừu tượng của nó.

Chọn cho mình một quan điểm nghệ thuật - thực ra, đó chẳng qua là việc lựa chọn một quan điểm sống - có lẽ là biểu hiện thấu đáo nhất của phép ứng xử theo nghĩa tôi đang nói. Việc dễ dàng và cũng dễ dãi nhất là đưa tinh thần thời đại vào làm mẫu số chung cho những quan điểm nghệ thuật khác nhau. Nếu khẳng khẳng nhìn từ góc độ ấy, và nhất là nếu được tiếp xúc bởi một vài cây gậy chống vĩnh hằng khác như chủ nghĩa nhân đạo, hay hệ mỹ học..., thì các nhà văn không còn việc gì khác hơn ngoài khai rõ ngày tháng năm sinh của mình và tóm lược tất cả các nhân vật mình đã để ra rồi chờ đợi lời phán xét từ các máy tính điện tử. Nhưng Stendhal và Balzac, sản phẩm Pháp của cùng một thời đại, thật khác xa

nhau. Bất chấp lòng yêu mến đến muôn của tôi đối với Stendhal, tôi vẫn cho rằng đặt cạnh ông, Balzac chỉ là một người thợ kể không biết mệt mỏi và không biết tiếc thân. Hay đặt cạnh Arno Schmidt thì Guenter Grass, người mà tôi hết lòng ngưỡng mộ, cũng có nguy cơ trở thành nhạt nhẽo, và họ đều là sản phẩm Đức của cùng một thời đại. Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ này dường như hy vọng ở sức mạnh tập thể nhiều hơn ở những anh hùng cá nhân. Có một thời, độc giả còn ít nhiều được quyền chọn lựa, giữa Vũ Trọng Phụng và Thạch Lam chẳng hạn. Tôi không cho rằng hai nhà văn đó đủ tầm để dựng lên hai bình diện tư tưởng cấp độ khác nhau, nhưng chút, thế giới tinh thần, tâm lý, tình cảm của họ đã đủ độ riêng biệt đến mức không thể nhầm lẫn người này với người kia. Hiện tượng này càng ngày càng trở nên

hiếm hoi. Các nhà phê bình của chúng ta không còn cách nào hơn là khoan sâu vào những phẩm chất chung của một tập thể văn chương. Những phẩm chất này lại được họ cho hôn phối một cách hết sức thành công với những sự kiện xã hội chính trị và thời đại chung. Kết quả là khi cần trình diện gương mặt tinh thần của mình với nhân loại, các nhà văn Việt Nam chỉ còn cách giới thiệu một khái niệm tập thể, kèm theo bản thành tích chính trị kinh tế xã hội rất gọi lòng thương cảm trên toàn thế giới của đất nước. Nếu tình trạng này tiếp tục kéo dài, tâm lý được che chở, được ngủ yên, và thậm chí được lợi dụng khái niệm tập thể ấy sẽ tiêu diệt đến khát vọng nghệ sĩ cuối cùng, và chúng ta có nguy cơ để lại cho hậu bối một món ăn tinh thần khủng khiếp.

Một quan điểm nghệ thuật bao giờ cũng dẫn đến một phong cách nghệ thuật của riêng nó. Bút pháp văn chương rõ ràng không chỉ là vấn đề câu chữ, việc lạm phát những dấu chấm hay dè sẻn những dấu hai chấm gạch đầu dòng. Mặc dù những người chủ trương nouveau roman đã không còn là những đại diện tiên tiến nhất ở chính nơi phong trào đó được khởi xướng, và mặc dù các nhà cách tân văn chương vĩ đại: Musil, Joyce, Faulkner... đã dần dần trở thành những tên tuổi cổ điển, trong khi các thế hệ đến sau không mấy ai có đủ can đảm và thời gian đọc trọn vẹn chỉ một trong số các tác phẩm của họ, nhưng câu hỏi họ đặt ra, đối với tôi, vẫn là câu hỏi ném về phía trước: vấn đề không còn là viết về cái gì, mà là viết như thế nào. Trong chừng mực nào đó, tôi ghen tỵ với Nguyễn Du hay Hồ Xuân Hương. Họ hồn nhiên hơn nhiều

trước câu hỏi ấy, và biết đâu thành công cũng vì lẽ ấy. Họ không cần biết - và thực tế đã không hề biết - Goethe và Byron, những nhà thơ cùng thời ở nửa kia địa cầu, và nói cho khách quan, Goethe và Byron cũng không hề biết họ. Điều đó chắc chắn không làm giảm sự vĩ đại của họ, cả bốn người. Nhưng chúng ta đang ở một thời mà người cầm bút buộc lòng phải có một giao tiếp nhất định với sản phẩm tinh thần và nghệ thuật toàn thế giới. Tôi cho rằng, ngày nay, một nhà văn thực sự không được phép xin lỗi cho sự thiếu hiểu biết của mình về hoạt động của các đồng nghiệp xuất sắc trên thế giới nữa, đây là chưa kể đến việc đối thoại nghiêm túc, chứ không phải một cuộc tham khảo các lời giới thiệu và mục lục.

Văn học Việt Nam hiện đại có cái may mắn là đã không trở thành đối tượng và nạn nhân của các cuộc tranh luận văn chương sôi nổi trên thế giới. Không ai nói đến một phong cách Việt Nam, như kiểu văn học Mỹ la tinh, hay văn học Nga di cư. Và lại càng khó tìm thấy ở đây một phong cách cá nhân riêng biệt, nếu các nhà phê bình chịu khó đi xa hơn việc khen nhà văn này “sắc sảo” hay “hồn hậu”, chê nhà văn kia “chưa đủ độ sâu lắng” hay “không thật đều tay”.

Nhưng người ta không chỉ học hỏi ở những phong cách lớn, mà còn học ngay ở một nền văn học thiếu phong cách. Và tôi tin rằng, nhiều nhà văn Việt Nam lớp trước đã trả một cái giá đắt để chúng tôi, những người đến sau, có thể học được điều lớn nhất là: không nên viết như thế nào.

Một quan điểm nghệ thuật thường cũng kéo theo một số phận nghệ sĩ của riêng nó. Tôi không biết những nhà văn ở những thời đại trước cảm nhận định mệnh của mình ra sao - về chuyện này, hình như phần lớn các sách danh nhân và tiểu sử đều cung cấp một thông tin mà sự méo mó có thể đạt tới một trăm phần trăm - nhưng ở thời đại chúng ta, khi tốc độ sống của con người dường như không cho phép cả sự bất tử đến sau cái chết sinh vật học, thì người cầm bút phải chấp nhận điều kiện vô cùng nghiệt ngã. Không thể hy vọng lẫn trốn trách nhiệm vào một cõi xa xôi nào đó. Không thể trông đợi sự khoan hồng của thời gian nữa; trong khi ấy, đạt tới một sự thỏa thuận nào đó với cái thời mà mình đang sống nhiều khi đồng nghĩa với nguy cơ tự triệt tiêu mình, bởi không phải ai cũng có cái điểm phúc được chọn

thời mà sống; vả lại, ở bất kỳ thời đại nào, một trong những đặc tính thường trực của người nghệ sĩ vẫn là sự không hài lòng, bởi cái khát khao cuối cùng của người nghệ sĩ bao giờ cũng nằm ở phía trước mà con người chưa bao giờ đạt đến.

Tôi là người lạc quan bẩm sinh. Tôi tin tưởng sâu sắc rằng, bất chấp tất cả, thời sẽ càng ngày càng khá, và những người cầm bút sẽ càng ngày càng tốn ít năng lượng hơn vào việc thích nghi với thời đại của mình, hay đơn giản chỉ để sinh tồn trong khoảnh khắc, mà có thể dùng năng lượng ấy vào việc vượt qua chính cái thời của mình và kéo dài cuộc đối thoại với những thế hệ tương lai.

4-1989

10. MỘT TRÒ CHƠI VÔ TÂM TÍCH

Nguyễn Hồng Hưng, nhà điêu khắc, có lần bảo tôi: “Văn chương chẳng phải là lúa, cứ cấy xuống là vài tháng sau gặt. Văn chương là một trò chơi vô tâm tích».

Vô tâm tích, nghĩa là thế nào?

Tôi được nghe nhiều người cầm bút ngậm ngùi, liệu ba trăm năm lẻ nữa có ai là kẻ khóc mình. Nhiều người cương

quyết khước từ công chúng của ngày hôm nay để dành ngân kéo bàn giấy thiêng liêng của mình cho một công chúng ngày mai. Nhiều người tìm kiếm an ủi trong sự bất tử ở một cõi xa xôi nào đó. Nhiều người bay trên đầu những đồng nghiệp thành đạt với nụ cười thông thái, rằng thời gian sẽ sàng lọc công bằng lắm. Nói chung, ở người cầm bút, gửi gắm mình cho một mùa gặt xa vời nào đó là một hy vọng thâm căn cố đế. Và cũng thâm căn cố đế như vậy là thói lập lờ đánh lận, lợi dụng tính chất bi ẩn, vô phương kiểm soát của thời gian làm tấm chắn miễn cưỡng cho những kẻ lười biếng và bất tài. Ở đây, trò chơi vô tâm tích của văn chương trở thành một trò phù thủy hù dọa. Có những nhà văn phù thủy đã sống suốt một đời no nê xôi thịt chỉ nhờ những bóng ma thiên tài. Và tâm lý sợ ma của người đời cũng lại là thâm căn cố đế.

Điều có thật là lịch sử từng nhiều lần phong thánh muện màng một số thiên tài văn chương mà tầm vóc và tài năng thời của họ không dung nổi. Nhưng thụy danh và lễ truy điệu dành cho họ thực ra chỉ có nghĩa với hậu thế, còn với bản thân họ, tôi tin rằng tất cả những thứ đó hoàn toàn vô nghĩa mất rồi. Có người cầm bút nào không mưu cầu hạnh phúc, trong đó bao gồm cả sự thừa nhận của những người cùng thời. Friedrich Nietzsche, con người cô đơn tới mức “Không có nổi cái ân huệ có những địch thủ xứng đáng», chắc chắn chẳng sung sướng gì với tấn bi kịch tình thần chết người của mình, chẳng thích thú gì cảnh “từng người, từng người một trong đám bạn bè và người quen kẻ lạ lần lượt sợ sệt đứng dậy giữa màn độc thoại oanh liệt của ông và khiếp đảm bỏ lại ông một mình trên sân khấu ghê rợn của cuộc

đời ông. Và tấn trò chưa từng thấy nhất của trí tuệ ban tặng cho cái thế kỷ sụp đổ của chúng ta đã kết thúc không hồi âm, không thánh giả, trước những hàng ghế băng trống rỗng» [Dẫn theo S. Zweig: «Der Kampf mit dem Daemon - Hoelderlin - Kleist, Nietzsche».]

Đó quả là một trò chơi vô tâm tích vĩ đại, bởi nó đạt đến mức hiểm nguy cuối cùng. Nietzsche, người thực hiện, đã không hề muốn, nhưng không thể không thực hiện. Điều này nằm ngoài ý muốn cá nhân ông.

Trong khi đó, ở thời nào cũng thế, số đông những người cầm bút thuộc về thứ “văn học cập nhật”.

Có những tác giả mòn mỏi đuổi theo các chủ đề vĩnh hằng của nhân loại, mà than ôi, tác phẩm của họ vẫn chẳng thọ hơn tấm thân vật chất của họ là bao.

Có những tác giả say sưa với các cuộc cách tân văn chương, mà thương thay, lao lực thể nghiệm của họ vẫn chẳng dựng nổi một cột mốc khả dĩ nào trong lịch trình phát triển của văn học.

Có những tác giả định ninh mình đang dẫn đồng bào băng qua sa mạc tới vùng đất hứa, mà hồi ôi, cái sa mạc theo lối nghệ sĩ ấy không nhiều hơn ba hột cát.

Họ đã không muốn đoán thọ mà vẫn đoán thọ. Có lẽ lịch sử chỉ thương hại, chứ không nỡ trách móc, và ít khi lăm về những kẻ lực bất tòng tâm ấy.

Nhưng đáng trách là những toan tính - đôi khi rất tài ba - của những kẻ dùng văn tài của mình để gây dựng gấp gáp danh vọng, tiền bạc, bất chấp lời kêu gọi dù rất mong manh của một lương tri

nào đó. Tôi hiểu lương tri ở đây không phải như một khái niệm đạo đức, mà như cái lẽ nội tại tất yếu của nghệ thuật văn chương. Sách xưa kể việc Đồng Hồ chép thắng án Đào Viên: “Đã gọi là tín sử thì có thể nào phải chép như thế, bởi vậy đâu tôi có thể cắt được, chứ bản thảo này thì không thể chữa được”. Cái lương tri ấy nằm trong chính bộ môn sử, người chép sử chỉ là kẻ thừa hành. Và nhất định phải có một cái lương tri như vậy nằm trong văn chương.

Văn học Việt Nam hiện đại đang bắt đầu phát triển theo quy luật thị trường. Theo tôi, như thế hợp tự nhiên, và vì vậy lành mạnh hơn nhiều so với giai đoạn phát triển theo kế hoạch trước đây. Có thể kể ra một vài nhu cầu của thị trường đó: cải lương, phá bình, tù mù và nhân văn.

Cải lương chiếm quá nửa và hứa hẹn nhiều lời lãi nhất. Cải lương hiện đại có thể bao gồm từ chuyện nhà chùa đến chuyện nhà chứa, thỉnh thoảng có dừng lại triết lý giữa những pha gay cấn. Văn học Việt Nam xưa nay ít dùng để giải trí. Cải lương khắc phục được khuyết điểm đó. Nó hồn nhiên hơn và ít tham vọng hơn. Rất nhiều văn xuôi chống tiêu cực và thơ trữ tình ra đời trên nền tảng tiện lợi ấy.

Phá bĩnh dành cho những khách hàng khó tính. Họ cũng phóng khoáng, ưa hài hước và có tinh thần cấp tiến. Đời sống văn chương của chúng ta xưa nay buồn tẻ, nhạt nhẽo và nhiều đạo đức giả, thật cũng đáng phá bĩnh lắm! Sensation và Scandale trước đây vốn là từ chuyên dùng để chỉ tình trạng lộn xộn bữa bãi, tóm lại là đổi trụy và phản động của

những nền văn học phương Tây. Thật ngạc nhiên và may mắn là nó đã tìm được đường đến với chúng ta, chưa đầy mười lăm năm sau cuộc đổ máu chống Mỹ. Tôi quan niệm đó là những cú huých lành mạnh. Người ta có thể tiến về phía trước bằng cách đó hay không lại là việc khác.

Phong trào phá bĩnh hiện nay thực ra không phải có nguy cơ quá đà như nhiều nhà phê bình đầy tinh thần trách nhiệm đã lo lắng nhắc nhở. Nguy cơ của nó, ngược lại, là sự non yếu, ngắn hơi, chỉ nương nhờ vào ngẫu nhiên, thiếu hụt quy mô và tầm vóc cần thiết. Có lẽ nó chỉ đủ thỏa mãn tâm lý ưa chửi đồng và hờn dỗi, thậm chí chưa đến mức ăn vạ, của người Việt, chứ không đủ để giáo dục một ý thức phản kháng sâu xa nhằm vươn tới tự do và nhân quyền. Trong

tình hình biến đổi cao tốc trên thế giới hiện nay, đây là điều rất đáng buồn cho xứ sở này.

Văn chương tù mù gần đây rất được ưa chuộng. Đầu thế kỷ, có một người Pháp đã bình luận rằng: “Người nước Nam được một cái lạ: cứ được đọc sách ngâm thơ là sướng, hiểu hay không hiểu chẳng cần. Từ người kể chuyện Nhị Độ Mai đến ông bình văn, chỉ cốt có giọng mà thôi. Thế mà đọc đi đọc lại dăm bảy mươi lần cũng không biết chán”. Nếu chịu khó đầu cơ vào tâm lý “hiểu hay không hiểu chẳng cần” và “đọc đi đọc lại dăm bảy mươi lần không biết chán” ấy, nếu thấm nhuần kỹ thuật ám chỉ đầy ẩn ý vốn là truyền thống đông phương, cộng thêm kỹ thuật bỏ ngỏ rất linh động của văn chương thế giới hiện đại, ta có thể hoàn thành không khó khăn gì một

tác phẩm tù mù. Đây là một lối đi tắt rất hiệu quả. Bí quyết của nó nằm ở chỗ để người đọc linh cảm thấy một điều gì đó rất mơ hồ và lớn lao đằng sau các hàng chữ. Về khía cạnh nào đó, dường như nó cũng cùng mạch với trò chơi vô tâm tích. Nhưng chỉ dường như mà thôi.

Tôi thường mơ ước: nghệ thuật phải sáng trưng. Nếu không, có cũng chỉ là trò phù thủy đánh đổ của những kẻ “đánh quả nghệ thuật” trong tranh tối tranh sáng.

Cuối cùng là nhân văn. Thực ra, đây là một vấn đề sáng tỏ, chẳng có gì phải bàn dông dài. Đáng đau đầu là, đối với một số người này nó là món độn, đối với một số người khác nó là nón kèm bảo hiểm, và đối với một số người khác nữa nó lại là một trọng tài dễ dãi và cả nể. Biết làm sao được, khi thị trường văn

học theo đúng nghĩa của nó mới hình thành ngăn ngừa thế, và không ít người còn tiếc nuối thời kỳ phát triển theo kế hoạch trước kia. Ôi, thời vàng son trong đó mọi người đều có phần của mình mà không phải cố gắng gì nhiều nay còn đâu!

Đáp ứng đúng những nhu cầu đó, chiều theo thị trường và biết cách khuynh đảo hay tràn ngập thị trường, là những điều kiện sống còn của văn chương “cập thời vụ”. Ở đây, bảo thủ hay đổi mới chỉ là cái cớ. Vấn đề là sự đặc dụng tức thời, là sự thành đạt và doanh thu ngay tại chỗ. Nhu cầu “có tất cả và có ngay tức khắc” ấy cũng là một nhu cầu hoàn toàn tất yếu và lành mạnh của con người, nhất là ở một thời mà không ai dám chắc cái hôm nay đoạt được liệu ngày mai có còn là của mình nữa không.

Thêm vào đó, không hiếm nhà văn

tự cho mình phải thực hiện nghĩa vụ công dân cấp bách của một thể chế, một thời đại nào đó. Biết làm sao, khi có những thể chế, những thời đại chỉ xuất hiện một lần duy nhất, không bao giờ có kế thừa, như một vết nhơ trong lịch sử nhân loại? Và nếu những người cầm bút chỉ là những công dân tốt và những nhà văn tồi, thì chúng ta tất yếu sẽ có một nền văn học tồi của các công dân đáng kính. Điều đó chưa tệ hại lắm. Sẽ tệ hại hơn, nếu các bác sĩ, phi công, kế toán viên... đều là những bác sĩ tồi, phi công tồi, kế toán viên tồi như vậy.

Giữa một bên là thứ văn chương “cập nhật” - những vụ gặt hái gieo trồng quá ngắn ngày - và một bên là huyền thoại về thiên tài, một trò chơi rất sang, công chúng biết chọn đằng nào?

Có nhà văn nào hài lòng thấy mình là con lừa nổi tiếng đứng giữa hai bó cỏ ấy không?

Tôi rất thích coi văn chương như một trò chơi vô tâm tích, mà trong lòng vẫn thấy hoang mang.

9-1989

11. VĂN HỌC VÀ XÃ HỘI VIỆT NAM

Người Việt thường tự cho mình có truyền thống trọng văn chương. So với những sự trọng khác, như trọng kỹ luật, trọng phiêu lưu, hay trọng nhân quyền, thì sự trọng văn chương quả có phần nổi bật. Trọng tới mức không hề có một nghi vấn đáng kể nào về bản thân văn chương, và lại càng không bao giờ nghĩ đến việc thay đổi điều gì trong văn chương. Thế cho nên,

xã hội Việt Nam đã trải qua nhiều biến động, nhưng văn học Việt Nam lại hết sức ổn định. bất kể được viết bởi ngôn ngữ nào: Hán, Nôm, hay quốc ngữ, bất kể các hình thức gọi cho là mới nào, bất kể các thời đại, văn học Việt Nam cho đến ngày hôm nay nhìn chung vẫn tiếp tục là một nền văn học luân lý chính trị, với một tinh thần thẩm mỹ không thay đổi. Vài ba cuộc cách mạng đã diễn ra trên đất Việt, nhưng chưa bao giờ có một cuộc cách mạng thẩm mỹ thực sự; cùng lắm chỉ có một, hai cuộc nội chiến văn chương, cũng kéo theo những biến đổi thẩm mỹ nhất định, nhưng bị dập tắt rất oan ức và nhanh chóng. Và cũng có vài ba nhà văn nhà thơ làm đ ược ngoại lệ, nhưng công chúng chẳng bao giờ được chuẩn bị cho những ngoại lệ như thế, và công lao chủ yếu của các nhà này là để tôn bậ t hơn nữa trật tự chung mà thôi.

Người Việt vốn không có truyền thống đọc sách. Trong quá khứ, sách tuyệt đối là Hán văn, thứ ngoại ngữ của riêng tầng lớp chuyên gia - nho sĩ. Sách báo quốc ngữ mãi đầu thế kỷ hai mươi mới xuất hiện, trong bối cảnh chín mươi phần trăm dân số mù chữ. Và đến cuối thế kỷ, thói quen đọc sách vừa chập chững hình thành lại rất dễ dàng thui chột đi trước những thói quen và nhu cầu gào thét khác của một xã hội đang chân trong chân ngoài chuyển từ giai đoạn lý tưởng suông sang giai đoạn hưởng thụ man rợ. Đây là chưa kể gần mười phần trăm dân số vẫn tiếp tục mù chữ hoặc tái mù. Thế cho nên, trước sau người Việt vẫn ưa thích văn học truyền miệng hơn văn học viết, chuộng thơ văn, coi trọng nội dung tác phẩm hơn hình thức của nó, ưa nghe nói, nghe kể, nghe đồn về một tác phẩm văn học hơn trực tiếp đọc

nó, rất nhạy cảm với cái gọi là thông điệp nội dung và rất mơ hồ về việc tác phẩm văn học được viết ra như thế nào. Đặc tính này lại càng nổi bật ở tầng lớp độc giả chuyên nghiệp, nghĩa là các nhà phê bình văn học. Họ cũng ưu tiên nên phê bình miệng. Rồi họ chăm chỉ tóm tắt tác phẩm vào một cốt truyện và tính cách các nhân vật cần lưu ý - gần đây, họ cũng tóm tắt thành công cả những tác phẩm không có cốt truyện, rồi gior tất cả lên ánh sáng của khoa lý luận phê bình, và cứ thế soi tìm, không bao giờ chán. Chỗ nào soi mãi vẫn chẳng thấy gì, hoặc đâm ra thấy nhiều quá, hoa cả mắt, họ cũng lảm bảm một chút về vấn đề kỹ thuật, đại loại như thủ pháp, bút pháp, thi pháp, ngữ pháp gì đó, và cũng chỉ như vậy mà thôi. Nhưng tinh thần thẩm mỹ là thứ không thể giải quyết bằng kỹ thuật.

Tính ổn định của văn học Việt Nam liên quan chặt chẽ tới vai trò kép cố định của nó trong xã hội. Những lời bàn của Marx về văn học nghệ thuật tỏ ra rất đúng với trường hợp Việt Nam. Những lời dạy của Khổng Tử càng đúng. Cả hai nhà không tưởng vĩ đại này đều tỏ ra rất thiết thực trong câu chuyện văn chương. Văn chương phải trực tiếp có ích cho công cuộc xây dựng trật tự xã hội mà họ theo đuổi.

Văn học Việt Nam bao giờ cũng là một công cụ, một phương tiện, một vũ khí trước khi là một nghệ thuật. Truyền thống lớn nhất của văn học Việt Nam là truyền thống bị công cụ hóa, tới mức nó không thể hình dung nổi một chức năng nào khác ngoài chức năng công cụ, và tinh thần thẩm mỹ thống trị nó là tinh thần phục vụ chứ không phải tinh thần dẫn

đường, là ý thức tận tụy, nhiệt tình chứ không phải ý thức sáng tạo, phiêu lưu, là cảm khái và nhiệt huyết chứ không phải là trí tuệ khách quan, là sự trịnh trọng cứng đờ, chứ không phải tiếng cười. Hầu như nó chỉ quanh quẩn trong hai vị trí, hoặc là công cụ của nhà nước, là chính thống, hoặc là công cụ phi chính thống của các lực lượng đối lập. Ở cả hai vị trí đó, văn học đều phụ thuộc, đều mất tự do như nhau, đều không có cơ hội để là chính mình. Chưa bao giờ văn học Việt Nam có được một chỗ đứng độc lập, và một tinh thần tự do vững vàng, sáng suốt, không thể bị cám dỗ.

Nó cứ quay cuồng từ phía áp lực này sang phía áp lực kia, lúc nào cũng kêu hãn đang là hội chợ của chân lý hoặc cục nam châm đi dò tìm chân lý, đang là chiếc loa phóng thanh của sự thật hoặc

quả bom sự thật, đang là bản giao hưởng của tự do hay tiếng chim báo hiệu tự do, và càng quay cuồng, kiêu hãnh bao nhiêu, càng ồn ào hoặc rên rỉ bao nhiêu càng đánh mất khả năng truyền đạt cảm xúc xác thực về sự thật và tự do bấy nhiêu. Trong cái vòng luẩn quẩn kia, văn học đã dần dần mất hẳn các giác quan cần thiết để cảm biết hiện thực. Đối với nó, hiện thực không còn hiện ra như bản thân hiện thực, mà chỉ còn thu gọn ở tương quan giữa hai thế lực mà nó đều phải phục vụ đặc lực như nhau, và nói như thế cũng còn nhiều quá, vì thật ra hiện thực ấy chỉ còn là mục đích mà hai thế lực đó theo đuổi. Nó không còn cách nào tốt hơn là trình bày hiện thực một cách dụng ý nhất. Tính dụng ý, ngây ngô và trơ trẽn, vì thế, là một trong những đặc điểm nổi bật của thứ văn học này. Trong trường hợp khá nhất, nó có thể đẻ ra các

loại ngụ ngôn, là nơi dụng ý có phần đỡ trơ trên hơn sau khi được mặc thêm một lớp áo hiền triết. Đối với nó, nghệ thuật chỉ còn được đo bằng tính hiệu quả. Văn học Việt Nam chỉ thạo hai cách gây hiệu quả. Hoặc càng tràn ngập, đơn giản, dễ hiểu càng tốt. Hoặc càng vòng vo, bóng gió, mập mờ càng hay. Và hai

nghệ thuật. Nghệ thuật nói sáo và nghệ thuật nói khéo. Trong trường hợp khá nhất, nghệ thuật nói sáo có thể đẻ ra cùng lắm là sự tài hoa, và nghệ thuật nói khéo có thể đẻ ra cùng lắm là các cuộc hội thảo với nhiều tranh cãi hợp hiến. Khéo nghĩa là vừa đủ kín để tác giả khỏi bay đầu, lại vừa đủ hở để trình bày một thái độ. Khi khéo đạt tới đỉnh cao, tác phẩm văn học giống như một bãi mìn, và độc giả phải là những công binh giỏi. Lý tưởng nghệ thuật của sáo thì nhằm

chán, của khéo lại chật chội, và cả hai thứ đều bị bao cấp như nhau. Đôi khi, văn học Việt Nam cũng gắng gượng tìm kiếm một lối thoát ra khỏi gọng kìm của hai áp lực kinh niên đó. Nhưng thay vì trở về với một hiện thực trọn vẹn, nó lại bay mộng lung trên đầu hiện thực, chối lẩy chối để mọi liên hệ với hiện thực, nhất là liên hệ với hai thế lực nổi tiếng nêu trên và khăng khăng bám vào cái gọi là những chủ đề vĩnh hằng, phi thời gian, phi không gian, và dĩ nhiên phi nhà nước cũng như phi phi nhà nước. Nó nhất định không chịu dính tới một ý thức hệ nào hết. Nó ngoảnh mặt làm ngơ trước các sự kiện thời cuộc. Nó cao ngạo như con công tự tán thưởng những màu sắc rực rỡ phi tư tưởng của mình trước cảnh tượng dân thân một cách vô vọng của những con gà chẳng hạn. Nhưng đó là một cuộc giải phóng hơi hợt, thường

bắt nguồn từ tình trạng chẳng có một tư tưởng đáng kể nào hết. Thế là gong kim được thay thế bằng sự rỗng tuếch. Và sự dụng ý trơ trẽn được thay thế bằng một mớ bạc nhạc có thể kém trơ trẽn hơn, nhưng cũng rất khó chịu.

Kết quả là hiện thực vẫn tiếp tục bị ăn bớt một cách không thương tiếc. Chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam thế là nằm ở toàn bộ những cố gắng nhồi nhét hiện thực vào một công thức nào đó, với tinh thần ưu tiên công thức, nghĩa là chỗ nào hiện thực không vừa với công thức thì cắt hiện thực đi, và lúc nào vội thì chỉ cần công thức không thôi cũng đủ. Trong tinh thần ấy, văn học luận đề đương nhiên thống trị, thống trị lâu và triệt để tới mức chúng ta đâm ra nghiện cái tính chất giả tạo phổ cập của nó. Ở Việt Nam, không phải tôn giáo, mà văn

học luận đề mới chính là thuốc phiện của nhân dân. Đó là về chủ nghĩa hiện thực, còn tinh thần tự do trong văn học Việt Nam thì nằm ở tất cả sự tự ý thức của mỗi nhà văn trước khi ngồi vào bàn viết, rằng “tôi là nhà văn Việt Nam, thế hệ này thế hệ nọ, đã trải qua điều này điều kia, cuộc chiến tranh kia cuộc chiến tranh ấy, có trách nhiệm ấy có trách nhiệm này, có sứ mệnh này sứ mệnh khác vân vân”. Thật là một tinh thần tự do vô cùng trịnh trọng.

Nhưng ngược với tính ổn định vừa trình bày ở trên, chỗ đứng của văn học trong xã hội Việt Nam lại không ổn định tí nào. Mới cách đây không xa, chưa đầy một thế kỷ, nó vẫn còn là một quyền uy tuyệt đối, là quyền lực và phương tiện đạt tới quyền lực, là đạo lý và thước đo đạo lý, được trọng vọng, tôn thờ, e sợ,

và chỉ dành cho một thiểu số chọn lọc. Nhưng tất cả đã thay đổi. Văn học bây giờ không còn ngự ở chốn thiêng liêng xa vời nào đó nữa, nó trở thành sở hữu toàn dân, nó là của mọi nhà, nó thành người khách quen đến mức dễ nhàm chán. Người ta tiếp cận nó thân mật đến xuống xã. Việc ra vào tự nhiên như thế trong văn học, không phải qua một cửa kiểm soát khe khóa nào, không phải chịu một kỷ luật đáng kể nào, không biết đến một cạnh tranh thực sự nào, khiến văn học của chúng ta giống như một sân ga, náo nhiệt thì có náo nhiệt, nhưng đầy tính nghiệp dư và có khả năng chôn vùi bất cứ một cá tính sáng tạo đơn độc nào. Nhưng như thế vẫn còn khả dĩ. Cái thời kỳ văn học - sân ga náo nhiệt ấy thậm chí đang bắt đầu trở thành quá khứ vàng son, nhường chỗ cho một thời kỳ văn học - sân ga hiu quạnh. Sớm muộn thì

người Việt, dân tộc trọng văn chương, cũng đã hiểu rằng cuộc sống không được định đoạt bởi văn chương. Xã hội Việt Nam đang có xu hướng trở thành một bãi rác khổng lồ của thế giới, với tất cả những đồ phế thải, những thứ mà thế giới được coi là văn minh đã quẳng đi từ lâu: xe máy, tủ lạnh, áo quần, các loại mốt thời trang, các lối sống, các trào lưu tinh thần, chủ nghĩa độc tài... Bãi rác ấy thì tấp nập. Văn học của chúng ta nếu không nhập cuộc tấp nập ấy ắt phải chịu cảnh ế ẩm quanh hiu.

Tuy nhiên, lòng kính trọng đối với văn chương chữ nghĩa là thứ không dễ gì phai nhạt. Và người ta lại càng không dễ chia tay với quá khứ, trong đó chỉ cần dùng ba con chữ là bình trị được thiên hạ. Bản thân người cầm bút cũng bám vào đó để tự an ủi. Rồi ảo tưởng ấy lây

sang cả người cầm quyền. Rất nhiều cuộc xung đột giữa đôi bên xảy ra trong tinh thần ảo tưởng như thế.

Nhưng ngay chính lúc này, một lớp nhà văn Việt Nam mới đã xuất hiện, không chia sẻ ảo tưởng đó, không tham dự cuộc tập nập nêu trên, không nộp mình vào thế gọng kìm hay sự rỗng tuếch. Và trên hết là họ đại diện cho một tinh thần thẩm mỹ mới. Vấn đề còn lại là tài năng.

3-1992

